

BÁCH KHOA

SỐ 90 — NGÀY 1-10-1960

KHẢO-LUẬN

- HOÀNG-MINH-TUYNH Tình-hình nước Nhật (II).
- NGUYỄN-PHÚC-SA Vấn-đề chuyên chở tại Việt-Nam.
- PHẠM-HOÀNG Kỹ-luật và quy củ.
- BÙI-HỮU-SÙNG Phê-bình văn-học là gì?
- ĐOÀN-THÊM Nỗi niềm thống tâm.
- BÙI-LƯƠNG Giải-thích bốn chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Si.
- VƯƠNG-HỒNG-SÈN Trung-Thu.
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU Chiến-tranh giữa Hòa-lan và xứ ta.
- THÁI-VĂN-KIỆM Tết Trung-Thu.
- THIÊN-GIANG Tôi dạy con tôi cách nào?
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Thành-tích 50 năm khoa-học.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

- TRẦN-VĂN-KHÊ Nhân xem « Con đường cái quan » của Phạm-Duy.
- BÙI-KHÁNH-ĐÀN Hủy diệt — Đường sống.
- HƯƠNG-QUY Bài ca tình yêu.
- NGHIÊU-NHẬT (dịch Ba-Kim) Chìm xuống.
- ĐOÀN-THÊM Thồn thức.
- VĂN-TRANG Dỡ chài.

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh « EAU DE VIE CŨ » 40° và 50°

— Rượu Tàu « LÃO-MẠNH-TỬU »

— Rượu Tàu « ÍCH-THỌ-TỬU »

SI-RÔ « VERIGOUD » :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm « DISTAROME »

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. »

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

♂ **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

♂ **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đặng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

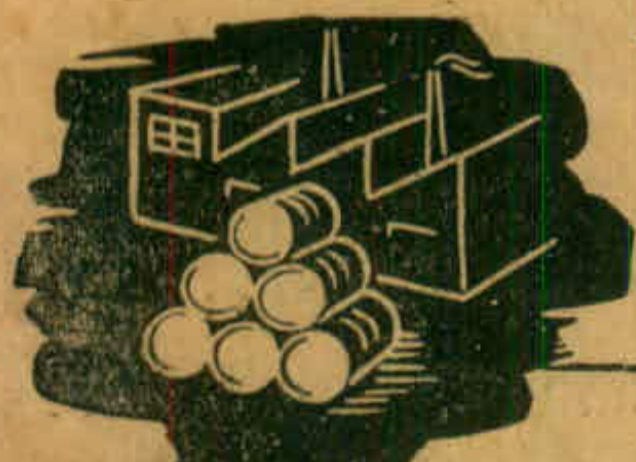
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycéline, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy



DU - NGOẠN HUE VÀ ĐÀ - NẴNG

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

TỔ - CHỨC

NHỮNG CUỘC DU - NGOẠN CUỐI TUẦN
ĐI HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

1) Du-ngoạn 2 ngày ở Huế

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở HUẾ trở về chiều Chúa - Nhật : 16g50

Giá tính chung **3.000\$** mỗi người

2) Du - ngoạn 3 ngày ở HUẾ và ĐÀ - NẴNG

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở ĐÀ - NẴNG trở về chiều Thứ Hai : 13g45

Giá tính chung **3.400\$** mỗi người

kể cả tiền vé phi - cơ khứ - hồi, ăn ở, du - ngoạn
có hướng - dẫn - viên.

Mỗi cuộc du - ngoạn cần số người dự ít lắm : 5 người

XIN HỎI CHI TIẾT và LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

ĐT : 22.446-47. 21 624-25-26

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHAP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TAT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái

Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

VINAACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MÂY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẤN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA

NECCCHI

MARELLI

OLIVETTI

LOMBARDINI

MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boîte Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON, KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Petersen International 3rd Edition

Buttley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

148-150, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



PHÒNG

UỐN

TÓC



SỬA

SẮC

ĐẸP

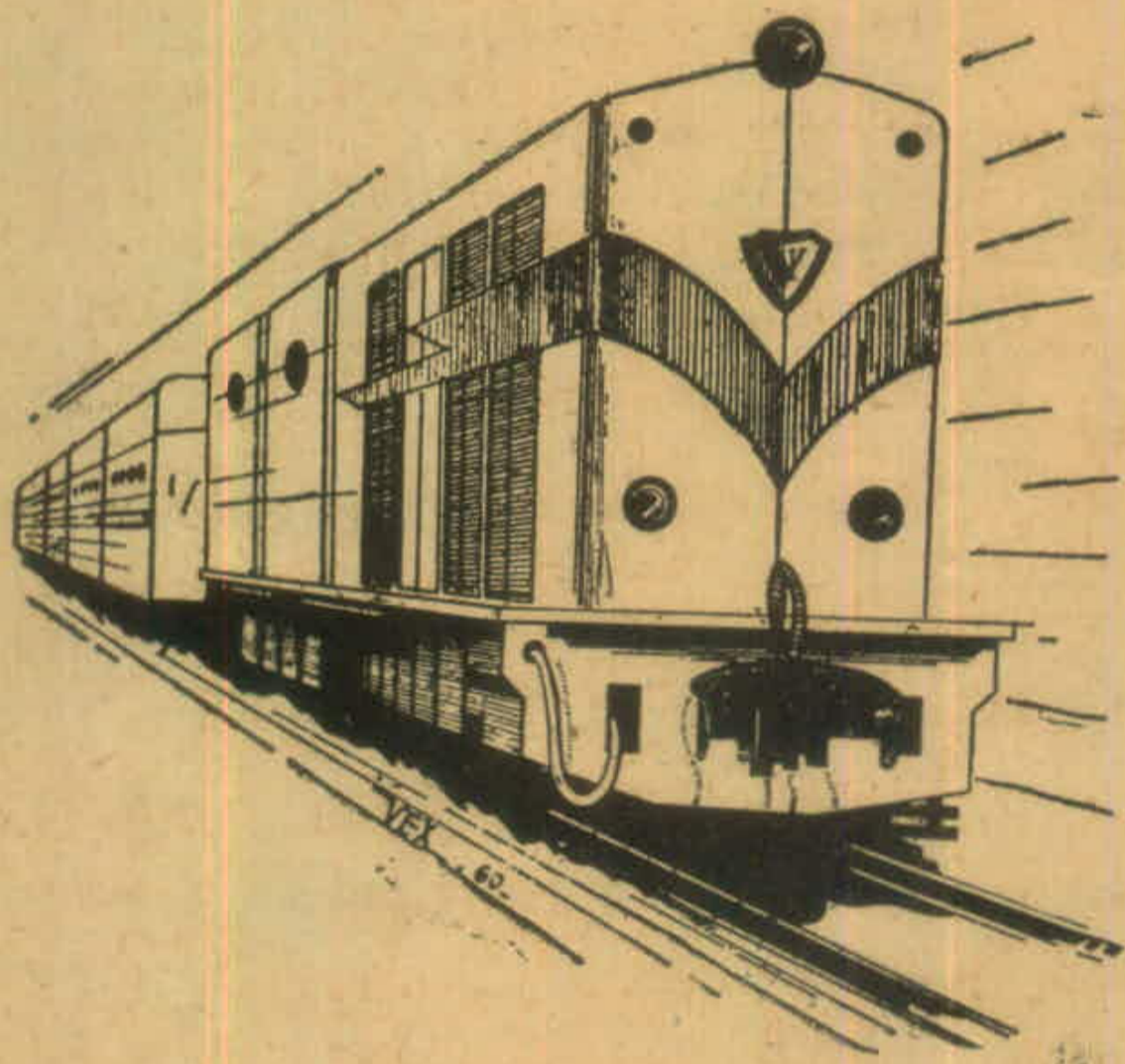


BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

ĐƯỜNG XE LỬA XUYÊN VIỆT

Đường Xe lửa Xuyên Việt là một nguồn lợi
tối quan trọng cho nước nhà.



Dưới quyền điều khiển của
kỹ-sư và kỹ-thuật gia Việt-
Nam, Đường Xuyên Việt nỗ
lực kiến-thiết để góp phần
độc-lập kinh-tế.

Từ Saigon đến Đông-Hà,
Nha Hòa-Xa Việt Nam đã
đặt và sửa lại 1.110 cây số
đường sắt, 20 vầy cầu sắt
mới, 75 cầu sắt Krupp, 68
cầu đực và bê-tôn...

Phương tiện giao thông
và chuyên chở này cũng
như các kỹ nghệ khác đều
cần đến dầu để chạy máy
và giữ gìn dụng cụ.



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBILDIESEL, v.v...

BÁCH-KHOA

Số 90 — Ngày 1-10-1960

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Tình-hình nước Nhật (II)</i> 3
NGUYỄN-PHÚC-SA	<i>Vấn-đề chuyên chở tại Việt-Nam</i> . . . 11
PHẠM-HOÀNG	<i>Kỹ-luật và quy cũ</i> 16
BÙI-HỮU-SÙNG	<i>Phê-bình văn-học là gì ?</i> 17
ĐOÀN-THÊM	<i>Nỗi niềm tháng tám</i> 30
BÙI-LƯƠNG	<i>Giải-thích bốn chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ</i> 35
VƯƠNG-HỒNG-SÈN	<i>Trung-Thu</i> 40
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	<i>Thông-thương và chiến-tranh giữa người Hòa-Lan và xit ta</i> 46
THÁI-VĂN-KIỀM	<i>Tết Trung-Thu</i> 51
THIÊN-GIANG	<i>Tôi dạy con tôi cách nào ?</i> 63
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Thành-tích 50 năm khoa học</i> 69
ĐOÀN-THÊM	<i>Thồn thức (thơ)</i> 73
TRẦN-VĂN KHÉ	<i>Nhân xem « Con đường cái quan » của Phạm-Duy</i> 74
BÙI-KHÁNH-ĐÀN	<i>Hủy diệt — Đường sống (thơ)</i> . . . 82
NGHIẾU-NHẬT (dịch Ba-Kim)	<i>Chìm xuống</i> 83
HƯƠNG-QUY	<i>Bài ca tình yêu (thơ)</i> 96
VÂN-TRANG	<i>Dỡ chà</i> 102

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

: Chính sách trung lập của người Nhật.

BỬU-KẾ

: Từ điện Voi Ré đến Hồ Quyền.

BÙI-HỮU-SÙNG

: Phê-bình Văn-học là gì ?

ĐOÀN-THÊM

: Người lớn, trẻ con.

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

: Bài học của thánh Gandhi.

NGUYỄN-PHÚC-SA

: Những ảnh hưởng của sự gia tăng dân số.

QUÝ-BẢO

: Một tháng ở Nhật-Bản

Đ. H.

: Nghề xuất-bản vớt loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

: Tìm đọc văn thơ cụ Thủ-Khoa Huân

NGUYỄN BẠT-TỤY

: Tên cá trong ngữ Việt.

NGUYỄN-VĂN-THU

: Đồ Sứ Đại-Tổng và Tranh Đại-Tổng.

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

: Đôi nhận-xét về âm-điệu Vọng-cổ

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

: Phân tích tâm lý.

TRẦN-VĂN-KHÊ

: Lời « Ca Huế » và lời « Nhạc tài tử ».

VÚ-HẠNH

: Vàng Hời (truyện ngắn).

XUÂN-TÙNG

: Trận banh đầu (truyện ngắn).

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

: Mưa (truyện dịch).

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

: Hương máu (truyện ngắn).

PHAN-DU

: Tình người (truyện ngắn).

CUỘC LIÊN-MINH GIỮA NHẬT-BẢN VỚI KHỐI TÂY-PHƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Tiếp Bách-Khoa số 89)

Ba nguyên-tắc căn-bản.

Mặc dù rất muốn tạo cho mình một vị trí độc lập hơn, cuộc liên-minh với Tây-phương, đặc biệt là liên-minh mật thiết với Hiệp-Chúng-Quốc, trước sau vẫn là nguyên tắc căn-bản trong chính-sách ngoại-giao của Nhật. Cuộc liên-minh đó vẫn được thành-phần bảo-thủ trong công-luận Nhật chủ-trương. Thành-phần bảo-thủ này phần lớn thuộc đảng Tự-do — Dân-chủ là đảng hiện đang nắm giữ chính quyền và gồm các công-chức cao-cấp cùng đa số các giới kinh-doanh quan-trọng. « Ba nguyên-tắc căn-bản » của chính-sách ngoại-giao chính-thức được công-bố năm 1957, là:

a.) hợp tác với Hiệp-Chúng-quốc và thế giới tự-do ; b.) ủng hộ Liên-hiệp-quốc ; c.) nhìn nhận vị trí của Nhật thuộc Á-châu và tầm quan-trọng của mối liên hệ giữa Nhật với các nước khác tại Á-châu.

Về đại-quan, ba nguyên tắc trên được công-luận thuộc mọi khuynh hướng chấp thuận, trừ tả phái. Chủ nghĩa chiết trung đó, một mặt, tuy có thể đem lại nhiều lợi điểm trên địa hạt chính-trị, song mặt khác, lại làm phát sinh ra nhiều điều mập mờ, hỗn độn, « tiền hậu bất nhất », nhất khi phải giải quyết các vấn đề cụ thể trong chính-sách đối ngoại. Thí dụ, Nhật phải giữ thái độ nào tại Liên-hiệp-quốc, khi nhân vấn-

CUỘC LIÊN-MINH GIỮA NHẬT VỚI...

đề này sang vấn đề nợ, chính - sách của người Mỹ có chiều đi ngược lại với quyền lợi hoặc yêu-sách của chủ-nghĩa quốc-gia tại các nước Á-châu? Như trường hợp đã xảy ra hồi mùa hạ 1958, nhân tình trạng khủng hoảng tại Trung-Đông; nước Nhật đã phải trải qua một phen lao đao, không biết phải xử trí ra sao, chọn lựa hướng nào, ủng hộ nguyện vọng quốc-gia của người Á-Rập hay tán thành chính sách can thiệp của người Anh-Mỹ?

Ông Kishi (Ngạn), thủ tướng chính-phủ Nhật trước đây đã cẩn thận tránh việc tuyên bố trước công chúng về nguyên tắc ưu tiên trong ba nguyên tắc, và ông khôn khéo nói thác ra ngả khác rằng: ba nguyên tắc không có gì mâu-thuẫn với nhau cả. Thật ra, thì, nếu phải lựa chọn dứt khoát, chắc chắn đa số các vị lãnh đạo của đảng bảo-thủ Nhật sẽ lấy nguyên-tắc liên-minh Nhật-Mỹ làm nguyên tắc ưu tiên. Như ông *Funada Naka*, Toàn-Điền-Trung là chủ tịch ủy ban ngoại-giao đảng bảo thủ và là người ủng hộ ông Kishi triệt để, đã từng tuyên bố: « Ai cũng biết chính-sách ngoại-giao của nước Nhật căn cứ trên ba đại nguyên tắc, song chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng nguyên tắc thứ nhất (hợp tác với Hiệp-Chúng-quốc và thế-giới tự do) là nguyên tắc

quan yếu nhất trong chính - sách ngoại-giao Nhật (Japan Times (Nhật-bản thời báo); 21 tháng Bảy 1958).

Theo đúng lập trường đó, chính phủ của đảng bảo thủ đã luôn luôn cương quyết từ khước các cuộc thảo luận về chính-sách trung-lập; họ cũng từ khước cả những đề nghị thiết lập hiệp ước cộng đồng bất xâm phạm với Hiệp-Chúng-quốc, Liên-xô, Anh-quốc và Trung-Hoa Cộng-sản, một trong những mục tiêu của đảng Xã hội trung lập Nhật. Tháng 5 năm 1959, ông bộ-trưởng ngoại giao phát hành một cuốn Lam thư xác nhận đại cương chính sách đối ngoại của Nhật, trong đó có đoạn căn bản như sau: « Do bởi tình hình đang ưu thắng trong thế giới hiện nay, nước Nhật, nếu theo chính sách trung lập, sẽ không thể nào tồn tại trong độc lập với tư cách là một quốc-gia tự chủ và dân chủ: » Cuốn Lam thư quả quyết rằng việc liên kết với Mỹ-quốc là điều chủ yếu cho nền an ninh của Nhật và hiệp ước an ninh Nhật Mỹ phải duy trì trong một tương lai vô hạn định. Đó thiết tưởng là lời từ khước dứt khoát nhất trước yêu sách của hai nước Nga, Hoa, của đảng xã-hội và đảng Cộng-sản đòi cho nước Nhật đứng vào hàng ngũ các nước trung-lập.

CHÍNH THỂ NƯỚC NHẬT

Quân chủ lập hiến (hiến pháp thứ nhất ban bố năm 1889, hiến pháp mới ban bố năm 1946). Nhật-Hoàng hiện nay chỉ còn là một tượng trưng. Quyền lập pháp thuộc hai viện. Hạ nghị viện gồm 467 ghế, nhiệm kỳ tối đa 4 năm, bầu theo phổ thông đầu phiếu (nam nữ từ 20 tuổi trở lên). Thượng nghị viện gồm 250 ghế, cứ ba năm bầu lại một nửa. Quyền hành pháp thuộc hội đồng nội các, do thủ-tướng chính phủ làm chủ-tịch.

CÁC CHÍNH ĐẢNG NƯỚC NHẬT

Từ năm 1955, thực-tế chỉ có hai chính đảng lớn, đảng Dân-chủ Tự do (bảo thủ) và đảng Xã-hội. Kỳ tuyển-cử tháng Năm 1958, các ghế tại Hạ nghị viện phân chia ra như sau : Dân-chủ tự-do, 287 ghế (mất 3) ; xã-hội, 166 (hơn 8) ; cộng-sản 1 (mất 1). Do đấy, đảng Dân-chủ Tự-do nắm được đa số tuyệt đối.

Các nhà lãnh đạo đảng bảo thủ Nhật biết rõ chủ trương liên kết với Mỹ quốc của họ có thể bị người ta coi như đi ngược lại với nguyện vọng độc-lập quốc-gia hiện đang nổi lên mãnh liệt trong khắp hoàn cầu. Phương thế các vị ấy đưa ra để tránh các cuộc chắt vấn khó giải đáp trên, thường vẫn là phương thế tuyên bố : tuy Nhật phải đặt mối bang giao với Mỹ-quốc lên hạng ưu tiên, nhưng mối bang giao ấy vẫn được thiết lập trên một căn bản « bình đẳng hoàn toàn. »

Ba nguyên tắc căn bản đối với dân chúng.

Về phía dân chúng, chính sách của chính phủ Nhật trong cuộc liên minh với Tây phương được họ ủng hộ và tán thành tới mức độ nào ? Đó là một vấn đề khó đoán định vì nó phức tạp vô cùng.

Đài phát thanh Bắc - kinh và nhiều đài phát thanh cộng-sản khác thường vẫn lên tiếng rêu rao có sự bất đồng ý-kiến giữa chính-sách thân Mỹ của chính phủ Kishi

hay hay Ikeda (Trì-Điền) với tình cảm chung của « nhân dân Nhật yêu chuộng hòa bình » không chịu cấu kết với khối Tây-phương ; và nguyện vọng chung của họ là thiết lập quan hệ với Trung-Hoa cộng-sản. Ta có thể nói ngay luận điệu trên đây căn cứ vào một sai lầm rõ rệt. Hết mọi kết quả trong các cuộc tuyển cử thượng, hạ nghị-viện gần đây tại Nhật đã minh chứng điều ấy không đúng sự thật. Nguyên trong hai năm 1958 và 1959, vấn đề chính-sách đối ngoại đã đóng một vai trò quan trọng bất ngờ trong các kỳ tuyển cử đại-biểu nghị viện lập pháp Nhật. Các cử tri được lựa chọn một trong hai lập trường đối lập hẳn nhau : một bên là lập trường của đảng Tự-do — Dân-chủ (bảo thủ) muốn giữ nguyên hiện trạng ; một bên là đảng xã-hội chủ trương liên kết với Liên-xô và Trung-Hoa cộng sản, chương trình tuyển cử chính thức của họ có khoản thừa nhận chính sách trung lập đối với cuộc chiến-tranh lạnh. Kết quả cuộc tuyển cử là đảng nắm giữ chính quyền, đảng Dân-chủ—Tự-do, đã thắng thế hoàn toàn, đảng xã-hội bị giảm một số ghế quan trọng chưa từng thấy từ mười năm nay. Tới kỳ tuyển cử

CUỘC LIÊN-MINH GIỮA NHẬT VỚI...

đại biểu thượng nghị viện hồi tháng sáu năm 1959, đảng xã-hội không những bị đánh bại và còn mất 4% tổng số phiếu bầu so với năm 1956, tỏ rõ khuynh hướng thiên tả trước đây đã kém sút đi nhiều.

Có điều ta nhận thấy rõ là các ứng cử viên Bảo thủ cũng thường lấy lại một vài điểm « quyền rũ » trong chương trình tuyên cử đảng Xã-hội về chính-sách đối-ngoại như yêu sách mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước Á-châu. Tuy nhiên, nếu đúng thật nhân dân Nhật bất đồng ý kiến về chính-sách đối ngoại của đảng Bảo thủ đến mức quan trọng, như các quan sát viên-khuynh tả vẫn nói, thì kết quả các cuộc tuyên cử này và các cuộc tuyên cử trước hẳn không thể nào xảy ra như ta đã thấy được.

Nói vậy không phải là bảo rằng sự lựa chọn chủ trương giữ nguyên hiện trạng của đại đa số cử tri Nhật có nghĩa là người Nhật ưa chuộng nồng nhiệt cuộc liên-minh với Tây-Phương. Người Nhật coi cuộc liên minh đó không phải là điều đáng nên ưa chuộng, mà là một điều cần thiết vì thế lực hiện đang suy kém của mình. Đại đa số dân Nhật, trong thâm tâm, đều ao ước thấy cảnh đất nước của họ không còn là căn cứ của người Mỹ nữa, nghĩa là cảnh đất nước vững mạnh, có thể tự túc, tự lập cả về phương diện quân sự lẫn kinh tế. Một cuộc đầu phiếu do Hội đồng Bí thư Nội các mở ra hồi tháng tám năm 1957 tỏ ra cho mọi người thấy thái độ trên đã phổ cập rộng rãi trong quốc dân Nhật. Sáu mươi bốn phần trăm trong số 3.000 người được hỏi, tuyên bố tán thành chính sách đại cương của đảng

Bảo thủ chủ trương lấy cuộc liên minh với Hiệp-chúng-quốc làm trọng tâm; chỉ có tám phần trăm coi chính sách đó là không thích hợp. Tuy nhiên theo một cuộc thăm dò trong số 64% tán thành, thấy có 21% tán thành vì coi đó là chính sách tốt, còn 43% tán thành vì coi đó là chính sách vạn bất đắc dĩ (yamu wo enai). Vẫn biết cách qui nạp, tổng quát trong các vấn đề phức tạp như vấn đề công luận vẫn thường là điều nguy hiểm, chúng ta, dù sao, cũng có thể kết luận mà không đến nỗi sơ sai lầm lắm, rằng : sở dĩ đa số người Nhật thừa nhận cuộc liên minh với Hiệp-chúng-quốc chỉ vì họ coi nó là việc không thể làm khác được, trong tình thế hiện nay của nước Nhật đó thôi.

Đồng thời, ta cũng thấy rõ quang đại quần chúng Nhật không muốn thấy cuộc liên-minh ấy mở rộng ra hơn nữa để lồng nước Nhật vào những cam kết bất lợi như tham gia vào quân lực Mỹ ở Viễn-đông hay vào các hiệp ước quân sự kiểu Hiệp-ước liên-phòng Đông-Nam-Á (O.T.A.S.E.), hay vào một liên-minh chống Cộng nào với Đài-Loan và Nam-Hàn. Người Nhật lúc này thừa nhận sự hiện diện của quân lực phòng ngự trên đất nước họ, mặc dù quân lực ấy, đối với Hiến pháp, không được danh chính ngôn thuận cho lắm. Song chính phủ Nhật, tuy có đa số ghế tại Thượng, Hạ-nghị-viện, vẫn hiểu rằng : bất luận đề nghị nào xướng xuất lên việc trưng binh, đưa lính ra ngoại quốc hay trang bị vũ khí nguyên tử cho quân đội, chắc chắn sẽ gặp sự phản đối quyết liệt như vũ bão của toàn thể nhân dân Nhật.

DÂN SỐ NƯỚC NHẬT

Dân số gia tăng (hàng ngàn)

1920 — 55.391	1953 — 86.700
1925 — 59.179	1954 — 88.000
1930 — 63.872	1955 — 89.000
1940 — 71.400	1956 — 90.000
1945 — 72.200	1957 — 90.600

*
* *

Vấn-đề xã-hội quan trọng nhất của Nhật bản là vấn-đề dân số. Sau chiến tranh, 6.250.000 người được hồi hương từ các nước chiếm đóng trước ; 1.250.000 người ngoại quốc từ Nhật trở về xứ sở. Liên sau chiến tranh, số sinh sản vẫn tăng. Người sống lâu hơn. Di dân thực-tế không có (1955 : 42.900 người tới di trú tại Nhật, đối với 38.338 người Nhật di trú ở ngoài).

Những lợi ích của chính-sách
liên - minh với Tây - phương.

Lợi - ích thực tế

Do đấy, ta thấy hiển nhiên là đa số người Nhật chỉ thừa nhận việc giữ nguyên hiện trạng trong cuộc liên minh với Tây-phương và không muốn tăng thêm phần gia nhập của Nhật nhiều hơn thế nữa. Có đứng vào địa vị người Nhật, mà xét lợi ích của họ thu lượm được do mối liên-minh với Tây - phương, ta mới thấy rõ lý do vì đâu người Nhật lại có thái độ ấy và vì sao họ lại coi thái - độ ấy là chính đáng trong lúc này. Lợi ích của người Nhật do cuộc liên - minh với Tây-phương đem tới cho họ đó, không phải ở trên địa-hạt lý-tưởng, mà trên địa hạt

thực tế, và trong một phạm-vi nhỏ hẹp hơn, trên địa-hạt tâm-lý quần-chúng Nhật.

Trước hết xin nói về lợi - ích thực tế : cuộc liên-minh với Tây-phương bảo đảm cho Nhật giữ vững được các cơ-cấu kinh-tế bấp bênh tự căn bản. Phần nhiều người Nhật biết rằng đất nước họ gồm một số đảo nhỏ nhít, dân-số tăng gia mỗi ngày một cách tuyệt vọng, trong khi tài nguyên thiên nhiên chỉ có rất ít, hy vọng đầu tư ra ngoài thì rất mong manh, khiến cho nền kinh-tế phải lệ thuộc vào ngoại-thương hoàn toàn. Hiệp-Chúng-Quốc đối với Nhật, không chỉ là một thị-trường quan-trọng cho hóa phẩm xuất cảng của Nhật và còn là kẻ cung-cấp nhiều vật phẩm thiết yếu cho họ : trong trường hợp xảy ra khủng hoảng kinh - tế, chỉ duy Hiệp-Chúng-quốc là có thể giúp

CUỘC LIÊN-MINH GIỮA NHẬT-BẢN VỚI .

đỡ được cho Nhật trong công cuộc chấn-hưng hay phục-hồi.

Hiệp-Chúng-quốc đã từng khi nhân danh Nhật bản, đứng ra điều đình với các nước Tây-phương giúp cho Nhật bản được hưởng rất nhiều quyền lợi, như khi họ vận động cho Nhật bản được gia nhập tổ chức G.A.T.T. là tổ chức thoả hiệp quốc tế về thương mại và giá biểu quan thuế ; đôi khi họ còn hạ thấp giá biểu quan thuế của họ xuống cho hàng hóa của Nhật-bản nữa. Tóm lại, chỉ duy Hiệp-Chúng-quốc là có thể bảo đảm hữu hiệu hơn hết cho Nhật về mọi hy vọng thực hiện các kế hoạch hợp tác kinh-tế có lợi cho họ đối với toàn thể Đông Nam Á châu, nhưng kế hoạch khó lòng đem lại kết quả nếu không được ủng hộ tích cực về mặt tài chính từ bên ngoài.

Mặt trái của tấm huy - chương trên là quan hệ bang giao giữa Nhật-bản và Hiệp-Chúng-quốc hiện nay cản trở đường lối giao thương giữa Nhật-bản và Trung-Hoa cộng-sản mà nhiều nhà kinh doanh lớn ở Đông-Kinh cho là chứa đựng nhiều khả năng mậu dịch quan trọng. Tuy nhiên lợi ích về kinh tế do cuộc liên minh với Mỹ quốc đem lại vẫn cụ thể và trác định được hơn, còn như khả năng mậu dịch với Trung-Hoa vẫn còn nằm trong phạm vi nghiên cứu và ước đoán. Nếu ta nhớ lại sự hiềm khích ngày một gia tăng gây ra bởi chính sách Trung-Hoa đối với Nhật-bản từ năm 1957, ta lại càng thấy, các khả năng trên trở nên không chắc chắn gì. Tựu trung, ai cũng thấy lợi ích phát sinh do sự giao hảo mật thiết với Tây-phương hiện nay vượt quá xa những lợi ích Nhật-bản phải chịu thua thiệt bởi không được mậu dịch tự do với các nước cộng-sản. Mới đây, ngày 10 tháng 9-1960.

do một nguồn tin từ Osaka phát ra, Thủ-tướng Ikeda (Trì Điền) có tuyên bố một cuộc hội họp báo chí ngày 9/9/60 rằng : ông phản đối đề-nghị ký-kết hiệp-ước thương-mại với Bắc-Kinh, song ông tận tình nâng đỡ mọi thoả-hiệp ký-kết giữa tư-nhân để mở lại các cuộc mậu-dịch thương-mại đã bị gián đoạn từ hai năm rưỡi nay giữa hai nước.

Lợi ích thứ hai về mặt thật tế, Nhật có thể thu lợi do cuộc liên-minh hiện nay với Hiệp-Chúng-quốc là sự phòng vệ lãnh-thổ được bảo đảm trong trường hợp bị tấn công. Dù cho các kế-hoạch tự lập vô trang phòng vệ nước Nhật hiện nay có đạt tới những thành quả tốt đẹp nhất chăng nữa, lực lượng nước Nhật vẫn còn thua kém xa lực lượng khổng lồ của Trung-Hoa đóng trên lục địa, và ở ngay trước mặt (1) Nếu không có sự hiện diện của Mỹ và lời cam kết cương quyết của Hiệp-Chúng-quốc bảo đảm cuộc phòng vệ cho Nhật, nền an-ninh của Nhật chắc chắn phải lệ thuộc rất nhiều vào các lực lượng Cộng-sản thiết lập ở bên kia bờ biển.

Thái-độ luôn luôn cứng rắn, hiềm khích của Liên-Xô và những trận nhiễu móc tục tằn, công khai của Bắc-Kinh hàng ngày vẫn văng đũa vào mặt chính-phủ dân cử Nhật, chứng tỏ cho người Nhật thấy khó

(1) Theo các kế hoạch dự tính hiện nay, thì Nhật bản sẽ được quyền thiết lập một lực lượng lục-quân gồm 480.000 người, một lực lượng thủy quân gồm 384 đơn vị (trong số có 2 khu trực hạm) một lực lượng không quân gồm 1300 phi-cơ, vào năm 1960. Năm 1957, theo một vài nguồn tin, Trung Hoa Cộng-sản và Bắc-Hàn, với các lực lượng Xô viết tại Viễn-Đông cộng lại gồm tất cả chừng 4.200.000 người, 4.075 đơn vị thủy quân (trong số có 7 tuần dương hạm và 50 khu trực hạm) và 8.000 phi cơ.

lòng căn cứ vào đó để định đoạt chính-sách đối ngoại của mình.

Có thể trong mấy năm nữa, Nhật-Bản sẽ tự gây lấy được một lực-lượng phòng vệ riêng, song từ đây đến đó, nền an ninh của họ vẫn phải tùy thuộc chặt chẽ vào những căn cứ của Mỹ trên các đảo lớn và tại Okinawa. (Xung Thành)

Một trong những lợi ích thực-tế nhất trong cuộc liên-minh này là Nhật được cung cấp các vũ khí phòng vệ chủ yếu với giá rẻ mạt. Bởi có thể trong cậy hoàn-toàn vào các lực-lượng Mỹ bảo vệ nền an ninh cho mình, người Nhật chỉ cần dự-trù trong ngân sách một khoản rất nhỏ về quân phí (1). Không có viện trợ của Mỹ, Nhật sẽ phải chọn một trong hai con đường nguy-hiểm này : hoặc là không được bảo vệ (không một nước trung lập lớn nào trong hoàn-cầu bị lâm vào một tình-trạng như thế) ; hoặc là tự mình đảm nhiệm lấy các khoản quân phí thì phải chịu hao tổn kinh-khủng và chịu nhìn cảnh mức sinh-hoạt của dân chúng tăng lên vòn vọt gây ra cảnh bất an trong xã-hội. Còn cứ như hiện nay, Nhật được ung dung thấy cuộc phòng vệ đất nước bảo đảm bằng một giá gần như không đáng kể, và thực-tế không bị bó buộc phải làm một nghĩa-vụ tốn tiền nào khác để bù đắp lại.

Từ ít lâu nay, một trong những mục tiêu tranh đấu của nhiều người Nhật là muốn cho nước Nhật được quyền kiểm sát rộng rãi các hệ-thống, các đường vận chuyển và cả các cách trang bị quân sự của

(1) Theo Japan Times (Nhật-bản thời báo) ngày 19-1-1959 Ngân sách Quốc-phòng gồm có 1, 7 % lợi tức quốc-gia.

lực lượng Mỹ trên lãnh thổ Nhật. Ngày nào người Nhật đạt được những mục tiêu đó thì người Nhật quả có tài biến nổi lực lượng Mỹ trở thành một lực lượng phòng vệ ngoại quốc đánh thuê cho mình mà không tốn một xu. Lợi ích của cuộc liên minh với Mỹ khi đó, sẽ còn lớn lao hơn hững lợi ích bây giờ thập bội.

Tuy nhiên, hình như hy vọng đó hiện nay do các biến chuyển mới đã trở nên hết sức mong manh, nhất là từ sau ngày dân Nhật từ khước việc tiếp đón Tổng-Thống Ai-xen-hao một cách hơi quá náo nhiệt. Gần đây, có tin từ Đông-kinh cho hay ngày 7/9 vừa qua, thủy sư đô-đốc Harry D. Felt, tổng chỉ huy hạm đội Mỹ tại Thái-bình-Dương, đã tuyên bố trước ngày họp Ủy-banan-ninh Nhật-Mỹ rằng : Quốc-Hội Mỹ có lẽ sẽ thôi viện trợ quân sự cho Nhật-bản, vì phải dành quyền ưu tiên cho các nước thua kém về kinh tế không thể tự mình đảm nhiệm lấy việc quốc phòng.

Lợi ích tâm-lý.

Lợi ích tâm lý trong cuộc liên minh Nhật-Mỹ là cuộc liên minh đó làm giảm tâm trạng thế cô truyền thống của người Nhật. Như nhiều người vẫn nhận thấy rõ, sự kết liễu liên minh Anh-Nhật, năm 1922, đã gây ra một hậu quả vô cùng tai hại cho Nhật. Từ hai mươi năm, cuộc liên minh ấy được coi là « nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật-bản, việc thủ tiêu nó làm phát sinh trong toàn quốc cảm giác Nhật-bản là một nước bị cô lập ở giữa một số các cường quốc Tây-Âu cừu địch » (2). Cuộc kết liễu liên-minh

(1) Theo ô. Togo Shigenori, (Đông Hương Trọng Tác) The Cause of Japan (chính nghĩa Nhật-bản) (New-York, Simon and Schuster, 1956) tr. 8 Người Nhật thường hiền ngang khi nói : Waga, Eikoku (ngã-ga Anh-quốc).

CUỘC LIÊN-MINH GIỮA NHẬT VỚI...

Anh-Nhật và các biện pháp người Mỹ thi hành chống lại cuộc di trú của người Á-châu tại Mỹ, càng làm cho trí não người Nhật thêm hoang mang, tự coi như là một dân tộc bị người ta bách hại suốt trong khoảng thời gian kéo dài hàng 30 năm trời. Liên - minh tam giác với Đức-Ý lập khoảng trống ấy được ít năm, nhưng đã tan rã hồi năm 1944 khi Nhật thấy hiển nhiên là mình đã đánh một lá bài đại dốt.

Sau cuộc chiến tranh Thái-bình-dương, Nhật-bản hoá thành một nước bại trận, bị tàn phá và không có bạn. Do một đảo nghịch kỳ dị của Lịch-sử, chính kẻ thù độc hại nhất của Nhật lại trở nên người bạn liên kết và bảo vệ Nhật đặc lực nhất. Mặc dù đã nỗ lực rất nhiều trong mấy năm gần đây, địa vị của Nhật tại Á-châu vẫn không thấy được cải thiện một cách đáng kể. Trung-Hoa Cộng-sản coi Nhật là kẻ không thể cùng đội trời chung; Bắc-Hàn cũng thế, duy có Nam-Hàn, thì mãi tháng 9 vừa rồi, Nhật mới đạt tới chỗ lập được quan hệ ngoại giao sơ bộ. Những nước đáng lẽ theo lý, phải là những nước gần gũi, thân

mật với Nhật dễ dàng hơn hết bởi cùng có chung một văn hoá và cùng ở vào một hoàn cảnh địa lý, thì trong thực tế lại trở nên những nước cừu địch hơn cả. Thật oái oăm thay!

Trong những các nước ở Viễn-Đông, tình cảm đối với nước Nhật đi từ chỗ hiềm nghi tới chỗ đứng đưng, lãnh đạm. Kỷ niệm đau đớn và nặng nề về chiến tranh tại các nước đó nhờ thời gian, tuy có giảm đi được nhiều phần kịch liệt, nhưng nước Nhật xem ra vẫn chưa sao tìm được ở Viễn-Đông, hoặc tại Đông-Nam Á hoặc tại Úc-Đại-Lợi, một nước nào tỏ ra có cảm tình hoặc thân tình với họ. Nếu không có những mối liên kết đặc biệt chặt chẽ với Hiệp-Chúng-quốc trong mười bốn năm vừa qua, tình trạng cô lập trong tâm lý của người Nhật có lẽ được người Nhật coi là sự-kiện đáng cay nhất trong lịch - sử hiện đại của họ vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

KỶ TỚI: Chính-sách trung-lập của người Nhật.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT KIỂM NGƯỜI PHỤ TÁ

- ✧ Người cầm đầu chân chính biết dùng cách tiếp xúc thân mật, cách trao đổi quan điểm trên tình bằng hữu mà cảm hóa người cộng sự, khiến họ thông cảm được những ý kiến lãnh đạo của mình. Chỉ trong một thời gian, người ấy sẽ thấy những người cầm đầu mà chính mình đã cảm hóa, đào luyện, thâm nhiễm lần lần được những phản ứng của mình, và, do đấy làm cho ảnh hưởng của mình lan rộng ra, trong khi chính bản thân vẫn có dư thì giờ để suy tính công việc và tiếp xúc với thật tế. (L.M. Courtois)

MỘT VÀI KHÍA CẠNH VẤN-ĐỀ CHUYÊN CHỞ TẠI VIỆT-NAM

NGUYỄN-PHÚC-SA

TIÊN nghi chuyên chở là yếu-tố và triệu chứng của sự tiến-bộ. So sánh những đoàn phu khuân vác, bới lau rạch cỏ trên những đường mòn xuyên qua rừng già Phi-Châu với những đoàn xe vận tải ngự nhiệt chạy từ bờ biển nọ sang bờ biển kia nước Mỹ, hoặc chấp liền một khúc phim thời-sự trình-bày Thủ-Tướng J. Nehru ngật ngưỡng trên lưng lừa đi thị sát biên giới bắc Ấn-Độ với một khúc phim khác phô diễn du khách dùng đường giây dăng-sơn lên đỉnh núi để trượt tuyết, ta sẽ ý niệm rõ ràng trong không gian và thời-gian vai trò của chuyên chở trong hoạt-động kinh-tế và đời sống hàng ngày. Con người có đến được những địa điểm phát-sinh tài vật, hàng hóa có chuyên vận đến các thị-trường, tiền tài có lưu-thông, nhân-loại mới thoát khỏi giai đoạn mọi rợ. Bên cạnh vách chúng ta, nước Lào được liệt vào hàng các nước kém mở mang nhứt vì thiếu hẳn phương-tiện

giao thông, chuyên vận và có nhiều tình cứ mỗi khi mưa lũ lại bị gián đoạn liên lạc với bên ngoài.

Thiết-lập hệ-thống giao thông là bước đầu trong công cuộc trang bị công cộng. Hệ thống này đôi khi sẵn có như sông ngòi thiên nhiên hay biển cả. Đặt hệ-thống giao thông là đồng thời trả lời luôn vấn-đề phương-tiện chuyên chở : xe hơi không thể chạy dưới nước, thuyền bè không thể dùng đường sắt hay xa lộ được.

Sự chuyên chở phải thỏa mãn ba đòi hỏi : mau chóng, rẻ tiền và chắc chắn. Mọi cố gắng tìm tòi, phát minh, mọi cố gắng tổ chức đều nhằm thỏa mãn những đòi hỏi ấy. Phi-cơ, xe hơi, xe lửa, tàu bè đua nhau phá kỷ lục tốc độ. Người ta hãnh diện trong một ngày có thể đi khứ hồi từ lục-địa này đến lục-địa khác mà chỉ phải bỏ có một bữa cơm nhà ! Giá tiền xe lửa ở Hoa-Kỳ đã lần hạ xuống như sau :

	Cước phí 1 tấn / 1 dặm	giá vé hành khách 1 người / 1 dặm
1867	1,93 xu	2,63 xu
1891	0,88 xu	2,10 xu
1949	1,33 xu	2,41 xu
1950	1,33 xu	2,56 xu

Một Mỹ kim chia ra 100 xu và nên nhớ đồng xu Mỹ, cũng như đồng xu Việt-Nam đã mất giá rất nhiều với thời gian.

Luật pháp định tiêu chuẩn an ninh cho các phương tiện chuyên chở công cộng. Máy móc và các biện pháp an ninh mỗi ngày một hoàn bị thêm ; tại các nước có thống kê đầy đủ, người ta nhận thấy tỷ số tai nạn đã giảm đi, mặc dầu công việc chuyên chở bành trướng rất nhiều.

Về phương diện giao thông và chuyên chở nội địa, nước ta không đến nỗi ở tình trạng quá thua kém. Các tỉnh Trung Nguyên Trung-Phần được nối liền với nhau và với miền Nam nhờ quốc lộ số 1 và đường xe lửa xuyên Việt. Những đô thị lại đều ở trên hay gần bờ biển, ngành hàng hải có cơ phát-triển. Cao-Nguyên Trung-Phần, trước kia chỉ có thể giao-thông thuận tiện với Nam - Phần nay đã được giải tỏa vì nhiều đường ngang theo hướng đông-tây đã được trùng tu hoặc mở thêm. Nam-Phần được ưu đãi hơn cả : bên cạnh hệ-thống đạo lộ, sông ngòi kinh rạch dằng một mạng lưới khá dày, sự lưu-thông quanh năm không lúc nào bị cản trở.

Ngoài ra, đường hàng không nối liền hầu hết những đô-thị lớn theo một nhịp đều hòa.

Trong hiện tình nếp sống của ta số đồng-bào, việc du-lịch chưa phổ cập, đại đa-số phương-tiện chuyên chở được dùng vào mục-đích sản-xuất hay thương-mãi. Việc chuyên chở chỉ duy trì được tính chất kinh-tế nếu ta có đủ số lượng hành khách hay hàng hóa để tận dụng phương-tiện. Không những thế, số phí chuyên chở chỉ có thể hạ nếu có sự quân bình giữa hai địa điểm đi và đến. Phải có nhiều hành khách và hàng hóa mới nuôi dưỡng được hoạt-động chuyên chở ; phải có hành khách và hàng hóa đi lại hai chiều mới thực là tận dụng thuyền bè, xe cộ.

Thành phố Sài-gòn, với dân số gần một triệu rưỡi người, cũng như các đô-thị lớn khác trên thế-giới, phải giải-quyết một vấn-đề chuyên chở khác hẳn. Người lớn hàng ngày phải đi đến bàn giấy, nhà máy, công trường, chợ búa, trẻ em đến trường học. Tuy đồng - bào có nhiều phương-tiện vận-tải cá-nhân như xe hơi, xe máy, mô tô, si-cút-tơ, nếu vì một lẽ gì việc chuyên chở công cộng bị đình trệ, đời sống của đô thành sẽ bị tê liệt ngay, như ta đã có dịp thấy xảy ra ở Ba-Lê khi xe điện ngừng hay xe lửa ngoại ô đình công.

Từ tình nọ qua tình kia, số hành khách còn ở dưới khả năng chuyên chở rất nhiều. Các chuyến máy bay của Công-ty hàng

lông Việt-Nam ít khi đầy khách. Như vậy tình hình tài chánh của Công-ty không thể thịnh vượng được. Xe lửa Saigon-Huế, mỗi ngày chạy có một chuyến. Xe ca chở hành khách tranh nhau ráo riết, chứng tỏ những sự khó khăn trong nghề.

Về mặt hàng hóa, Saigon là địa điểm tập trung rất quan trọng. Hầu hết các hàng xuất nhập cảng đều phải đi qua thương-cảng Saigon, Tàu buôn ngoại quốc thường dỡ hàng xuống Saigon vì thương-cảng thứ hai của Việt-Nam, Đà-Nẵng, chỉ tiếp nhận một số nhỏ hàng ngoại quốc. Từ Saigon, hàng nhập cảng được phân phối đi các nơi trong nội địa. Hàng xuất cảng đứng hàng đầu về trọng lượng như gạo, cao-su đều do thương-cảng Saigon đưa ra ngoại quốc, trừ muối được bốc thẳng tại địa điểm sản xuất lên tàu ăn hàng. Đa số nhà máy đặt trong phạm vi Saigon, đồ làm ra phải chở tới các nơi tiêu thụ. Mặt khác, Saigon với dân số rất quan trọng, là thị trường tiêu thụ lớn nhất trong nước. Thực phẩm, than củi, gỗ, vật liệu xây dựng, đồ dùng lặt vặt... hàng ngày được đưa vào thành phố với những số lượng rất lớn.

Cao-Nguyên và Trung-Nguyên Trung-Phần, trong hiện tình, ít hàng hóa bán ra ngoài trong khi cần phải tiếp nhận thực-phẩm, nhất là gạo và công phẩm từ Sài-gòn gửi tới. Khi nào các tỉnh Cao-Nguyên bắt đầu sản-xuất mạnh và mỏ than Nông-Sơn tích cực khai thác, sự quân bình mới lấy lại được.

Đề ý quan sát một chút, ta sẽ thấy nhiều xe vận-tải, ghe thuyền phải chạy không lượt đi hoặc lượt về. Như vậy trong thực-tế món hàng vận-tải chịu cước phí cao hơn mà chủ xe hay thuyền vẫn thiệt.

Về điểm tận dụng khả-năng, ta cần đề ra ngoài những phương-tiện chuyên chở dùng cho một vài thứ hàng có tính chất đặc-biệt như dầu hoả, dầu xăng, dầu cặn. Những tàu dầu nhứt định phải chạy không một chuyến. Có đủ hàng hóa để chở hai lượt cũng chưa giải-quyết vấn-đề một cách thỏa đáng nếu người chuyên chở phải ăn chực năm chờ nhiều ngày. Những hãng hàng hải lớn đều đặt chương-trình hồi chuyến một năm trước ; khi cập một bến, thường khi phải dỡ hàng, ăn hàng suốt đêm cho kịp thời biểu. Có lẽ bên ta ít người dùng xe tàu chịu làm việc một cách quy củ như vậy, khiến người vận-tải phải hoạt-động cầu phong, khó tính sở phí một cách chắc chắn để đi đến một giá biểu cước phí hợp lý được.

Hầu hết phương-tiện vận-tải của ta là hàng nhập-cảng, đồ phụ tùng, nhiên liệu cũng nhập-cảng. Vậy ta cần ước lượng khả-năng chuyên chở cho thực sát với nhu-cầu và tổ chức việc chuyên chở thế nào để tránh những vụ đầu tư phí phạm. Qua những bến xe, ta thấy hàng dây đậu không chờ công việc, thực là một sự lãng phí cho nền kinh-tế. Xe vận-tải được dùng để chở những thứ hàng ít giá-trị hoặc không cần đến cách vận-tải mau lẹ này. Lẽ tất nhiên, tại những miền không có cách giao-thông nào khác, như Cao-nguyên Trung-phần, người ta không thể lựa chọn. Vận tải bằng xe hơi tốn tiền hơn hết, vì ngoài xăng nhớt, đồ phụ tùng, trên chiết cựa, phải kể kinh phí kiến thiết và gìn giữ đạo lộ. Những kinh phí này theo lẽ phải dịch ra sự thịnh vượng gia tăng cho nền kinh tế, lợi tức cao hơn cho người sản-xuất và giá cả hạ hơn cho người tiêu thụ. Với tiện nghi giao thông, người ta có thể nghĩ đến khai thác những

MỘT VÀI KHÍA CẠNH VĂN-ĐỀ...

tiềm năng hay tài nguyên chưa được sử dụng. Người nông dân ở Cao nguyên có thể trồng những thứ cây nhiều lợi tức hơn lúa gạo vì lúa gạo đã có những đồng bằng phì nhiêu cung cấp. Trả kinh phí chuyên chở bằng xe hơi, người tiêu thụ tại Saigon phải được ăn rau, cá tươi hơn, trái cây chín hơn. Tại nhà trồng ươm chưa ý thức rõ rệt sự thay đổi trong vấn đề chuyên chở hay tại người ấy không đủ tin ở sự đều đặn của các chuyến xe nên không dám đề chuối, cam, quít chín thêm vài ngày nữa trên cây ?

Tại những nơi có nhiều cách giao thông song hành như Trung-nguyên Trung-phần, hay Nam-phần, chúng ta hình như quên hẳn yếu tố tiết kiệm. Tình trạng khiếm dụng phương tiện chuyên chở là một lý do làm cao giá dịch vụ. Nếu số lượng hàng hoá và hành khách thấp hơn khả năng chuyên chở, những xí nghiệp vận tải không thể khai thác theo tiêu chuẩn hiệu xuất tối đa được. Nếu phải di chuyển những hàng nặng hay cồng kềnh trên những quãng đường dài, xe hơi không thể lợi bằng xe lửa hay thuyền bè. Nhưng vì muốn thuận tiện, vì sợ phí bốc lên, bốc xuống cũng quá tội nên thường khi người ta đành chấp nhận giải pháp tốn kém hơn chút ít. Thực ra, ta cần đặt lại tất cả vấn đề giá thành, quan niệm thực sát quan hệ của mỗi yếu tố, nhằm mục đích phục vụ đại chúng bằng cách quyết tâm đi đến những giá hạ hơn, ta mới khẩn khe với tất cả các sự sai biệt, dù nhỏ nhất. Khi ấy ta sẽ thấy cần phối hiệp phương tiện chuyên chở trong một chính sách hợp lý để loại trừ những sự điệp dụng tổn tiền.

Như trên đã nói, nhân-loại ngày nay say mê chạy theo tốc độ. Rút bớt thì giờ, người ta có hy-vọng bành trướng hoạt-động chuyên chở. Cuối tuần, nhiều người muốn

đi Nha-Trang Dalat nghỉ ngơi nhưng lại không thực-hiện ý định vì lẽ đi tàu đi xe hai lượt mất hai phần ba thì giờ rồi. Đây là quan điểm của những người bận việc. Trái lại, đối với đa-số đồng-bào ta sống trong tình-trạng khiếm dụng nhân công đã quen với triết-lý "ngày trời tháng Phật", thì giờ chưa hẳn đã được quý như ở nước khác. Nhận xét như vậy không có nghĩa chủ-trương lạc hậu, mà chỉ cốt đề chứng minh rằng vấn-đề tốc độ không đặt ra một cách cấp bách, có ảnh-hưởng đến sự sống còn như ở nơi khác. Ngay đến các nước văn minh, sự giao-thông trên bộ còn phải tuân theo hạn chế tốc lực. Đồng hồ tốc độ của xe hơi Huê-Kỳ đều ghi trên một trăm dặm một giờ trong khi trên các đường lớn nhỏ, không ai được phép chạy quá 70, 80 dặm.

Nếu đa-số đồng-bào ta đã thỏa mãn với một tốc độ trung bình thì trái lại không ai không quan tâm đến sự an ninh cho thân mình hay cho hàng hóa. Những tai nạn giao-thông xảy ra hàng ngày chứng tỏ rằng nhân viên hữu-trách coi rẻ sinh mạng hành khách. Xe lửa bị đổ ở Dầu-Giây cách đây không bao lâu do sự không tuân chỉ thị an ninh. Biết bao nhiêu xe ca đã gây chết chóc vì tài-xế chạy quá mau, vượt mặt ầu, vào cầu hỗn độn hoặc chèn nhau. Tính thận trọng là một tập-quán, một cố-gắng phải duy trì không ngừng. Sự cầu thả dẫu có gây ra tai họa lần đầu, nhưng sự cầu thả thành thói quen nhứt định sẽ đưa đến kết-quả khốc liệt. Ở nước ngoài, người ta rất khẩn khe trong sự lựa chọn những người điều khiển xe cộ dùng trong việc chuyên chở công cộng. Trên dọc đường có máy kiểm-soát tốc độ. Hành khách không được cản trở công việc của người lái xe hoặc làm đấng

trí người này. Những tập quán ấy cần được gây trong giới những người lái xe vận-tải; có thể nói rằng chủ nhân đã dong tủng người làm vi phạm luật lệ lưu thông, cốt sao cạnh tranh thắng lợi thì thôi. Giả sử, chủ nhân nào cũng nghiêm ngặt trong sự bảo vệ an ninh của hành khách và sẵn sàng sa thải những tài xế ngông cuồng, đâu có xảy ra những tai nạn vô lý và thương tâm như báo chí thường đăng tải.

Sau hết xin đề cập đến vấn đề chuyên chở trong Đô-thành Saigon. Vấn đề này đặt ra cho bất cứ đô thị lớn nào. Yếu tố đặc biệt đối với Saigon không phải ở chỗ đường hẹp hay dân số quá đông hay sự giao thông dồn dập mà ở chỗ quá nhiều phương tiện chuyên chở cá nhân và sự có mặt của những loại xe cộ có tốc độ rất khác nhau. Thực vậy ít thành phố lớn lại có đủ bộ xe hơi xe buýt, xe ngựa, xe xích lô, xe máy dầu, xe đạp gắn máy, xe đạp thường v.v... như thủ đô của chúng ta. Người dùng công-lộ phần đông ít trọng kỷ luật. Ngắm một ngã tư đường khi người cảnh binh vừa dời khỏi chòi kiểm soát lưu thông, ta sẽ chứng kiến cảnh hỗn độn do máu tranh tiên của mỗi người gây ra. Người nào quá tin ở quyền ưu tiên của mình sẽ gặp những

sự bất ngờ khó chịu hay tai hại. Gần đây một chuyên viên thiết kế đô thị đã nêu rõ tất cả những sự bất tiện và tổn kém của bố cục châu thành, nhất là khi người dùng công lộ lại thiếu tinh thần kỷ luật, thiếu bình tĩnh hay nhường nhịn.

Ta có thể nói ít thành phố có nhiều xe taxi như Saigon, và nhiều taxi chạy quanh tìm mồi như ở bên ta. Lại nữa, taxi là phương tiện giao thông khá rẻ tiền, rẻ hơn cả xe buýt, nếu ba người lớn và vài trẻ em cùng đi với nhau.

Sự giao thông trong thành phố chỉ có thể giải quyết mỹ mãn nếu số xe chở một người trên nguyên tắc và trong thực tế được dẹp bỏ và thay thế bằng những phương tiện công cộng như xe buýt, xe điện ngầm hay xe điện treo.

Đề kết luận, ta có thể nói rằng : nước ta rất giàu phương tiện chuyên chở. Nếu những phương tiện này được phân phối một cách hợp lý hơn trên toàn lãnh thổ, nếu có sự phối hợp công việc chuyên chở để giảm bớt sự khiếm dụng và phí phạm, chúng ta sẽ có thể tự hào trong lãnh vực này. /.

NGUYỄN-PHÚC-SA

- ★ Đề người giúp đỡ, thì tuy làm ít mà được việc nhiều; còn như lặn mình vào chi tiết để làm những việc không phải của mình, thường mất thì giờ mà mất cả quyền uy. Tưởng là làm được hay hơn mà kỳ thật là làm hư mất cả. Ở đây: cái hơn chính là kẻ thù của cái tốt. (Rigaux)
- ★ Người cầm đầu muốn đích thân làm hết mọi việc và không biết tìm người cộng sự có khả năng thay thế mình, thường bị bê bối và hư hỏng công việc, khi vì đau yếu hay vì lẽ gì phải vắng mặt lâu ngày (L.M. Courtois)

Dòng tư-tưởng...

Kỷ-luật và qui-củ

QUA những khúc phim thời sự, chúng ta đã từng được mục kích nhiều công-cuộc phóng hỏa-tiến và vệ-tinh thám-hiểm không-gian.

Tài-nguyên dùng vào những công cuộc phát minh ấy khiến chúng ta bàng hoàng ; trí não sáng tạo những máy móc vi diệu ấy khiến chúng ta kinh dị, song điều làm chúng ta khâm phục hơn hết chính là tinh-thần kỷ-luật và qui-củ nó bao trùm khắp cả và được coi như nòng cốt cơ-bản cho một công-trình tập-thề cố kết để hoàn thành một sự nghiệp chung. Mỗi người ở vào một vị-trí nhất định, lĩnh một sứ-mệnh nhất định, thu hết tâm trí để thi-hành một mệnh-lệnh nhất định. Từ trên xuống dưới, tinh-thần kỷ-luật và qui-củ cô lại thành một khối rắn chắc : người trên cậy người ở dưới, người dưới tin người ở trên ; người nào cũng ý-thức phần trách-nhiệm mình quan-trọng như nhau, coi toàn bộ cuộc thành-công tùy thuộc ở mình : mỗi nút trong trăm ngàn nút chỉ nhận mau hơn, chậm hơn một giây là cả công-trình có thể bị hoàn toàn sụp đổ.

Do đấy, chúng ta nhận thấy trong những yếu-tố chủ yếu đem lại thành-công cho những công-trình như trên, yếu-tố phải kể đến trước hết là kỷ-luật, qui-củ. Có tài-nguyên, trí-não mà thiếu kỷ-luật, qui-củ, những công-trình như trên nhất định không thể thật hiện ; có kỷ-luật, qui-củ mà thiếu tài-nguyên, trí não, những công trình như trên cũng khó lòng đi tới kết quả. Song có điều chúng ta tưởng như chắc chắn : tài nguyên trí não không tùy thuộc hẳn chúng ta, còn kỷ-luật, qui-củ tùy thuộc chúng ta hoàn toàn ; thiếu tài-nguyên, kém trí não, chúng ta vẫn có thể dùng kỷ-luật, qui-củ để lập nên những kỳ công khác trên những địa-hạt khác, nhất là địa-hạt tinh-thần hay đạo-đức, và nếu tinh-thần, đạo-đức đáng kể hơn vật-chất, kỹ-thuật thì những công trình chúng ta tạo được trên những địa-hạt đó, không phải là vô giá-trị.

PHẠM-HOÀNG

BÁCH KHOA XC

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC LÀ GÌ ?

BÙI-HỮU-SÙNG

I — Vai trò quan - trọng của phê-bình Văn - học.

Hiện nay, loại văn phê-bình Văn-học đã tới một địa-vị ngang với Tiểu-thuyết, Thi-ca. Đọc mấy trang nói về « Tiêng Thu » trong bộ « Nhà văn hiện-đại » của Vũ-ngọc-Phan, người ta cảm thấy hứng-thú như đọc một bài thơ Thu của thi sĩ Tân-Đà hay bài thơ « L'automne » của Paul Verlaine. Đọc mấy trang phân-tích tâm-lý trong « Khảo luận về Kim-Vân-Kiều » của Đào-Duy-Anh, người ta cũng thấy lý lẽ rành mạch như những trang phân-tích tâm-lý trong tiểu-thuyết của Paul Bourget. Mấy cuốn phê-bình như cuốn Baudelaire của Sartre, như cuốn Bilan littéraire du XX^e siècle của R.M. Albères cũng được tái bản nhiều lần như các tác phẩm thuộc loại văn sáng tác.

Thế phê-bình văn-học không những mang lại hứng thú cho người đọc, mà còn đóng một vai trò không nhỏ trong văn-học sử. Nó có công cứu vớt những áng văn cổ bị lãng quên. Nó đặt đúng chỗ trong lịch-sử những thiên-tài bị coi rẻ vì thành-kiên, vì hiểu lầm. Nếu không có sự tra cứu phê-bình thì có lẽ Mai-đình-mộng-ký của Nguyễn-Huy-Hồ sẽ bị chôn vùi dưới bụi của thư-viện, tài-hoa của Hồ - Xuân - Hương hay của thi sĩ Maurice Scène (thê kỷ 16) bị lu mờ dưới màn đen tối của thời gian. Thế phê bình còn gây được những dư-luận xôn xao, thổi luồng sinh lực vào giới văn-học, khiến những bậc thức-giả nhiều khi phải thẳm lại kiên-thức của mình và hiểu tác-phẩm cũ với một nhỡn-quan mới mẻ. Ai cũng biết vào khoảng 1925 đến 1940 đã có một

PHÊ-BÌNH VĂN HỌC LÀ GÌ ?

phong-trào, một « mốt » ngâm truyện Kiều, tập Kiều, vịnh Kiều, diễn-thuyết về Kiều, phê-bình về Kiều đến một nhà nho phải than phiền Việt-Nam là « Kim-Vân-Kiều quốc ». Nhưng sau thoái trào, người ta khám-phá không phải Nguyễn-Du chỉ ký-thác tâm-sự ở Thuý-Kiều mà còn gởi mộng anh-hùng ở Từ-Hải. Gần đây người ta còn viết và diễn-thuyết một văn-đề chưa giải-quyết ổn-thỏa: Văn-đề tác-giả Chinh-Phụ. Ở nước Pháp chúng ta không cần nhắc tới vụ tranh-luận giữa mới và cũ (*querelle des anciens et des modernes*), vụ bài tựa Cromwell của Victor Hugo chống lại văn cổ-điển hay nhiều bài tuyên-ngôn của văn-phái siêu-tá-chân (*Le surréalisme*). Gần đây (1958) bộ phê-bình *Vers le vrai Racine* của giáo sư René Jasinski làm mới hẳn lại những ý kiến về Racine. Bộ « *Le 17^e siècle* » 5 cuốn của A. Adam làm các văn-học-sử-gia phải viết lại bộ sử của mình và cũng đồng thời làm nảy nở ra nhiều bộ văn-học-sử mới (ví dụ: *Neuf siècles de littérature fr^{se}* của E. Henriot 1958). Câu chuyện có lẽ kỳ thú hơn cả là việc Paul Bourget đào sới và phơi ra ánh sáng thiên-tài của Stendhal. Năm 1830, Stendhal, (tên chính là Beyle), cho ra quyển tiểu thuyết « *Le Rouge et le noir* » không một ai để ý tới, cả đến tạp-chí văn-học *Revue des deux mondes* không có một dòng, một câu giới thiệu.

Năm mười năm sau (1880) Paul Bourget khám phá ra tài hoa ấy và giới-thiệu với công chúng; từ đây đến nay danh của Stendhal nổi lên như cồn; không biết bao nhiêu nhà phê bình nói

về Stendhal, các tiểu thuyết gia phỏng theo cách bỏ-cục, cách hành văn của Stendhal, các nhà tâm-lý học mượn Stendhal làm dẫn chứng cho các thuyết tâm-lý. Dĩ chí thành một chủ-nghĩa, một phong-trào lấy tên *Beylisme* (Beyle tên của Standhal).

Hiện nay (1959) văn sĩ Jean Dutour viết hẳn một cuốn tiểu-thuyết lấy đời của Beyle làm nòng-cốt trong cuốn *L'âme sensible*.

Trở lại vai trò của phê-bình. Nó quan-trọng nên người ta coi nó là ý-thức của văn-học: ý-thức của thi-gia và văn-gia vừa sáng-tác vừa tự phê-bình, ý-thức giúp độc-giả đi tìm món ăn tinh-thần trong rừng văn-học. Baudelaire đề cao nó hơn nghệ thuật: « *Si l'art est noble, la critique est sainte* » (nếu nghệ-thuật là cao cả, thì phê bình là thiêng-liêng).

Nhưng chính vì nó là « thiêng-liêng » vì thanh-danh nó lớn, vì hiệu lực nó mạnh, nên nó bị lạm phát, bị lạm dụng bị lái vẹo sang những ngã đường sai hẳn với mục-đích của nó. Nó bị mang làm dụng-cụ, tuyên-truyền cho phe đảng chính-trị, tôn-giáo, học-thuyết.

Nó bị ép đi làm quảng-cáo cho một tiểu-thuyết hay cổ động cho một « mốt » văn mới. Lại cũng có kẻ bắt tài, — nhẩy vào làng văn, múa may quay cuồng cây thanh đao « phê bình », đâm chém lung tung, **xáo trộn chân** ngụy.

Vậy ở trong giai đoạn này chúng ta phải hiểu phê-bình văn-học như thế nào? Trước khi trả lời câu hỏi trên tôi thiết-tưởng cần phải nêu ra một ngộ nhận đã kéo dài khá lâu và hình như còn tồn-tại ở một số người đọc cũng như ở một số nhà phê-bình nước ta.

II — Phê bình không phải là khen và chê.

Một nhà văn trào-phúng đã nói đùa rằng: « Khi quyển sách thứ nhất của loài người ra đời thì cũng đồng thời xuất-hiện một nhà phê-bình để nói xấu nó ». Để góp vui câu chuyện, tôi nói thêm: « và cũng đi theo sau một giáo-sư mang sách ấy lại nhài phân-tích tại giảng đường Đại-học để sinh-viên chán ghét và, thêm nữa, một ký-giả chưa kịp đọc sách, chỉ góp nhặt những chi-tiết sai lầm qua mục điểm sách ở các tờ báo khác, để vội vàng giới thiệu, để khoe là mình đọc nhiều lượm tin-văn nhanh chóng »

Gác những chi tiết bông đùa đi, lời trào-phúng trên kia còn lại hai sự thật khá quan trọng đáng để chúng ta cùng suy ngẫm :

1) Nhà phê - bình ra đời rất sớm trong lịch-sử văn-học thế giới nhưng mãi tới thế-kỷ 19 trở đi phê-bình văn học mới thành một thể văn hẳn hoi, có đôi tượng riêng biệt, với phương pháp thích-đáng.

2) Lời trào-phúng trên còn ghi được một trạng-thái tâm-ly kéo dài trong lịch sử. Một số người vẫn lầm lẫn và coi phê-bình là nghệ-thuật nói xấu, « bẻ bai » hay « khen chê ». Thời cổ Hy-Lạp Zoile de Macédoine (thế kỷ thứ 4, trước Thiên Chúa) nổi danh và được coi như nhà phê-bình đầu tiên của Âu Châu vì ông có biệt tài « nói xấu » hai tập anh-hùng-ca bất hủ Iliade và Odys-sée của thi sĩ Homère. Ở Pháp thế-kỷ 17, vụ cãi nhau về Le Cid là một vụ ghen tức, nói xấu. Nhà phê-bình Boileau bị đời phượng coi như một tên hỗn láo, đáng mang ra đánh đòn. Một số người trong bọn thù nghịch đã đe đánh Boileau :

*Mau, đưa tao thanh củi hay cái gậy
Đề tao đánh chết thằng phê-bình
Thằng hỗn xược Boileau kia ! (1)*

Ở Trung-Hoa, trước nhà phê bình trứ-danh Thánh Thán (đời Thanh), ba người được sử-gia coi là ba nhà phê-bình đầu tiên: Tào-Phi, Lư-Hiệp, Chung-Vinh (đời Lục triều). Tôi chưa được đọc tác-phẩm phê-bình của ba ông nên không biết ba ông có vương tật « nói xấu » chẳng. Ở nước ta xưa kia, các cụ rất ít viết văn phê-bình trừ vài bài vịnh Kiều, ngoài vài bài tựa như bài của Cao-Bá-Quát về truyện Hoa-Tiên. Nhưng từ khi tiếp-xúc với văn-học Tây-Phương, Phạm-Quyên

(1) Vite, un cotret, une trique
Que j'assomme ce critique.
Cet insolent de Boileau !

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC LÀ GÌ ?

và Nguyễn-Văn-Tồ có thể coi là hai nhà đi tiên phong về văn phê-bình và cũng hay chỉ trích các văn-gia. Phạm-Quỳnh đã có hồi đả-kích thi-sĩ Tân-Đà, tác-giả tập « Giấc mộng con » trong Nam-Phong (1920). Ứng-Hòe, Nguyễn-Văn-Tồ chuyên về phê-bình tật xấu (critique des défauts); căn cứ vào những tờ a tờ b các bản chép tay ở trường. Viễn-Đông khảo-cổ, ông nêu ra các sai lầm, các khuyết-điểm trong những sách xuất-bản và rất ít thấy ông ngợi khen cái cố gắng của soạn-giả. Vào khoảng năm 1940, Đào-Duy-Anh, Hoài-Thanh, Vũ-Ngọc-Phan đã tiên-bộ nhiều nhưng vẫn còn coi phê-bình là khen, chê. Trong quyển ba của bộ sách « Nhà văn hiện đại » trang 188 (nhà xuất bản Vinh-Thịnh Hà-Nội) phê-bình-gia họ Vũ viết: « *Cái phương-pháp cốt-yếu của nhà phê-bình chân-chính và có tài là tìm trong một quyển văn-chương những cái hay và những cái dở, phải nói cho rõ tại sao mình cho là hay và tại sao mình coi là dở rồi lại phải nói nếu dở thì cần làm thế nào cho hay và nếu đã hay cần làm thế nào cho hay hơn nữa . . .* ». Phê bình như Vũ-Ngọc-Phan hiểu là kiểu phê-bình của một giáo-sư cầm bút mực đỏ chấm bài luận của học-sinh, phê những câu văn khéo và gạch những câu dở, sai mọ. Phê-bình ở học đường như vậy thì được, vì ở đây giáo-sư có căn-cứ rõ ràng như Pháp ngữ (Grammaire), tu-từ học (la rhétorique), những phép tắc mô-tả, định luật thuật chuyện, mẫu mực viết thư hay nghị-luận. Ra khỏi bậc cửa nhà trường, và đem áp-dụng

vào các văn-phẩm sáng-tác; phê-bình như vậy không được vì thiếu tiêu-chuẩn, thiếu lập-trường. Và lại, sáng-tác, là làm một cái gì mới, vượt khuôn sáo cũ và có khi đến cách-mạng cả lễ-thói hành-văn, cách cảm-nghĩ. Ví dụ: kịch của phái lãng mạn ở Pháp hay thơ mới ở nước ta. Nếu nhà phê-bình cứ đứng trong nguyên-tắc cũ để chê khen cái mới, người ấy sẽ dễ rơi vào cách phê bình độc đoán (critique dogmatique) và bóp chết văn-nghệ. Và lại cái đẹp luôn luôn thay đổi theo từng thời, từng dân tộc, nhà phê bình cũng phải đổi theo thái-độ và lập-trường. Đại-phê-bình-gia Ste Beuve đã nhận xét đúng. Chúng ta (những nhà phê bình) động biến và phê phán những kẻ động biến (nous sommes mobiles et jugeons des êtres mobiles).

Nói tóm lại, các bậc đàn anh chúng ta đã có công ương mầm phê-bình trong vườn văn-học dân-tộc và các ông đã tới giai-đoạn « chê, khen ». Nhưng chê khen, theo lời E. Renan, chỉ mới là một phương pháp nhỏ nhặt: « Louer ceci, blâmer cela est d'une petite méthode ».

Chúng ta phải vượt các bước sơ khai nói trên và tiến vào thêm mấy bước nữa để đáp lại nhu-cầu học-hỏi của thanh-niên trí-thức và theo kịp đà tiên-triển của thế giới. Vậy trong giai-đoạn này chúng ta, người phê-bình cũng như độc sách, nên có thái độ ra sao trước những tác-phẩm văn-học cổ, kim, xuất bản ở trong nước hay ở nước ngoài ?

III — Đề-nghị một thái-độ phê-bình văn-học trong giai-đoạn hiện-tại.

Danh-từ phê - bình dịch ở tiếng Pháp, la critique, chữ này gốc ở tiếng Hi-Lạp, nghĩa là phê - phán. Tự-vị Littré định-nghĩa : phê bình là nghệ thuật phê-phán những tác-phẩm văn-học (art de juger les productions littéraires). Nhưng phê-phán theo tiêu-chuẩn nào, phương pháp nào và trên lập trường nào ?

Mỗi dân-tộc và mỗi giai-đoạn lịch-sử của dân tộc ấy có lối phê-bình văn-học riêng. Dân-tộc Đức phê-bình theo quan điểm triết-học, dân-tộc Pháp phê-bình theo cách phân tách tâm-lý. Curtius, người Đức, khi xét về Balzac, ông đứng trong siêu hình của Balzac rồi như ngồi từ trong lò ánh-sáng nhìn tỏa ra chung quanh, lời, ý, tình tiết. Trái lại, Bellessort, người Pháp, khi phê-bình Balzac, mang cái đèn sáng « phân tích » soi rọi lần lần từng trang, từng chi tiết rồi mới tổng hợp lại. Lại ngay trong văn-học Pháp chúng ta cũng thấy thể phê-bình luôn luôn chuyển-biên theo dòng lịch-sử: phê-bình độc-đoán, phê-bình tương - đối lãng - mạn (relativisme romantique) của Ste Beuve, phê-bình

tương đối khoa-học (relativisme scientifique) của Taine., phê-bình ấn-tượng của J. Lemaitre, phê-bình Mác-Xít của H. Lefèvre, phê-bình hiện-sinh của Sartre. Ở nước ta Nguyễn-Văn-Tồ chuyên về phê-bình cái dở, Hoài-Thanh trong Thi-nhân Việt-Nam, thường thức cái đẹp. Thật là nhiều hướng, nhiều cách thức. Hiện nay có người muốn đưa phê-bình tới một địa-vị khoa-học (science de la littérature) khám - phá ra những định - luật như khoa-học vật - lý. Vài phê-bình gia người Pháp lại phê-bình thể phê-bình (métacritique) như Jean Paulhan, G. Picon. Thật là cao-siêu, trừu-tượng. Trong bài báo này, tôi không mạo-hiêm phiêu-lưu vào cõi siêu thể-giới văn-học ấy. Tôi xin phép đề-nghị một thái-độ phê-bình của người trí-thức, (homme cultivé) chưa phải là của những phê-bình gia chuyên-môn. Đã là một thái-độ, nó chỉ áp-dụng cho một số người trong một giai-đoạn lịch-sử, nó chưa có tính-cách tổng-quát (général) và vĩnh-cửu (éternel) như một khoa-học.

Thái-độ phê-bình đề-nghị là đọc cẩn thận một tác phẩm hay một dịch-phẩm rồi tùy hoàn-cảnh, nghề-nghiệp, chỉ-dẫn, giải-thích hay phê bình để giúp đỡ cho người đọc. Xin tóm lại trong một công thức :

Phê bình = hiểu một tác phẩm để

{	chỉ dẫn (renseigner)
	giải thích (expliquer)
	phê phán (juger)

★ Người cầm đầu quá luyện cổ với quyền hành, thật đã giết chết tinh thần lãnh đạo của nhân viên. (L.M. Courtois)

IV — Nên hiểu một tác-phẩm ra sao ?

Nhìn công thức trên, chúng ta thấy ngay « hiểu » là việc cốt yếu của thể-văn phê-bình, hiểu đây vừa là linh-hội, vừa là cảm-thông.

Để hiểu một tác-phẩm, nhất là tác-phẩm cổ hay ngoại-ngữ, dĩ-nhiên phê-bình-gia phải có một trình-độ học khá cao về ngôn-ngữ, văn-phạm, lịch-sử và hiểu-biết về tâm-lý học, phân-tâm học nghĩa là văn-học sử, và khoa-học phụ của nó (sciences auxiliaires). Đứng trước một áng văn, người ấy phải có thái-độ, một phương tiện tiếp xúc (moyen d'approche) thích-hợp với thể văn của áng văn ấy. Nếu áng văn ấy là tập triết học người ta sẽ thấy ở đây một chân lý khách quan, nếu là thơ người ta sẽ bắt gặp một trạng-thái tâm hồn. Nếu là tiểu-thuyết nó sẽ kể lại một mẫu đời, một việc xảy ra trong xã-hội v.v... Đại khái người ấy phải biết thơ là để ngâm, kịch là để diễn trên sân khấu, tiểu-thuyết là để đọc lặng lẽ, triết học là để trầm tư về một kinh-nghiệm tinh-thần, Vậy cái thái độ, cái cách « lại gần » áng văn phải sao cho ăn khớp với thể văn, với cách cảm, lối nghĩ của tác-giả mới mong nắm được một linh hồn, một nếp sống, một suy luận, một tình trạng, một vấn đề.

Thái độ « lại gần » ấn-định rồi lại phải dùng một trong hai phương pháp dưới đây tùy theo loại sách và năng khiếu của phê-bình gia.

a) Phương-pháp phân-tích. — Đa số phê-bình gia áp-dụng phương-pháp

này. Họ tìmgỡ những mạch lạc, vạch rõ những lực-tuyên (lignes de force), cân nhắc hình-thức và nội-dung, sắp xếp ý chính, ý phụ rồi sau mới tổng hợp lại. Họ dùng lý-trí nhiều hơn trực giác.

b) Nắm rọng tâm (le point focal). — Cách thứ hai là dùng trực - giác tìm đúng « long mạch » hay « trọng tâm » rồi từ đó nhìn ra các phía, các ngả, xét hình thức, nội dung chi tiết, lực-tuyên v...v.. Phương-pháp thứ hai nhìn một tác-phẩm với con mắt nghệ-thuật hơn, bao quát hơn. Nó thường áp dụng vào những tác-phẩm mà tác giả có một vũ-trụ riêng biệt như vũ-trụ của Balzac, của Baudelaire, của Proust, của Nguyễn-Du, của Tolstoi. Nhất là nó thích hợp với những tập sách có khuynh-hướng thần bí như tiểu-thuyết của Dostoievski (L'idiot, Crime et Châtiment). Tôi đã có dịp mang áp dụng nó vào bài báo « phân-tách » tập thơ Nhạc-Đề của thi-sĩ Đoàn-Thêm (Xem Bách Khoa số 85, ngày 15/7/60)

Dù dùng phương-pháp nào, phê-bình gia, muốn hiểu một cách khách-quan và trung-thực, phải coi chừng, đừng để bị cảm dỗ bởi văn tài của tác-phẩm và cũng đừng để thành-kiến của mình chắn ngang (écran) giữa óc mình và tác-phẩm. Engels, bị ám ảnh bởi lý thuyết « giai cấp đầu tranh của K. Marx » thành ra như người đeo đôi kính « duy-vật », trong sách nào Engels cũng cho văn chương là phản ảnh xã-hội. Ông vội cho những nhân-vật trong các tiểu thuyết Balzac là những con người « lịch-sử », những sử liệu rất

quý cho ông, quý hơn cả sử. Engels đã nhầm: Balzac thời xưa và các phê-bình gia ngày nay đã chứng-minh là Père grandet, Rastignac, Vautrin là những con đẻ của trí tưởng-tượng của Balzac không phải nhân vật 100% thực — Ở nước ta, năm 1936, trong cuốn « Hồ-Xuân-Hương, tác phẩm và thân thể » nhà in Aspar, ông Nguyễn-văn-Hanh mang phân tâm học của Freud để « mổ xẻ » nữ-sĩ họ Hồ. Ông căn cứ vào bài thơ « Ồc nhối » rồi ông chủ trương rằng nữ-sĩ người xấu, ề chồng và dưới ảnh-hưởng của tình-dục dồn ép, Hồ-xuân-Hương làm ra những bài thơ lằng lơ. Nếu có người đọc bài thơ « Bánh trôi » mà cho nữ-sĩ người đẹp trắng, mũm mĩm thì ông Hanh nghĩ sao? Thí dụ khác : về cuốn Đoạn Trường Tân-Thanh, trong đó các nhà Nho Học và Tây Học, khi phê-bình, chưa thấy ai tìm hiểu thể văn (genre littéraire), thể truyện đã chi phối tư-tưởng, tình-cảm về cách hành văn trong kiệt tác của Nguyễn-Du. Không để ý tới thể văn (nhất là cổ văn) lại đọc vội vàng, không kịp quán thông đầy đủ văn-phẩm của một tác giả, phê-bình gia sẽ hiểu nhầm, chỉ dẫn sai, giải-thích hay, hay phán đoán vội và có tội với văn-học,

V.— Tại sao trong giai-đoạn này, ở nước ta, phê-bình nhằm mục-đích chỉ dẫn (renseigner) ?

Hai lẽ chính :

Một là vì số lớn thanh-niên trí-thức của nước ta, qua những cuộc đảo lộn lịch-sử trong mấy năm

gần đây và sau cái học « thi cử » ít có thì giờ luyện lầy một óc nhận xét sáng suốt. Tuổi ấy lại dễ cảm xúc trước những hình-ảnh thơ-mộng, lời văn găm vóc, che đậy những cảnh xa ngã. Đứng trước tác-phẩm của một văn-sĩ nổi danh hay một tác-phẩm được phần thưởng, thanh-niên thường có mặc-cảm tự-ty, không biết khen chê ra sao (rụt rè, ở đây, là mặt trái của lòng tự-ái, tự-cao).

Hai là, gần đây sách báo trong nước xuất bản nhiều, sách ngoại-quốc cũng có những khuynh-hướng hay trào-lưu mới lạ. Nếu không có người hướng-dẫn, người thanh-niên bước vào hiệu sách như chim chích vào rừng không biết đọc Faulker hay Hemingway, Françoise Sagan hay F. Mauriac. Một người cha muốn cho con mình đang học lớp đệ Lục, một ít sách thiếu niên, không biết chọn « Không gia-đình » hay « Những kẻ khờ nạn ». Ông tự hỏi có nên cho con đọc một tác-phẩm của Khái-Hưng, của Vũ-Trọng-Phụng không. Người cha ấy cần sự chỉ dẫn lắm. Một giáo-sư trẻ ở một tỉnh nhỏ về, nghe đồn « đợt sóng mới » của tiểu-thuyết Pháp, cũng phân vân do dự trước cuốn La Modification của Butor, Dans le Labyrinthe của A. Robbe Grillet.

Vì mấy lý do trên, trong giai-đoạn này, đa số độc-giả trông mong ở các nhà phê-bình trong báo-chí chỉ-dẫn cho nhiều điều sơ lược cần thiết về một tác-giả, một tác-phẩm hay một phong-trào văn-học của ngoại-quốc

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC LÀ GÌ ?

hay ở trong nước. Việc chỉ-dẫn là một công việc bạc bẽo vì phải đọc nhiều, đọc một số sách làm nhằm mới tìm thấy một hai cuốn đáng giới-thiệu. Nhưng việc làm không phải là không vinh-dự, nếu người cầm bút phê-bình biết tìm ra những thiên-tài mới, trẻ, như bắt được trạch vàng trong đất bùn. Vinh-dự biết bao cho Paul Souday, chỉ giữ mục phê-bình văn-học trong báo Le Temps ở Paris, mà có con mắt tinh đời, khám phá ra đầu tiên nhà tiểu-thuyết trứ danh Marcel Proust trong khi giới trí-thức Pháp còn thờ ơ, chưa ai biết tới tác-giả « A la recherche du temps perdu ». Chỉ viết mục chỉ-dẫn và phê-bình ở trong các báo Aurore, Liberté, Echo de Paris, Le Monde mà ký-giả Robert Kemp được bầu vào Hàn-lâm-viện Pháp-Quốc.

Tôi rất mong ở nước ta, trên các báo (hay viết thành những cuốn nhỏ) những bài hướng-dẫn cho thanh-niên đọc sách báo ngoại quốc tựa như quyển « khảo-tuận tiểu-thuyết Trung-Hoa » của ông Nguyễn-Huy-Khánh, (Saigon, 1959) hay Propos sur la Littérature Anglaise của Montgomery Belgion chỉ-

dẫn cho người Pháp hiểu tiểu-thuyết, kịch và thơ của Anh-Quốc. Cũng thuộc về loại này, John Brown đã viết rất hay cuốn Panorama de la littérature contemporaine aux Etats-Unis. Chính nhờ hai cuốn này, (hai cuốn đều bằng Pháp-văn) mà tôi hiểu sơ-lược về văn-học của Anh và Mỹ.

VI. — Tại sao, trong giai-đoạn này, ở nước ta, phê-bình là giải-thích (expliquer)

Theo luận-lý học, danh - từ giải-thích có hai nghĩa : a) miêu tả (décrire) ; b) tìm nguyên-nhân.

a) Áp-dụng vào phê-bình văn-học, giải - thích là miêu-tả cho đúng, trình-bày một cách vô-tư nội-dung của một cuốn sách mang ra phê-bình. Nó đừng cô đọng quá như một bài toát-yếu hay một bài phân-tách văn-chương trong các sách văn-học-sử và cũng đừng khô-khan như loại Digest. Trước khi trình-bày, phê-bình-gia phải hiểu thấu-triệt nội-dung, thông-cảm với tác - giả, nắm chắc được bí-quyết sáng-tác rồi trước thính - giả : phê - bình miệng, vì

- ✧ Người cầm đầu chân chính phải cố gắng khám phá cho ra những đức tính của người cộng sự, để sử dụng mọi khả năng của họ và đem tài năng của họ giúp vào công việc chung. (L.M. Courtois)
- ✧ Trong đời có hai hạng người : hạng chỉ biết hấp thụ, tức là hạng ký sinh trùng; và hạng biết phấn phát hoạt động tức là hạng tinh anh, ưu tú. Bao giờ tôi cũng chỉ mời gọi những phần tử tinh anh, ưu tú vây quanh tôi, nên lực lượng của tôi gia tăng thập bội. (Lyautey)

dụ trong buổi diễn-thuyết) hay trong một tạp-chí, thuật lại theo mạch-lạc, nhân mạnh vào những đoạn văn tiêu-biểu hay những lời cho nhân-vật để cho thính-giả hay độc-giả có cảm-tưởng chính mình đọc cốt chuyện. Nói khác đi, phê-bình-gia làm công việc « tái sáng-tạo » (ré-création). Tôi đã từng gặp những diễn-viên, những giáo-sư vừa kể, vừa diễn những vở kịch của Molière. Một giáo-sư kia, một buổi giảng về J.J. Rousseau, ông lạch bạch bước vào lớp như kiểu đi của Rousseau, và trong khi giảng bài ông sen lãn cứ chỉ, đời sống, tác-phẩm một cách linh-động và học-sinh cảm thấy Rousseau sống, đi lại trong phòng học. Một vị thanh-tra không hết lời ngợi khen giáo-sư ấy :

— Giảng như vậy thì lớp học linh-động đầy nhưng giáo-sư quên phê-bình tư-tưởng lãng-mạn của Rousseau.

— « Phê-bình à ? Thưa ông thanh-tra — giáo-sư trả lời — Tuổi thanh-niên cần rung - động và cảm - phục trước một văn-nhân hơn là khen chê hay phân-tách nhạt nhẽo từng câu từng ý một của một tác-phẩm cổ-điển. »

Tôi đồng ý với giáo-sư văn-chương kia. Nhưng văn - sĩ xưa và nay, Đông và Tây, rất nhiều. Những tác-phẩm cổ đã chịu những thử thách của thời-gian, của các thế-hệ, chúng chứa đựng, dưới hình-thức cổ-kính một sức sống, một hình bóng của người muôn thuở. Làm sống lại sức sống kia, làm hiện lên hình bóng kia

đã là một sự thành-công lắm rồi, và đã mất nhiều thời giờ lắm rồi. Chả hơn là phân-tách khô khan, giảng diễn-tích, văn-phạm hàng chuỗi ngày, tán hươu tán vượn (Lanson gọi là trường tán rộng, école de bavardage). Và lại, chúng ta không nên đòi hỏi một sự hoàn-toàn ở Nguyễn-Du, ở Racine, ở Shakespeare. Bộ mặt giai - nhân nào, nếu ngắm kỹ, chúng ta chả nhận ra một nốt ruồi, một đường răn, một cái sẹo. Riêng ở nước ta, cách phê-bình giải-thích theo kiểu « tái sáng-tạo » rất cần cho thanh-niên trong giai-đoạn đen tối này. Họ cần vươn mình lên trên mọi giả-tạo, ghen-tị, sa-đọa để được phút chốc tắm mình trong không khí lành-mạnh xa xưa, hòa mình vào dòng tư-tưởng vĩ-đại, say sưa với sự nghiệp sáng-tạo của các văn-nghệ-sĩ kim-cổ.

b) Nghĩa thứ hai của danh-từ phê-bình giải-thích — Ở nghĩa thứ hai, giải-thích là đi tìm nguyên-nhân đã gây ra tác-phẩm. Vì chịu ảnh-hưởng khoa-học và triết-học, một số lớn phê-bình-gia Pháp coi văn-phẩm là « quả » (effet) mà cá-tính hay hoàn-cảnh xã-hội là « nhân ». (Ví dụ về khoa-học nhiệt-độ là nguyên-nhân mà nước sôi là hậu-quả). Giải thích là đặt mối tương-quan giữa tác-phẩm với con người (kiểu St^e Beuve) với hoàn-cảnh, nội giông (kiểu Taine) với giai-cấp (kiểu Mác-xít). Cách phê-bình giải-thích này là một cuộc phiêu-lưu lý-thú trong văn-học-sử của Pháp và đã có nhiều thành-tích đẹp. Nhưng phương-pháp này thường lãng quên cái chính, tức là sức

sông là cái đẹp nằm trong lòng tác-phẩm. Có giáo-sư đại-học cả năm nói ở chung quanh : gia-đình, chủng tộc, bạn hữu, bệnh tật, đời sống tình-ái của một văn-sĩ, rồi quên giảng chính văn. Trước năm 1945, cái tai-nạn của lời khảo - cứu ấy (gọi là *érudition lansonienne*, nghĩa là của giáo-sư G. Lanson) đã đề nặng lên các trường đại-học ở Pháp, ở Đức. Ngày nay, ta còn thấy nó xuất hiện ở nước ta : một số giáo-sư và phê-bình-gia nhắm thể phê-bình với văn-học-sử, lẫn thể phê-bình với khoa - học nghiên - cứu (*érudition*) và quá thiên về phần sử, rồi lãng quên cái tinh - hoa, phần cốt-yếu của phê-bình.

V .— Sau cùng, phê bình là phê-phán.

Phê - bình là chỉ dẫn cho công-chúng đọc các văn - phẩm hay giải-thích một cách cặn kẽ, khách - quan. Nhưng công-chúng cũng có quyền đòi hỏi ở phê - bình gia những lời phê-phán về tác-phẩm. Phê - phán là xác-định giá-trị của một văn-phẩm. Nhưng nhà phê-bình căn-cứ vào tiêu - chuẩn nào hay lập-trường nào mà phê-phán?

a) Nếu căn - cứ vào vài quy - tắc nghệ-thuật đã có sẵn như Boileau bên Pháp hay vào luân-lý cổ - truyền mà phê-phán như các nhà Nho bên ta phê-bình Đoạn-trường tân - thanh, là phê-bình độc-đoán (*critique dogmatique*). Phương-pháp này lỗi thời vì cái đẹp muôn mặt và sáng tạo là để ra một cái gì mới lạ, ta không thể xét cái mới theo tiêu-chuẩn cũ. (Đã nói ở trên).

b) A. France, Jules Lemaitre, Hoài-Thanh (trong Thi-nhân Việt-Nam) đều xét văn-chương theo thẩm-mỹ riêng của mình : thể là phê-bình ấn-tượng (*critique impressionniste*), có tính-cách chủ-quan. Đọc văn phê-bình của các ông, người sẽ hiểu quan-niệm nghệ-thuật, sở-thích riêng của các ông hơn là tác-phẩm mang ra phê-phán.

c) Nhóm Mác - xít, hay Charles Maurras (nhà văn bảo-hoàng ở Pháp) ép văn-nghệ theo đường lối chính-trị của mình và những tác-phẩm phê-bình bị mang làm lợi khí tuyên-truyền một cho ý-thức hệ, vì đó chúng mất hẳn tính-cách biệt-lập văn-nghệ của chúng...

d) Ở nước ta, trong riêng giai-đoạn này, tôi xin phép đề-nghị : phê-phán trên lập trường dân-tộc và lấy sức sống làm tiêu-chuẩn.

Tôi xin thuyết-minh :

1.— *Sức sống* : Một văn-phẩm cổ hay kim chỉ có giá-trị khi nó chứa đựng một *sức sống* : một chân-lý tâm-lý hay một trạng huống xã-hội. Một bài thơ dù nó bắt nguồn ở một cảm-xúc hay ở một ý nghĩ, nhưng trước hết nó phải làm rung-động tâm hồn thi-sĩ rồi biểu-hiện thành hình-ảnh, thành nhạc-điệu để tác-động vào người đọc. Thơ có giá-trị hay không là tùy theo hiệu-lực truyền-cảm của nó. Những kịch của Racine, của Molière còn diễn hay ngâm đọc ngày nay là vì chúng ta bắt gặp ở đây một mẫu người, một cái trạng-thái tâm lý v.v... Bộ « Người khôn

nan » của V. Hugo, Thủy-Hử, Tây-Du còn được mãi là vì nhân-vật, và câu chuyện linh-động. Sau khi đọc bao nhiêu sách rồi còn lại ở trong trí nhớ ta những gì, nếu không là những nhân-vật như Harpagon, Tartuffe, Từ Hải, Điều - Thuyền, Tề-Thiên-Đại-Thánh, Lô-Trí-Thâm v. v... Nhưng nhân-vật có khi là một bức kiêu-hùng, một siêu-nhân (ai không chứa trong mình một anh-hùng) hoặc gần gũi chúng ta như tên ăn cắp, người ghen tuông, lừa đảo. Điều cốt-yếu là nhân vật ấy sống thì tác-phẩm mới linh-động và giá-trị sẽ đời đời. Các nhà Mác-Xít chủ-trương văn-chương giai-cấp cũng phải công-nhận sức sống tiềm-tàng trong cổ-tích và các nhà ấy không giải-thích nổi sức sống của những câu-chuyện hỗn-nhiên, linh-động bằng thuyết duy-vật. Vậy dưới sự thay đổi về chính - trị, kinh-tế quần áo, vẫn có một con người trường-cửu. Ghi được một trong nhiều trạng-thái của con người vĩnh-cửu ấy là tác-phẩm đáng cho người đời đọc hay ngâm mãi mãi.

2.— *Lập-trường dân-tộc* : Bản chất con người thì vĩnh-cửu, nhưng mỗi dân-tộc lại có một thiên-tài và khuynh-hướng về văn-nghệ. Dân-tộc ta thích thi-ca và cảm-giác hơn triết-lý. Kịch và tiểu thuyết của Nga có tính cách huyền-bi. Những nhân-vật trong tiểu-thuyết Mỹ hầu như không có đời sống nội-tâm (vie intérieure).

Tôi không theo hẳn thuyết « Nòi giống » của Taine, nhưng tôi có ý nói, mỗi dân-tộc tùy theo hoàn-cảnh địa-

đư, lịch-sử của họ, họ có những khuynh hướng văn nghệ riêng. Phê-bình gia Việt-Nam phải nhìn rõ về những điểm dị-đồng ấy phân-biệt cái gì hợp với ta và cái gì khác ta và cũng để xem ta có nên phỏng theo hay cưỡng lại phong-trào.

Ví dụ : gần đây theo phong - trào thơ « tòi » ở Âu-Châu, một số thi - sĩ Việt cũng muốn nói lên cái u tòi trong lòng, đúng với thời - đại này. Nhưng nhà phê-bình đứng trên lập-trường dân-tộc cũng phải lên tiếng về loại thơ « hủ » ấy vì nó không hợp với sở-thích của đa số (tức dân - tộc) mình. Thơ « hủ » chỉ là trạng - thái tâm-lý của một thiểu số và trong một giai đoạn ngắn.

Và lại sức sống của một thi - nhân hay của một dân-tộc, có lúc lên lúc xuống. Gặp phải những tác - phẩm tả sức sống đang xuống, văn tuy hay, thơ tuy lâm ly, phê-bình gia cũng cần phê-phán để giúp những thanh - niên ham học thận trọng trong sự đi tìm món ăn dân-tộc tinh-thần lành mạnh của họ.

Sự phê phán, theo ý tôi, rất cần trong giai-đoạn này. Một là vì các sách báo nhập-cảng hay xuất - bản ở trong nước có thể là hình-thức tuyên truyền rất tề-nhị của một số tà-thuyết và ngầm ngầm phá hại cái ý - thức quốc-gia đang trưởng-thành của dân tộc ta. Hai là, phê - phán rất cần về phương-diện nghệ-thuật và tư-tưởng. Xưa kia, văn chương của ta, của Tàu xây-dựng trên nền đạo - đức Khổng-

Mạnh dưới vũ-trụ « tam tài giả, thiên-địa nhân »; gần đây ta được biết văn-chương cổ điển của Pháp xây dựng dưới một vũ-trụ lý-trí hóa (Univers rationalisé). Mặc loạn - ly hay cách-mạng, người ta vẫn tin ở trời hay ở một lý-trí chế - ngự trên hết. Thúy-Kiều có lưu-lạc, khổ ải nhưng hiểu-tâm của nàng sẽ động tới trời. Những trường hợp của Andromaque, bà Bovary chỉ là những việc vặt (faits divers) trong cái vũ-trụ thẳng băng của Descartes. Ngày nay, đảo lộn hết. Lý trí, thiên-mệnh khoa-học đều rung động tới nền tảng và mất hết uy-tín. Duy-vật, vô thần đả-kích dữ dội tôn-giáo; trực giác Bergson làm lu mờ vai trò của lý-trí. Xưa kia người ta hoan hô « khoa-học vạn năng », ngày nay người ta than: « khoa-học vạn tội ». Hai cuộc thế-chiến, những cuộc di-cư đồ sộ chưa có trong lịch-sử, mấy đại-cường-quốc lừa bịp nhau từng miếng một, chiến-tranh nguyên-tử đe dọa, vận mệnh con người mong manh như sợi tơ mảnh trước gió. Không nhà văn nào thức thời lại còn ngồi yên ổn, phân-tích tâm-lý như M. Proust nữa. Sau P. Bourget, sau Tự-Lực Văn-Đoàn, không còn mấy người đặt vấn-đề cải-cách xã-hội (giải-phóng phụ-nữ, chồng đại gia - đình). Tiểu-thuyết luận đề đã nhường chỗ cho báo-chí giải quyết những cải-cách xã-hội. Các tiểu-thuyết và kịch-bản có giá trị ngày nay gắn liền với vận-mệnh con người, tả những trạng-thái khủng hoảng mà không dám cho giải - đáp hay là tìm lối thoát cho nhân vật. Độc giả phải tìm giải-pháp cho câu chuyện,

ngẫm nghĩ về bi-kịch của đời mình, và kiếp sống, hay nghĩa lý của đời người.

Những « La Condition humaine » của Malraux, những « L'étranger » của Camus, những « Sous le soleil de Satan » của Bernanos những kịch của Anouilh đều đưa ra vấn đề nhân-sinh, triết lý: Thế giới sẽ đi đâu ? Từ muôn vàn cái đảo lộn của thời đại, rồi sẽ xuất - hiện một thứ gì ? Không tôn giáo, không thần thánh, người ta có sống được chăng ? Đó là những câu hỏi xưa kia thuộc về siêu hình, nay xuống hẳn đường phố, liên can đến đời sống hàng ngày, xâm nhập vào thơ văn, nhưng thơ văn chỉ ghi, chỉ thuật lại mà không giải đáp: Phê bình gia Albérès gọi là văn chương đặt vấn đề (La littérature problématique).

Trước những văn phạm ấy, những câu hỏi về kiếp người ấy, phê-bình gia nhất là phê-bình gia Việt-Nam phải tóm lại vấn đề (đừng khô khan, trừu tượng như triết-học) rồi đưa một giải-pháp theo hiểu biết và quan - niệm nhân-sinh của mình trong hoàn-cảnh nước mình. Như vậy phê-bình là dựa vào sách của người rồi viết tiếp vào, bàn rộng thêm ra, mang lại đường lối văn nghệ một tia hy vọng, một mối tin tưởng, một thái độ sống cho bạn mình, cho dân mình. Hiểu như vậy (và cần như vậy) phê-bình thành ra sáng-tạo. (Critiquer c'est créer).

Tóm lại trong giai-đoạn này và theo thiên-ý của tôi, phê - bình là trình bày, nội-dung của một tác phẩm kim hay cổ rồi tùy theo phương tiện,

chỉ dẫn hay « tái sáng tạo » hay « sáng tạo ». Mỗi bài hay mỗi tập phê-bình phải gồm hai phần chính : phần thứ nhất là phần trình bày phải trung-thực và khách quan đừng phản-bội ý chính của tác-giả ; phần thứ hai, là phần phê phán, dĩ nhiên là phải chủ-quan và nhiệt-thành. Tôi đồng ý với Baudelaire, với Thibaudet : ở phần hai, phê-bình gia phải thiên-vị và hăng hái (La critique doit être partiale et passionnée).

Trên đây chỉ là một thái-độ phê-bình mà tôi được hân hạnh mang ra chất chính các độc giả học rộng và các phê-bình gia chuyên môn. Tôi thành tâm chờ đợi ý-kiến và lời phê-bình xây-dựng của quý-vị. Tôi tin rằng chúng ta sẽ cùng nhau xây-dựng một thể phê-bình hợp với trình độ học hỏi của chúng ta, hợp với tinh-thần dân-tộc ta trong giai-đoạn này.

BÙI-HỮU-SÙNG

- ★ Người cầm đầu giỏi là người biết tìm kiếm ra được người cộng tác và dùng họ tùy theo khả năng. Thuật dùng người của người cầm đầu càng cao thì người ấy càng tiến mạnh. (L. m. Courtois)
- ★ Không có người cầm đầu lý tưởng cũng như không có người cộng tác hoàn toàn. Cho nên người tính khí thế nào thì nên dùng theo như thế. Tuy nhiên, người cầm đầu khi thấy tính khí của một người có hại cho công việc chung hơn là có lợi thì phải nghĩ đến sự chuyển người ấy đi chỗ khác cho thích hợp hơn. Đó là sự khôn ngoan mà cũng là điều nhân ái.

« Đảng ngục »

Theo sử Trung-Hoa, đời Hán-Hiến đế có Khoách, Lý, Trần, Phạm là những người đứng lên lập đảng để chống lại triều-đình ; bọn đảng nhân này bị giết hàng mấy ngàn người. Tới đời Tống Huy Tôn, lại có Lạc-đảng, Thực-đảng nổi lên, những bậc hiền nhân cũng bị sát hại rất nhiều. Do đấy, phát sinh ra hai chữ « đảng ngục », chỉ những án của chính-quyền tại vị làm tội những chính đảng phản đối và cũng chỉ việc kẻ tiểu nhân hãm hại người quân tử.

NỖI NIỀM THÁNG TÁM

◎ ĐOÀN-THÊM

Thân gửi anh Tùng, Ba-Lê

Khi anh nhận được thư này, có lẽ trăng đã tròn vằng.

Tròn hay khuyết đôi với anh, chắc không thành vấn-đề, vì anh ở tận chân trời khác với biết bao nhiêu nhu-câu mới.

Nhưng biết lòng anh vẫn thủy chung đôi với những tình xưa và cảnh cũ, tôi dám nhắc lại hôm nay những gì không còn nữa, hay rồi ra cũng sẽ chẳng còn.

Đó là câu chuyện ông giảng. « Ông giảng ông giảng ông giảng búi tóc, ông khóc ông cười... » như anh và tôi hỏi còn tập bi tập đáo và bày cỗ mời ông.

Thuở đó, hình như ông sáng và mát hơn, như tâm-hồn chúng ta. Chắc tại ông thề nào ta thây thề, bằng đôi mắt thơ ngây, chớ không nhìn qua những

nỗi niềm thắc-mắc nhớ thương, hoặc những quan-niệm quái-dị âm-u về tạo vật.

Cứ đầu tháng tám, khi ông mới cong vành lưỡi liềm, chúng ta mong ông chóng tròn, nghĩa là sớm đến ngày được cha mẹ hay họ hàng cho ăn, cho chơi, hoặc đi xem bày cỗ.

Ở cạnh nhau, chúng ta cùng góp phần chung hội, anh đèn bầu đèn bóng, tôi đèn xếp; ông nghề giấy của anh to lớn, mặc áo đỏ lấp lánh hoa vàng, ông của tôi ọp ẹp lắm; có lẽ là điểm anh đậu tiến-sĩ, còn tôi thì lẹt đẹt; nhưng ông nào cũng mặt bột dầy dầy, thì là điểm gì chẳng biết?

Song nếu tôi mê màu sắc, thì anh thích ngon lành. Bánh của anh, nào bánh dẻo trắng tinh, bánh nướng thơm cho màu mỡ, lại bánh mặt trăng rộng gần bằng chiếc lốp xe hơi, và bên cạnh những hộp vuông hộp tròn, con lợn

ĐOÀN-THÊM

nhỏ xiu và cá chép ba xu của tôi, bằng bột màu gạch nhân đậu đen, trông thiệt què mùa và nghèo nàn quá thể : nhưng tôi vẫn hãnh diện vì có những trái bưởi hình đầu thỏ tai giấy, những trái đu-đu gọt thành bông hồng, kỳ công của chị tôi mà chị anh chẳng kịp.

Cỗ của chúng ta kê đã khá, song chưa ai thỏa mãn, vẫn còn bao nhiêu thứ thêm thưởng chẳng được. Thì rủ nhau đi thưởng thức suông bằng mắt vậy, một công việc đầy thú vị mà chúng ta tiếp tục hàng năm, khi đã lớn

Chúng ta dặt nhau chen chúc trên vỉa hè đường Hàng Mã, Hàng Gai, Hàng Thiếc, giữa cảnh tưng bừng lộng lẫy, để nếu chẳng sẵn tiền mua thì cũng có trò vui đồ nhau ở nhà xem ai biết và thuộc tên nhiều thức nhất :

Đèn gì nào ? Đèn đầu thỏ mắt lồi như chũm cau, đèn ngôi sao sáu cánh có tua, đèn con cóc, không phải, thiến thừ gặt gù vái lạy, đèn vuông kéo quân có hình xay lúa giã gạo hay ông sư gõ mõ...

Ông nghề nào đẹp nhất ? Áo vàng, chắc phải đồ Trạng-nguyên, áo đỏ Bảng-Nhãn, áo xanh Thám-hoa : nói láo, có người bảo áo xanh chỉ là ông quan-viên tề đình làng.

Thôi, cãi nhau hoài, hãy xem đầu sư-tử : ít tiền, con nít đội vừa, chỉ có hai mắt dán mặt kính tròn mà lộ cả giấy nhật trình độn bên trong : nhiều tiền, óng ánh vàng bạc, sừng to bằng chiếc ngà voi, râu dài bằng râu Quan-

Công, tha hồ múa phật, hai mắt gỗ lại động đậy được, trông càng kinh khủng càng thích.

Chưa mê bằng đồ thiếc : tàu thủy Phi-Long kiểu Bạch-Thái-Bưởi, xe song-mã có chuông dưới gậm, xe trái tim mở ra úp vào bên trong có thẳng phồng đứng, xe bướm đẩy đi thì hai cánh vẫy, xe không mui kiểu Dedion-Bouton hay Panhard Le Vassort : kỳ thật, ngày đó cũng cỡ thuộc tên xe, như con nít bây giờ thuộc Chrysler, Mercédès hay 203.

Khi đi xem bánh, anh sành hơn tôi vì đã được ăn nhiều hơn : bánh mặt trắng có chiếc đường kính gần một thước, anh bảo càng to càng khó tiêu : nhưng nào tôi có cần biết nhân vậy kém nhân thịt gà ? Tôi chỉ trò mắt nhìn cô tiên bằng gỗ gầy đàn nguyệt, lắc đầu giơ tay tùy luồng điện chạy, ở một tiệm bánh dẻo Hàng Đường : hoặc những con giồng mà chẳng bao giờ tôi có đủ : long, lân, qui, phượng xanh đỏ, mặt bằng hạt thủy tinh, tuy rục rở, không thú bằng trâu, cua, bồ-câu là những vật trông giồng hay không, khéo hay vụng tay thì biết.

*
* *

Chúng ta đã cùng vui thích. Và đèn tuổi không được chơi những trò đó nữa, tôi vẫn ư như trước, dù lúi thúi một mình vì anh đã : ừ lâu không còn hứng nữa. Tại sao anh đã thay đổi ? hay đúng ý hơn, tại sao tôi vẫn thích mãi về sau ? Phải chăng tôi chưa được thoả nguyện lúc thiếu thời, khi

NỖI NIỀM THÁNG TÁM

anh đẩy đủ quá? Hay bởi có thói quen lưu luyến những gì thân đã một hồi xúc động lòng tôi?

Dù sao, từ khi chúng ta bắt đầu tra ngấm vịnh, có lẽ mắc bả thi-nhân, nên quên bớt ông nghề, đầu lân và bánh dẻo, để đêm trung-thu chỉ còn thú mơ trăng. Trước hết, yêu trăng vì Lý-Bạch, Tô-Đông-Pha và thi-sĩ phương Tây đều yêu cả. Rồi chúng ta chèo thuyền giữa hồ Tây hoặc theo dòng sông Nhuệ để sống lại đêm thu Xích-Bích, hay để tưởng mình như chàng Tư-Mã áo xanh ở một bên nói đèn quá nhiều nên người mới thời nay chán ghét: cái bên Tâm-Dương. Mãi về sau, tôi rồi anh đều thấy sự bất chước tao-nhân đời cổ có tính-cách giả-tạo, cần xét kỹ xem có hợp với mình không? Chúng ta đã thử chữa, chẳng muốn theo ai vịnh nguyệt, đi tìm những tiêu-khiển coi là xứng với thể-hệ chúng ta hơn. Để mặc trăng, nhường cho những thiếu-niên mới lớn, hay những Đào-Tiểu ẩn dật không biết dùng ngày giờ làm gì, anh và tôi đã đua đòi những trò thiết thực hoặc say sưa hơn, tôi đọc sách bên đèn dù khi trăng tỏ, anh mãi mê gió trăng về nghĩa bóng.

Ai phải ai trái? Có lẽ hai chúng ta đều lắm. Chứng cứ là anh đã sớm chán, không những chán Hàng Nga, mà chán cả những Tuyết, Vân, hay Thúy. Còn tôi cò rên lý-trí để nhiều khi ngụy biện, lạc vào những tà-thuyết để bao lâu mắc bệnh hoài nghi, hoặc tính toán bản khoản về trăm chuyện hàng ngày, đêm gió mát trăng

thanh còn phải ngủ đề lây sức mà bản khoản tính toán.

Nhưng rồi tôi lại có dịp nghỉ đèn bánh và giăng Trung-Thu.

Đưa con đầu lòng biết chạy biết nói và biết ăn, dĩ-nhiên tôi mong cho nó những vui mừng của tuổi thơ, và nhiều hơn cả chúng ta ngày xưa: nó phải có những gì mà tôi đã thiếu.

Khôn thay, gió thời loạn đã đánh bạt đi đâu mất cả hy-vọng của bố và đầu lân, đèn xếp của con. Nó lớn suông giữa một hoàn-cảnh gần xa đối rách, mua bao quẹt còn phải xấp hàng đợi lượt hàng giờ, còn nghĩ chi đèn mua nên thắp đèn con cá?

Rồi đến lúc nó dắt em, chẳng phải để giung giăng giung giẻ, nhưng để chạy, bươm tránh đạn hết làng này sang làng khác như bao nhiêu trẻ nhỏ, và Ba nó nhiều phen lần tròn trong những túp lều tranh: nó chẳng thấy ông nghề tháng tám, họa chẳng được biết cảnh ông công nằm co dưới bóng trăng già tẻ ngắt.

Khi trở về nơi tạm xa khói lửa, ít lâu lại đèn Trung-Thu. Dây phở Hàng Gai chưa sửa chữa xong nhà đồ, chỗ bày đầu lân chẳng có, lắm kẻ chuyên môn đồ giầy đồ mã có lẽ đã về âm-phủ, nên phải lên gần chợ Đông-Xuân mới thấy lơ thơ mấy dây đèn xếp. Hàng Đường, Hàng Buồm, lại mở cửa hàng bánh dẻo bánh nướng, khách qua đường cảm thấy bánh có lẽ ngon hơn trước, song dư-vị chán chường đã đẩy cả lòng người; kẻ bán chẳng qua vì sinh-kê, ai mua cũng gượng gạo, gọi là, với ân-ý phảng phất tìm đôi

NỖI NIỀM THÁNG TÁM

chút dư-hương thời cũ mà thôi. Nhưng con tôi đâu thấy được dư-hương vì chẳng biết Trung-Thu dĩ-vãng, và bánh mặt trăng mà tôi cho chúng ăn, đối với chúng hơn gì bánh khác ?

Tuy-nhiên chúng vẫn thích đồ chơi. Ông nghề không có nữa, và cũng chẳng tiếc trò cờ biếu. Các thứ đèn, các con giống không được ao ước bằng những chiếc xe hơi, chiếc chiến-xa, chiếc máy bay, con khí sắt có lò so nháy nhót : phương-tiện quyền rũ của phương Tây có sức hấp dẫn mạnh hơn những cách du hí thời xưa : thành ra khi tặng những hươu ngựa lợn gà bằng bột nặn, tôi có cảm-tưởng rằng đã mua cho bỏ hường lại vui thú của mình thuở nhỏ, hơn là để con thỏa thích ngày nay.

Dù sao cũng phải có, phải còn một ngày riêng của trẻ cho cả thế-hệ lên năm lên mười cảm thấy rõ hơn lòng yêu thương của người lớn tuổi, nhất là để đền bù cho những đứa đã chịu thiệt thòi vì thời-cuộc bằng những giờ phút tưng bừng hay êm ái khó trở lại khi đã trưởng thành.

*
* *

Thề còn chúng ta, Trung-Thu có nghĩa gì nữa không ? Họa may còn mặt trăng, nhưng yêu trăng thì tháng nào yêu chẳng được, chẳng lẽ cứ phải 15 tháng tám ? Tô-Đông-Pha chơi Xích-Bích rằm tháng bảy, nếu tôi nhớ kỹ.

Chỉ ngại những tuần trăng khác, ta vẫn bị việc đời lôi cuốn, không có

thời-giờ nghỉ đèn thường trăng. Nên cũng phải đặt ra một ước-lệ với nhau, để đêm ngắm trăng được ghi nhớ và mang một ý-nghĩ đặc-biệt như các ngày lễ ngày hội khác. Và lại, giăng Trung-Thu quá có đẹp hơn.

Nhưng vì sao vẫn yêu trăng ? Yêu hay không là sự tự-nhiên, cần chi lý-do. Song tôi lý luận để anh khỏi kêu là lỗi thời hoặc mắc bệnh bảo-tồn mù quáng.

Tôi yêu quá thiệt cũng tại lòng trung-thành đối với một bạn đã mấy chục năm thâm lặng cùng tôi chia sẻ vui buồn. Ông giăng soi chiếu để chúng ta nhảy múa ngoài sân hồi nhỏ, nếu không đáng yêu sao anh và tôi đã cùng mọi người ở quê ta gọi là « ông tốt » ? Khi chúng ta 18, 20, ông đã biến ra cô Hằng thơ mộng cho ta mơ màng : cô bạn đã chứng kiến những cảnh yêu đương thể thốt, ở núi ở biển, nhớ nhung chờ đợi ở trong vườn, bên song cửa, hay bờ hồ thanh vắng ; có những con mắt dịu hiền và những nét mặt tươi sáng hơn lúc ban ngày, dưới ánh êm đêm của cô, hẳn anh còn nhớ, và những bạn lòng anh chưa chắc đã quên.

Tôi còn yêu vì cô đẹp. Anh đừng bật cười vì tôi nói ra một sự hiển-nhiên. Vì hiển-nhiên với anh và tôi, chẳng còn hiển-nhiên nữa đối với một số nghệ-sĩ ngày nay phủ nhận những gì đã được hay vẫn được ta coi là đẹp. Theo các vị đó, những hình sắc cũ đều đáng xóa bỏ hết và nên đem chôn vùi cả những tâm-tình thanh nhã mà bao đời cảnh thiên-nhiên đã

gọi cho con người để nhân-loại từ man-di bước lên văn-hiến»

Nhưng tôi vẫn thấy trước mắt : một vòng tròn, một màu vàng sáng, giữa trời quang đãng. Trên thế-gian không có gì đơn giản hơn, mà nhìn được thì tự-nhiên có cảm-giác nhẹ nhàng êm dịu vô cùng, mắt bị thu hút và hồn như lâng lâng ngây ngất. Tôi chẳng cần biết theo quan-niệm tân-kỳ, như vậy có là đẹp không ? Tôi chỉ buông tâm thần thả vào ánh mát của một cảnh đã năm ngàn năm rung động bao nhiêu thi-nhân và họa-sĩ. Chẳng lẽ tôi tự dối lòng để tránh tiếng chê bai lạc-hậu ?

Dù sao, bởi yêu trăng nên tôi buồn lắm. Vài năm nay, báo chí thường đe dọa rằng công cuộc chuẩn-bị bay tới mặt trăng đương tiền mạnh. Tôi đã thấy ảnh những người đeo mặt nạ mặc bộ đồ mắc dây máy, để tập nằm vào hỏa-tiên... Tôi chẳng có quyền và chẳng dám nghĩ tới cách ngăn cản tiền-bộ của khoa-học. Nhưng tôi tự hỏi : nhân-loại tại trái đất này còn

chưa giải-quyết nổi vấn-đề hạnh-phúc nhân-sinh, hà tất tồn công tồn của thi nhau đến những thế-giới khác ? Có lẽ tới đó, sẽ khám phá ra được nhiều bí-mật nữa có ích cho loài người. Điều chắc chắn, là nếu người ta thực hiện được mộng lên mặt trăng, thì sẽ tiêu tan mất mộng của tôi ; vẫn biết từ nhỏ, chúng ta đã được giảng rằng mặt trăng chỉ là một hành-tinh đầy núi lửa đã tắt, song điều đó, coi như ức-thuyết, chưa phá nổi giấc mơ tiên. Mơ làm sao nữa nếu nghĩ rằng họ đương nhảy Rock'nd Roll hoặc uống rượu Vodka trên đó, thì thôi, hết, hết, hết mấy ngàn năm tha thiết với trăng tròn, và con người trần-tục sẽ rắc gieo đau khổ, còn chi thanh nhã chồn cung Thiểm ?

Chẳng biết tôi còn mơ chị Nguyệt được bao nhiêu Trung-thu nữa ? Cho nên tôi càng quý Trung-thu. Không lẽ tôi sẽ phải đem tác lòng gửi tình-cầu khác chưa bị xâm-lãng như sao tình Vệ-Nữ ?

Thân mến,
Đ.T.

- * Người cầm đầu không bao giờ nên làm những việc mà người dưới quyền có thể làm được xong suốt như mình, để rảnh tay làm những việc chỉ mình mới làm nổi. (L.M. Courtois)
- * Trong đời người cầm đầu, có nhiều khi cần vội vã, cũng có nhiều khi phải vất vả. Trong những trường hợp đó, nếu người cầm đầu có cảm giác công việc thất bại, thì thường hoặc do bởi công việc thiếu tổ chức, hoặc do bởi công việc không có người phụ giúp. (L.M. Courtois)
- ★ Quyền uy chỉ có thể thi hành được viên mãn, khi người nắm quyền uy chỉ phải ra lệnh cho một số ít người mà mình biết rõ là có thể tin cậy được. (L.M. Courtois)

GIẢI THÍCH BỐN CHỮ LỄ, NGHĨA, LIÊM, SỈ

Nguyên-oãn bạch thoại
của
NHẠM-GIÁC-NGŨ

*

Thúc-Hạ BÙI-LƯƠNG
(trích dịch)

(tiếp theo B.K. số 89)

CÒN như lời giải-thích bốn chữ « Lễ Nghĩa Liêm Sỉ » của Ủy-Viên trưởng thì không những đã bổ sung được cái phần mà thiếu sót của Quán-Tử, mà đồng thời lại tổng hợp cả tinh hoa của các nhà mà xiển phát một cách tinh tường thêm. Dưới đây chúng ta sẽ nhận thức lời giải thích của Ủy-viên trưởng.

Trong tập Tân - sinh - hoạt vận - động cương-yếu ông nói : « Lễ là lý. Cái lý ở « trong giới tự nhiên thì gọi là định luật, « ở trong xã-hội thì gọi là kỷ-luật.

« Người làm việc biết dùng ba thứ ấy « làm mực thước, thì gọi là giữ đúng quy « củ. Hết thấy những sự biểu hiện của « công việc giữ đúng quy củ, thì gọi là thái- « độ quy củ. »

Nói thế có nghĩa là : Lễ là sự biểu-hiện của công việc hợp với « định luật tự nhiên », « quy luật xã-hội » và « kỷ-luật trong nước ».

« Lấy ngay cái lối quân nhân dơ tay chào làm tí dụ. Cái lễ chào dơ tay so với cái lễ chào co một chân, buông thông tay xuống đất thời trước giản dị hơn nhiều, nhất là người được chào dễ trông thấy, thế là hợp với « định-luật tự-nhiên ». Cái lễ chào dơ tay là cả người quốc nội, quốc ngoại đều đã hiểu rõ, so với cái lễ chào co chân, buông tay có phần trang nghiêm hơn, thế là hợp cái quy luật trong xã-hội.

Lễ chào dơ tay là do lục quân nước ta quy định, thế là hợp với kỷ luật nước nhà. »

Theo thế thì chúng ta biết rằng : « Lễ » tuy là một thứ hình - thức về đạo - đức,

nhưng nó cũng bao hàm cái giá-trị xã-hội và cái giá-trị tự nhiên nữa.

Rồi ông giải-thích chữ « Nghĩa » :

« Nghĩa là hợp nghi. Nghi tức là công việc chánh đáng của người. Những việc theo đúng lẽ, tức là hợp với « định-luật tự nhiên », với « quy-luật xã-hội » và « kỹ-luật nước nhà », thế gọi là công việc chánh đáng. Nếu làm việc mà không chánh đáng, hoặc biết là chánh đáng mà không làm, thì không thể gọi là Nghĩa được ».

Theo thế thì chúng ta biết cái tiêu-chuẩn của « Nghĩa » cùng với cái tiêu - chuẩn của « Lễ » giống nhau. Song tính - chất « Nghĩa » là cái thực-tế của việc làm, cái thực-tế ấy là chỉ toàn bộ sinh-hoạt của người, bao quát cả hoạt-động của tinh-thần với nhục-thể, so với cái « Lễ » thuần-túy hình-thức không giống nhau.

Cho nên chữ « Nghĩa » có ít thiên trọng về lòng « dũng-cảm », « quyết-tâm » hoặc « đồng - tâm » ; vì thế mới phát sinh ra những hành-vi tốt đẹp « can đảm giám làm », « kiên nhẫn không lay chuyển » hoặc « thành nhân, thủ nghĩa ». Nói theo cái cách chào hỏi quân-nhân thì, một người quân nhân gặp vị trưởng quan ở trong trường hợp thích đáng thì phải chào, đó là công việc chính đáng, đó tức là « Nghĩa ». Ví bằng không chào. hoặc biết là đáng phải chào mà không chào, hoặc chào lấy lệ mà thôi, như thế đều không phải là « Nghĩa ».

Ông lại giải thích chữ « Liêm » : « Liêm là sáng suốt, nghĩa là biết phân biệt phải trái. »

Những sự-lý hợp với lẽ nghĩa là phải, không hợp với lẽ nghĩa là trái, biết là phải

thì theo, biết là trái thì lánh, thế gọi là phân biệt rõ ràng trắng đen ». « Thời xưa cất nghĩa chữ « Liêm » là : góc cạnh, là xét hỏi.

Góc cạnh là chỗ phân biệt diện-tích, xét hỏi là phương-pháp phân biệt tình hình.

Vì thế chữ « Liêm » giải là sáng suốt, là phân biệt phải đoán là rất đúng. Cái tiêu chuẩn của sự phân biệt tuy vẫn là lẽ nghĩa, mà tính-chất của sự phân biệt là của tâm-lý, tác-dụng của nó là của lý-trí, cái giá-trị của nó cốt ở phân biệt rõ ràng sự phải trái, để quyết định sự nên theo hay không nên. Cho nên sự không lấy bậy là liêm khiết, sự không ùa theo là liêm minh, đều là nghĩa rộng đó ». « Ngay như một việc chào theo lẽ quân nhân, biết rõ là tự mình phải nên theo đúng lẽ quân nhân của Trung-quốc, biết rõ là đối phương phải được nhận lễ chào, lại biết rõ là trường hợp phải chào, (như lúc thường với lúc tranh chiến, ở trong nhà với bên ngoài, ban đêm hay lúc làm nhiệm-vụ khác nhau, thì lễ chào đều không giống nhau). Các công phu phân biệt đúng như thế, tức là tu-dưỡng của đức liêm ».

Cuối cùng ông giải thích chữ « Sĩ » « Sĩ là biết biết xấu hổ và ghét... Công việc mình làm, nếu không đúng lẽ nghĩa và liêm mà biết xấu hổ thì gọi là « tu », thấy công việc người làm, nếu không đúng lẽ nghĩa và liêm, mà biết là đáng thẹn thì gọi là « ố ».

Song tấm lòng tu-ố, thường có cái hại quá và bất cập, nên lòng giác ngộ cần phải thiết thực, có cái lòng thẹn thiết thực, tất tự mình phải cố làm cho hơn lên, có cái lòng thiết thực, tất cố rửa sạch cái xấu, thế gọi là lòng giác ngộ thiết thực » Cái tiêu chuẩn

lòng tu-ổ tuy là lễ nghĩa với liêm, nhưng cái tánh chất tu-ổ là thuộc về tình cảm, tác-dụng của nó là thuộc về sự kích động và phát hiện, cái giá trị của nó là sự tỉnh ngộ của lương tri. Đó là cái phôi-thai sơ đầu của một đức tính, cái mối ràng buộc sau cùng, nó có thể làm cho người thường học đến bậc thánh-hiền, làm cho người ác quay đầu hối cải, nên khác hẳn lễ nghĩa với liêm.

Mạnh-tử nói : « Người không thể không có lòng si ». Lại nói : « Không có tấm lòng tu-ổ, thì không phải là người ». Ngụy Hy (1) cũng nói : « Người với cảm thú khác nhau, chỉ có tại lòng biết hổ thẹn ». Xem thế thì biết thời đại nào cũng đều nhận chữ « Si » là đức tính rất trọng yếu.

Nói ngay một việc chào : như đáng phải chào mà không chào, hay không đáng chào mà lại chào, hay chào mà không đúng lễ, đều là lầm lỗi cả.

Cái lầm lỗi ấy nếu tự mình, thì chính mình phải nên biết hổ thẹn, hết sức hối cải đi, nếu tự người khác, thì chính mình cảm thấy đáng ghét, chớ bắt chước người, để khỏi theo vết xe đổ. Người có được cái cảm-giác. Như thế tức là có công tu-dưỡng đức « Si ».

Trên đây là Ủy-viên Trương giải thích ý-nghĩa khác biệt của Lễ-Nghĩa Liêm-Si.

*
* *

Dưới đây ông lại giải thích cái ý-nghĩa liên-tục của bốn chữ ấy : « Bốn đức-tính

(1) Một nhà văn có tiết tháo ở cuối đời Minh, đầu đời Thanh.

« ấy cùng liên hệ nhau, phát động ở đức Si
« rõ rệt ở đức Liêm, thực-hành ở đức
« Nghĩa, mà biểu hiện ở đức Lễ ». Đó là thuyết minh bốn giai đoạn của bốn đức tính, tự Tâm-lý phát-triển đến hành động. Nói ngay như một việc sinh-hoạt hàng ngày là việc ăn cơm. Tỉ như chúng ta trước hết hiểu là không thẹn với việc ăn cơm, nhân hiểu thêm cái tư-liệu với cái phương-thức ăn cơm có hợp nghi chăng, cái nguyên lai có chánh đáng chăng, với nỗi đau khổ của những người nhọc nhằn mà không có cơm ăn, những hành - vi ấy là công - phu « phát động ở đức Si ». Nhiên hậu lại tiến lên một bước, nghiên - cứu các tư - liệu và phương - thức hợp nghi của sự ăn cơm, phân - biệt sự chánh đáng nguyên-lai của cơm, hoặc hơn nữa thì nghiên-cứu đến vấn-đề phân-phối lương-thực, thế tức là « rõ - rệt ở đức Liêm ». Rồi sau mới quyết định chọn lựa mà dùng những phương thức với tư-liệu thích nghi, hoặc cố phục vụ để không phụ những món ăn mình được hưởng thụ, hoặc dè sẻn những thứ còn lại để cứu tế cơ hoang, hay là đã phá cái chế độ bạc tước... đó tức là « thực hành ở đức Nghĩa » rồi.

Sau hết tiến lên một bước nữa là : giữ đúng cái phương thức ăn cơm phải thích nghi như các lối « lựa chọn nơi ăn và giờ ăn, chú ý về đồ dùng, giữ tư thái cho đứng đắn, tìm tòi sự sạch sẽ lựa chọn những tư liệu ăn cơm cho hợp vệ sinh, chớ để vì miếng ăn mà hại đến thân thể ».

Hoặc theo phương pháp phục vụ xã hội, hoặc giữ gìn thái độ trong lúc thí chẩn phải khiêm cung, hay là dùng phương thức cách mệnh cho thích đáng, đó tức là biểu-hiện ở đức Lễ vậy.

GIẢI THÍCH BỒN CHỮ...

Tóm gộp những lời ở trên, chúng ta biết rằng : Hết thấy mọi việc, vô luận nhón nhỏ, trước hết cần « phát sinh ở đức Ái » là « sự giác ngộ của tình-cảm » rồi thì cần « rõ sự ở đức liêm », là « sự nhận thức của lý trí ». Lần lượt đến « thực hành ở đức Nghĩa », là sự « thực tiễn của hành động ». Sau hết cần « biểu hiện ở đức lễ », là sự theo « đúng phép tắc », mới hoàn thiện được sự kiện thành công. Đồng thời chúng ta lại hiểu thêm được 3 ý nghĩa nữa.

1) Sĩ là thuộc về cảm tình. Liêm là thuộc về lý trí. Nghĩa là thuộc về hành-dộng. Lễ là thuộc về phép tắc. Do cảm tình đến lý-trí, do lý-trí đến hành-dộng, rồi do hành động đến phép tắc, đó là thứ tự làm việc rất tự nhiên, mà cũng là lẽ lối lý-luận rất khoa-học.

2) Giải nghĩa theo thứ bậc phát-triển của đạo-đức thì Lễ là sự hoàn thành của đạo-đức, khuôn mẫu của hành-dộng, Nghĩa với Liêm-Sĩ đều nương tựa vào đó ; người biết có thể theo đúng không lầm, người không biết cũng có thể theo đúng không sai.

3) Giải nghĩa theo cơ-cấu của đạo-đức thì, Sĩ là cái chỗ phát nguyên của đức hạnh ; Lễ, Nghĩa và Liêm nếu hỏng nát, còn có thể do cái giác ngộ của Sĩ mà bổ cứu lại, còn Sĩ mà hỏng nát, thì hết thấy không thể cứu chữa được nữa.

Ngoài ra Ủy-Viên trưởng lại xiển phát thêm cái tính liên hoàn của « Lễ Nghĩa Liêm Sĩ ». Ông cho Lễ là trung tâm, nói rằng : « Lễ mà không có Nghĩa thì thành gian dối ». Vì nếu chỉ có cái hình thức bề ngoài mà không có cái nội dung chân thực, thì dễ thành gian dối. « Lễ mà

không có Liêm thì thành xa xỉ ». Vì nếu chỉ chăm chú vào cái bề ngoài của hình thức, mà không biết phân biệt hạn chế cho cần thận, thì dễ thành xa xỉ. « Lễ không có Sĩ thì thành Xiêm nịnh ». Vì nếu chỉ làm công việc phùng nghinh thối đời mà không biết xấu hổ, thì mắc thối xiêm nịnh. Thế là cái nét gian dối, xa-xỉ và xiêm-nịnh đều tựa như Lễ mà không phải Lễ vậy. Cho Nghĩa là trung-tâm, nói rằng : « Lễ mà không có Nghĩa thì thành lạng loàn ». Vì nếu chỉ bầy ở sức xung động của chính nghĩa, mà không theo phép tắc khách quan thì, dễ xúc phạm kỷ cương. « Nghĩa mà không có Liêm thì thành lạm dụng ». Vì nếu chỉ cậy cái chí khảng khái nghĩa hiệp mà không lựa chọn kỹ lưỡng việc nên làm với không nên làm, thì kết quả sẽ không tránh khỏi cái lỗi lạm dụng nghĩa hiệp. « Nghĩa mà không có Sĩ thì thành càn dỡ ». Vì nếu chỉ cậy một niềm nghĩa khí, ngông nghênh làm bừa mà không biết Liêm Sĩ, thì tất mắc cái lỗi dồng dờ làm càn. Thế là cái nét lạng loàn, lạm dụng và càn dỡ đều tựa như nghĩa mà không phải Nghĩa vậy.

Cho Liêm là trung tâm, nói rằng : « Liêm mà không có Lễ thì thành giả trá ». Cứ xem xưa nay những người thông minh, có tài, thường không chịu theo mực thước của Lễ, phần nhiều là người giả dối lập dị cho khác người. « Liêm mà không có Lễ thành keo kiệt ». Vì chỉ biết một mực kiem ước, liêm khiết, mà không có tinh thần trượng nghĩa khinh tài, thì có thể hóa ra người keo kiệt. « Liêm mà không có Sĩ thành bấp thỉu ». Vì biết bao người vẫn tự xưng là liêm khiết, thường là người tham lam, rút lại mắc cái lỗi ô-uế. Thế

là nét giả trá, keo kiệt và ô-uế. đều tựa như Liêm mà không phải Liêm vậy.

Cho Sĩ là trung tâm nói rằng : « Sĩ mà không có Lễ thì làm rối trật tự ». Vì nếu chỉ bị cái lòng tri Sĩ làm súc động, mà không theo đúng cái phép tắc rửa sạch sự sĩ nhục, thì không tránh khỏi cái lỗi bạo hành, làm rối trật tự. « Sĩ mà không có Nghĩa thì thành phần nô. » Chỉ vì cái lòng Sĩ kích thích, mà không cho công việc vào cái khuôn chính đáng, thì chỉ là hăng hái tức giận suông mà thôi. Sĩ mà không có liêm thì thành xấu xa ». Vì chỉ cậy ở cảm tình súc động, mà không biết lựa chọn cân nhắc cẩn thận, đối với người hoặc cho lạm không phải đường, hay lấy lạm không phải lỗi, đều không khỏi làm việc xấu xa, thế là đều tựa như có Sĩ mà thực không phải Sĩ vậy.

KẾT LUẬN

Sau khi đã nghiên cứu lời giải thích Lễ Nghĩa Liêm Sĩ của Ủy viên trưởng cùng mọi ý nghĩa khác, chúng ta nhận thức được 3 điểm như sau :

1) Lễ Nghĩa Liêm Sĩ tuyệt nhiên không phải là tín điều hão huyền trần hủ, mà là thứ triết học luân lý rất khoa học và rất rõ ràng.

2) Lễ Nghĩa Liêm Sĩ không những chỉ là cái khuôn mẫu dạy làm người, mà là cái khuôn mẫu dạy làm việc nữa.

Lễ Nghĩa Liêm Sĩ đã được tổ tiên dân tộc ta và bậc lãnh-tụ cách mệnh dùng làm cái khuôn mẫu để dạy chúng ta làm người và làm việc thì, từ nay chúng ta nên cố sức « nhận thức », « thể nghiệm » và « lực hành »...

THỨC-HẠ BUI-LƯƠNG

(trích dịch)

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI SỐ 6 (25 - 9 - 1960)

☉ **Sáng-tác Văn-Nghệ :**

LIÊN - VĂN — THU - TRANG — PHAN - VĂN - TẠO
LƯƠNG-NGỌC — MINH-HỮU.

Những câu chuyện :

Văn-Nghệ : Nói chuyện mình.

Khoa học : Một tin mừng cho các bạn hút thuốc lá.

Giáo dục : Có nên giao phó hoàn toàn sự dạy dỗ con cái cho trường học ?

Phụ nữ : Đàn bà nói chuyện đàn bà.

Thơ : HOÀI-HƯƠNG — ĐOÀN-THÈM — TƯỜNG-LINH
MẶC-THU — TÂM-ĐẠM — QUÁCH-GIAO.

Phê-bình : Ký Thác (Bình-Nguyên-Lộc) của NGUYỄN-V-XUÂN.

Phỏng-vấn : « Giáo-dục sinh-lý » của NGUYỄN-NGU-Í.

Truyện vui : Phỏng-vấn Ông Văn-Nghệ của PHAN-VĂN-TẠO.

cùng các mục : **Điểm người đằm việc, Tin Văn, Tin Khoa học.**

★ **MAI** phát hành ngày **10** và **25** mỗi tháng. **GIÁ 5\$**

TRUNG THU

*

VƯƠNG-HỒNG-SẼN

Đạo này, người hay chữ, giỏi làm thi làm phú, không quên thách đố các thi-gia, thi-hữu, các bạn quen, trở lại những đầu-đề bí-hiêm, « ề-độ » từ năm nào, tỷ dụ như :

« Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?? »

.....

Tội lớn của tôi là không biết làm thi. Thế mà báo Bách-khoa vẫn cứ mời mọc thúc-giục mãi, tưng thét tôi bồi lộ mây trang nấy, cốt không phải thi, nhưng cũng viết, « viết cho vừa lòng bạn ».

*
* *

Trung-thu nguyệt-bình người Việt ta, ai lại chưa từng nếm ? Cứ đến mùa, chúng mình nhai nó đã mới miệng,

nó dính khăn trên nướu, đến đôi có người bị sâu ăn răng từ nhỏ, cũng vì cái bánh thơm-thơm bùi-bùi nấy.

Hết lúc ăn bánh Tàu, mua trong Chợ-lớn, nay đến lượt ăn bánh Bắc, đồng-bào từ « chồn ngàn năm văn-vật » đem ghé vào đây tro tãi.

Ăn bánh Trung-thu Bắc, vừa ngon miệng, vừa làm được một việc nghĩa. Không dè văn-đề bao từ coi vậy không cách xa mấy văn-đề trọng đại « ái chúng ái-quần ».

Chuyện cũ năm xưa còn rành-rạnh. Trước năm 1911, không rõ năm nào, ông Tôn Dật-Tiên có lên qua Sài-gòn đây để quyên tiền của người Trung-hoa, quyết « làm cách-mạng », định tâm lật đổ nhà Mãn-Thanh cho được mới nghe.

Ông đèn một hiệu cao-lâu bán cơm, nổi danh bánh Trung-thu không tiệm nào ngon bằng. Ông giải bày tâm sự... Người chủ tiệm nghe lọt tai, lật đật quyên ngay *mười ngàn đồng* (bạc 1911). Trước nghĩa-cử cao đẹp ấy, Trung-Sơn hạ bút viết liền khi đó, tặng chủ nhà, bốn chữ đại-tự :

« TỐI ĐẠI VẤN ĐỀ »

kê bên, có ký và để ngày hẳn-hoi.

Ý nhà đại cách-mạng mượn bốn chữ này để ám chỉ công việc lớn-lao ông đang gánh vác mang mền, vừa chơi chữ, để nhắc khéo cái nghề cung-cấp dạ dày của ông chủ tiệm nghĩa-hiệp cũng không kém quan trọng. Bốn chữ này, tôi có từng thấy. Kịp năm kinh-tê khủng-hoàng, lồi 1930-31, ông chủ quán dẹp tiệm, và việc đầu tiên của ông là tháo gỡ tầm biển vàng giàu cất yên chỗ, rồi mới nạp sổ sách xin thanh-toán. Ông là nhà phong-lưu, nay lỗ-lã thì đóng cửa tiệm, nhưng quyết không để cho chữ của nhà ái-quốc họ Tôn, lọt vào tay phàm. Nay bốn chữ ấy lọt vào tay ai ?

Bánh Tàu ngon theo bánh Tàu : Thoại-quỳnh-lâm, Ái-Huê, Ngọc-lan-đình, Đại-la-thiên, Đức-lợi,... Cứ bắt đầu tháng Tám mỗi nhà bày sạp ra. Bán đèn đúng giờ ngộ ngày rằm là đẹp .. Dầu bánh bán chưa hết, cũng rã ra làm thức khác, không muốn cho người ngoài thấy đọng lại, tức bánh nhà không ngon, nên không đủ sức khuyên rũ người mua. (Không như bây giờ, chưa qua tháng bảy đã có

bánh bán và tháng tám qua rồi bánh vẫn còn bán như thường).

Bánh Bắc ngon theo điệu bánh Bắc : mùa này tiệm tạm mọc ra như nấm : mướn sạp, treo vải rao hàng, đi đến đâu, góc xó nào cũng thấy, và ở đâu cũng là bánh đặc-biệt, không đâu ngon bì. Tên hiệu kẻ không xiết, nên không dám kể. Bánh Bắc có thể ngon hơn bánh Tàu, nhờ bàn tay làm, tay gói : bàn tay người đẹp Thăng-long. Cặp mắt mời mua, cũng của người đẹp phương Bắc. Dận hồ : ai không mua, không tiền mua, xin chớ sớn-sác đèn gấn sạp người đẹp. Cũng cặp mắt ấy, mời không mua, cặp mắt ấy đưa nghiêng thử liếc chơi chơi cũng đủ bay hồn lạc phách. Không nghe lời xưa còn nhắc : « ... *rĩa chân mày, chết cá ao anh* ».

Bánh Trung - thu, thuở xưa, hình tròn như mặt trăng. Nay danh-từ vẫn còn gọi y như cũ, nhưng hình-thể cái bánh đã biến chuyển : bánh không tròn vịn như trước, và đã vuông vuông. Cái cũng tại người thợ làm khuôn gõ một phần nào : để cho dễ làm mà ! Mà cũng tại người thợ làm bánh một phần lớn, vì bánh trong khuôn tròn khó gỡ ra còn nguyên vẹn. Thêm chút cạnh chút khóe, dễ trút dễ gỡ. Khuya khuya ở gấn lò, tiếng « cụp-các, lác-các-cụp » nghe đều đều giòn tai, là biết bánh nhà đó bán chạy. Nghe đã một mùa cũng vui tai, khi quá mùa, không nghe nữa, như nhớ nhớ, thềm thềm !

Bánh có hai phần :

— ngoài là bột mì nướng: màu vàng cháy, mùi thơm phức, thầy muốn ăn. (Ăn một cái chưa đã; ăn hai ăn ba thì liệu chừng cái bụng!)

— Trong có nhưn, làm bằng đủ thứ hột trái cây: hột dưa, hạnh - non, bạch - quả, có cả đến phần thịt trắng trắng, bùi-bùi lầy trong hột trái cà-na, v.v.; rồi gia-vị nào đường, nào mứt bí, mứt sen, nham đông-cô, rồi nào trông đồ hột vịt, nào thịt giò heo jambon, vi-cá, mè đen, đậu đen cà nát, ôi cha, nhớ không hết.

Có thứ bánh chay, riêng để người cũm đặn dùng: cũng ăn lạ miệng, ngon lành; cắn ra cũng có đồ đồ dai dai, y hệt như thứ thiệt.

Bánh mặn thì khỏi nói, gia-vị nhiều mỡ béo, để cho bọn không tu hành. Nhưn ngọt, dầu mỡ nhiều, ăn vào thì phá bụng. Có thứ giá đến bạc ngàn, bạc vạn, vì cái hộp đựng (có dát vàng), chớ không vì cái bánh: chẳng những ăn vào hại tỳ-vị lại phá lương-tâm. Đây không còn nghĩa bánh « Trung thu », mà rõ là bánh « Trúng thực ».

Nhưng ông Trời như thiên-ái dân ta phần nào; nên khiến tháng Tám âm-lịch, miền Nam chín rộ đủ thứ trái cây. Thanh, ngọt là quít và cam. Nhứt là bưởi có tánh cách giải-nhiệt, giải độc hiệu nghiệm nhứt.

« Đầu năm ăn quả thanh-duyên,
« Cuối năm ăn bưởi, cho nên đèo
bông!

(Ca-đao xưa)

*
* *

Tôi không dám múa búa, nói chuyện đèn cù chạy quân, đèn có hình ông tiên-sĩ giấy biết múa biết ra bộ. Tôi không dám nói chuyện thường lan thán tám... Không rành mà làm tài khôn nói bừa nói càn, có ngày các văn-hữu phương Bắc họ bắt giò, té bỏ mạng! Miền Nam chúng tôi quê mùa, không ăn lễ Trung-thu lớn như ngoài Bắc. Chúng tôi ít biết chơi đèn, họa chẳng đến mùa, chỉ mua đèn của Tàu làm sẵn: ngày xưa làm bằng giấy, hình mộc-mạc, con cá, con tôm... ngày nay văn minh hơn sẵn giấy mỏng nylon mỹ-thuật, bong đủ thứ hình, có cả tàu lặn nguyên-tử và máy bay bốn chong-chóng. Về đèn kéo quân, tư gia ít chơi, duy độ nầy, các tiệm khách bán bánh Trung-thu, nhà nào cũng treo trước cửa để làm quảng-cáo: ít thấy tích Mã-Siêu đại chiến Trương-Phi, vì chệ xưa lắm rồi. Thường bong hình Chúc Anh-Đài và Lương Sơn-Bá, vì hạp thời hơn; không nữa thì tích rút trong Thủy-Hử: Lý Quí đà hồ: Võ Tòng thi võ cùng Tây-Môn-Báo...

Tôi sợ rườm lời nên chỉ nhắc sơ tích chơi đèn có từ đời Tống. Thuở ấy, tưởng chừng có con Kim-ngư thành tinh, đêm đêm hiện hình phá phách các cô tiểu-thơ bó cẳng. Muốn trừ phải đốt đèn cho trẻ con la ó dạo cùng đường. Đèn hình thủy-tộc, nhưng to lớn dị thường, trong lòng có lửa đỏ sáng choáng, Kim-ngư thấy ngán mà chịu thua. Từ đó thành tục.

Tôi cũng không dài dòng về tích vua Đường đi đánh giặc bị giặc vây

khôn trong thành. Có cả hai thuyết : thuyết thứ nhất kể tích Đường Thái-Tôn Lý Thê-Dân vì hại lắm trung-lương, nên bị trời phạt bị giặc vây... Tích thứ hai nhắc chuyện Đường Minh-Hoàng (Huyền-tôn) bị giặc An-Lộc-Sơn làm phản, vây... Vây lâu ngày, hết lương thực, vua nào vua nầy và binh-sĩ, kể cả quân-sư, đại tướng, đều ăn rễ cây, củ chuối, củ khoai... (nhứt là khoai môn), ăn thét sinh bụng, may sao có bươi khừ độc. Về sau thành lệ, đến mùa nhớ chuyện cũ, để kỷ-niệm buổi gian-lao tân-khô, bèn dạy dân tích-trữ bươi và trái cây ăn mùa thu, và mùa thu, trăng tròn nhứt và hoa quả trái bông đều vừa rộ vừa ngon lành. Không rõ ắt tích nào là đúng... Dẫu sao hai vua nầy thật là chơn mạng đề-vương, có hạnh-phúc nhiều hơn các vua khác :

— Ông thứ nhứt, Đường Thê-Dân, có lăng mộ tồn tại, có tạc hình danh tướng châu hầu. Sinh thời, Thê-Dân có gặp Trần - Huyền-Trang đi thỉnh kinh Tây-Phương về : một cao tăng, một vua khai cơ dựng nghiệp gặp nhau, thiệt là hạnh ngộ.

— Ông thứ nhì khỏi nói, trong đời, từng biết : một danh tướng, Quách Tử-Nghi ; một đại thi-sĩ : Lý Thái-Bạch ; một mỹ - nhân : Dương Quý-Phi... Dẫu cho có chuyện An-Lộc-Sơn, dẫu cho nay đã thối nát xương mồn, nhưng danh ông bất hủ với tích cùng đạo-sĩ La-Diên-Nghệ dạo cung trăng đem về thê-gian điệu múa Nghê-thường, áo Vũ-y, chuyện bánh Trung-thu, và chuyện múc cháo nóng đồ cho thi-sĩ họ Lý ăn giải nghệ.

VƯƠNG-HỒNG-SẼN

ĐAKAO CÓ GÌ LẠ ? ?

Phòng trà Ca nhạc TỬ-HẢI

(Ở TRƯỚC TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐAKAO)

Số 44 — 46 Đại lộ Đinh-Tiên-Hoàng

Nơi tập-hợp của nhiều ca-sĩ duyên-dáng, trong một khung cảnh đầm ấm.

Mỗi tối từ 20 giờ 30 đến 23 giờ 30, trình-bày ca nhạc với sự cộng-tác của nhiều ca-sĩ hữu danh thủ đô.

Nhận đặt tiệc (món ăn Âu Tây, hoặc Việt-Nam).

Suốt ngày : bán giải-khát và khai-vị, giá bình-dân.

Tiếp-đãi niềm-nở, giá cả phải chăng.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIÊU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Su

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam-Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

THÔNG THƯƠNG VÀ CHIẾN-TRANH GIỮA NGƯỜI HÒA-LAN VÀ XỨ TA (THẾ - KỶ THỨ XVII VÀ XVIII)

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

(tiếp theo B. K. số 88)

PHẦN THỨ HAI THÔNG THƯƠNG

Năm 1639. *Trịnh-Tráng* — sau khi giải bày ý kiến với *Hartsinick* phái sứ giả sang Batavia — khi sứ giả trở về Thăng-Long có *Couckbacker* đi theo để bàn về một hiệp ước như sau này. Vua Lê xin người Hòa-Lan cứu viện, người Hòa-Lan bằng lòng nhưng sự đàm phán kéo dài vì chưa định được hòa-ước thương mại.

Sảy ra một sự bất ngờ :

Vì tháng mười một năm 1641, hai chiếc tàu Hòa-Lan (*Builden Buijs* và *Maria de Medicias*), bị bão đánh dạt vào gần Hội-An hàng hóa và 18 súng đại bác bị tịch thu và 82 người thủy thủ bị bắt giam.

Người Hòa-Lan *Jacob Van Liesvelt* từ Đài-Loan về ghé qua Bắc-Kỳ để chở sứ thần của chúa Trịnh phái sang Batavia. Hôm mồng sáu tháng hai năm 1642 *Liesvelt* tới cửa Hàn. Nghe tin 82 người đồng bang bị chúa Nguyễn cầm cố, hắn bắt cóc

độ một trăm người Annam ở gần cửa Hàn : hắn định sẽ đổi tù binh với chúa Nguyễn. Đàm phán không thỏa thuận, *Liesvelt* phải về Batavia.

Nhưng hôm mười chín tháng ba (19 Mars, 1642) Công-Thượng-Vương thả 50 người Hòa-Lan cho lên thuyền về nước. Hôm mười lăm tháng tư (15 Avril) những người Hòa-Lan đó bị thuyền người Bồ-Đào-Nha giữ lại, kẻ thì bị giết, người thì bị vua Chiêm-Thành bắt làm nô-lệ.

Hội Thông - thương Ấn-độ Hòa-Lan không rõ những sự ấy, nên phái *Liesvelt* đem tàu chiến sang đánh chúa Nguyễn. Kết quả, có độ 100 người Annam bị chết hay bị bắt làm tù binh, còn người Hòa-Lan bị thiệt hại nhiều. *Liesvelt* bị tử trận. Chúa Nguyễn vẫn còn giữ 32 người Hòa - Lan làm tù binh. Đoàn tàu Hòa - Lan, sau khi bại trận quay ra Bắc - Kỳ mua tơ, quế để đem bán ở Đài-Loan và Nhật-Bản.

Năm 1643, *Paulus Traudénius* theo một chiến-lược mới: 5 tàu Hoà-Lan ở Fermose về ngày (13 Janvier 1643) sẽ đánh chúa Nguyễn về mặt thủy, còn mặt bộ thì giao cho quân chúa Trịnh. Khi tới Bắc-Kỳ *Johannes Lamotius* người chỉ-huy đoàn tàu Hoà-Lan nhận rằng bộ quân của chúa Trịnh chưa được tề chỉnh. Hắn bèn cho tàu đi thẳng về Batavia, vì bão to nên một chiếc phải ở lại Bắc-Kỳ và một chiếc bị hư hỏng.

Ngày 3 Juillet năm 1643 ba chiếc tàu chiến do đô đốc *Pieter Bacck* chỉ huy, từ Batavia dong buồm tới Quảng-Bình để gặp quân chúa Trịnh. Ngày 7 Juillet đi ngang qua Phú-Xuân. *Pieter Bacck* bị 50 đến 60 chiến thuyền của chúa Nguyễn đón đánh; hắn và thủy thủ chiếc tàu của hắn bị thiệt mạng, còn hai tàu chiến khác chạy trốn về Bắc. Trong khi *Pieter Bacck* bị đón đánh, quân Bắc-Kỳ và vài chiếc tàu của người Hoà-Lan đóng ở Quảng-Bình — tuy nghe tiếng trái phá — không hề tới cứu viện.

Người Hoà-Lan yêu cầu chúa Trịnh khai chiến nhưng chúa Trịnh lại muốn chờ quân cứu viện ở Batavia gửi sang. Chờ mãi không thấy, chúa Trịnh truyền quân rờ trại quay về Bắc, bỏ mặc cho người Hoà-Lan: họ phải cho tàu đi sang Đài-Loan hay sang Nhật để bán lụa đã mua được.

Khi đã biết rõ tin *Pieter Bacck* bị thiệt hại. Trịnh-Tráng viết thư cho Toàn-Quyền ở Batavia về — phàn nàn về nỗi viện binh ít ỏi, Chúa đòi chừng 20 tàu chiến và 50.000 quân. Chúa hứa sẽ cung cấp tư cho người Hoà-Lan.

Năm 1644, hai tàu chiến Hoà-Lan khởi hành ở Batavia; sẽ không cần hợp tác với

chúa Trịnh, sẽ không đổ bộ, chỉ tàn phá ở bờ biển Trung-Kỳ, sau sẽ sang Hoà-Lan buôn bán. Vì chúa Nguyễn phòng thủ bờ biển cẩn thận, tàu Hoà-Lan phải đi thẳng sang Đài-Loan.

Cũng năm 1644, vào tháng Năm quân chúa Trịnh vào giao chiến với quân chúa Nguyễn không có tàu Hoà-Lan trợ chiến. *Chúa Trịnh* cho là người Hoà-Lan bất tín, người Hoà-Lan cho là chúa Trịnh đã chán chiến-tranh.

Vậy sau năm 1644 không còn chiến-tranh giữa chúa Nguyễn với H.T.T.A.Đ.H.L. nữa. Tuy hai bên không xử hoà với nhau.

* *

Năm 1648, Công-Thuộc-Vương mất, nhường ngôi cho Hiền-Vương.

Hãng Thông-Thương Ấn-Độ, Hoà-Lan bèn phái *Verstegen* và chúa Hiền có lập một tờ hòa ước năm 1651. Nhưng tờ hòa ước đó sau không đem ra thi hành.

* *

— Sự thông thương từ giữa thế kỷ thứ XVII (1651) đến giữa thế kỷ thứ XVIII (1795).

Verstegen ký thương ước với chúa Nguyễn xong thì bị buộc vào tội là chở trong tàu các sứ-thần của chúa Trịnh phái sang Batavia. Vì vậy 5 người Hoà-Lan mà *Verstegen* để lại ở Hội-An bị bắt giam.

Ngày 20 tháng Năm 1642, Hội Thông-thương Ấn-Độ Hoà-Lan liền ra lệnh tịch thu những tàu Hoà-Lan nào định tới thông thương với chúa Nguyễn.

Nhưng về năm 1659, vì giặc Tàu ô quấy nhiễu bể Trung-Hoa, thuyền Trung-

Hoa không đem hàng hóa sang Batavia được, người Hòa-Lan phải khuyến-khích tàu của họ sang thông thương với Trung-Kỳ.

Năm 1661 (vào hôm 6 hay 7 Mars) một chiếc tàu Hòa-Lan giạt vào bờ bể Trung-Kỳ : bao nhiêu hàng hóa và 62 súng đại bác bị tịch thu sau khi bị bắt giam ít lâu, thủy thủ được thả về Batavia.

Năm 1664, một chiếc tàu Trung - Hoa sang Batavia có chở người Hòa-Lan. Bão đánh giạt vào bờ biển Trung - Kỳ, tàu đó bị khám ; 4 người Hòa-Lan phải bắt lên bờ mất hết cả hành lý, nhưng sau được thả.

Tháng Mười năm 1714, 87 người Hòa-Lan bị nạn tàu đắm, trôi giạt vào Nha-Trang. Được người cổ đạo cứu vớt, họ lại được chúa Nguyễn cho phép về Batavia vào tháng ba năm 1716.

Vật từ thương ước 1651 trở về sau người Hòa-Lan không có giao thiệp gì với xứ Trung-Kỳ. Không buôn bán, mà cũng không chiến-tranh. Đối với xứ Bắc-Kỳ họ thỉnh thoảng cho tàu sang, mãi đến năm 1700 mới thôi. Nhưng sự buôn bán rất ít kết quả.

Nhưng từ năm 1752, đến năm 1759 người Hòa-Lan lại còn một lần nữa định thông thương với xứ Trung-kỳ

*
* *

Năm 1752, Duff, người Anh-cát-Lợi giao thiệp với cửa hàng của Hội Thông-thương Ấn-độ Hòa-lan, lập ở Quảng-đông (Canton),

Hắn được hãng giao phó cho các công việc buôn bán ở Trung-Kỳ. Vì vậy về tháng Năm năm đó (1752) chiếc tàu *Fulpenburg*

chở hàng hóa sang Hội - An. Vì người Trung-Hoa cạnh-tranh thành ít lãi ; Duff lại bất bình với hãng.

Nhưng năm sau 1753, hai người Hòa-Lan cùng chiếc tàu *Toornvliet* tới cửa Hàn; mua được ít vàng và đường. Hai người đó ở lại Hội-An và mở cửa hàng.

Năm 1754, chiếc *Giessenburg* sang lại mua vàng và đường để đem bán ở Ấn - độ và tơ để bán ở Nhật. Người Hòa-Lan có đem sang đồng, chì và kẽm, định bán cho chúa Nguyễn để đúc tiền. Nhưng vì thấy ít lãi trong sự mua bán năm 1759 vào tháng Mars. Hãng Thông-thương Ấn - độ Hòa-Lan cho đóng cửa hàng (mở năm 1753) và gọi người họ về.

Sau năm 1759, người Hòa - Lan không giao thiệp với xứ ta nữa.

*
* *

KẾT - LUẬN

1) Hãng Thông thương Ấn-độ Hòa-lan từ Nam-dương quần đảo, thường hàng năm cho tàu sang buôn bán ở Nhật-Bản và Đài-Loan. Các tới mùa gió nồm thổi vào tháng năm, tháng sáu, tàu của họ khởi-hành và cũng từ tháng chín, tháng mười là theo gió bắc mà trở về. Người Hòa-Lan bán tơ lụa cho người Nhật và đường cho người Trung-Hoa ? Vì khó mua tơ lụa ở Trung-Hoa và vì nhiều sự ngẫu nhiên (bão đánh tàu giạt vào Trung-Kỳ) năm 1600 lập cửa hàng ở Firando năm 1609 nên người Hòa-Lan mới nghĩ tới sự thông thương với xứ ta, nhất là với xứ Trung-Kỳ có hải cảng Hội-An nơi bán nhiều tơ và đường và là nơi có thuyền các nước nhất là thuyền Trung-Hoa lui tới.

2) Nhưng buôn bán với chúa Nguyễn không phải là việc dễ.

a) Năm 1663 lần thứ nhất tàu buôn Hòa-Lan tới Hội-An, người Hòa-Lan ở lại mở hiệu, nhưng cũng như hai chuyến sau, năm 1634 mua hàng được rất ít và bán hàng không chạy.

b) Vì tàu Grootenbroek đắm, thủy thủ bị bắt giam, một số tiền to bị chúa Nguyễn tịch thu, cũng năm 1634 nên người Hòa-Lan đòi bồi thường Công-thượng-Vương nhất định không chịu, người Hòa-Lan bèn nghị thông thương với Bắc-Kỳ (1637). Cửa hàng ở Hội-An đóng cửa (1638).

c) Vì chúa Trịnh sui dục, vì chúa Nguyễn năm 1641 lại bóc lột hai chiếc tàu của họ trôi giạt vào Hội-An, người Hòa-Lan phải gây sự chiến tranh, nhưng bốn lần không thắng trận, năm 1642, 1643 (về tháng hai và tháng bảy năm 1644 tại người Hòa-Lan khinh chiến và tại thủy binh của họ không hợp-tác được với bộ binh của chúa Trịnh.

d) Từ năm 1644 đến năm 1759 tuy người Hòa-Lan có ký thương ước với chúa Nguyễn (1651), tuy họ có phái người sang thông thương (1752, 1753, 1754) và mở cửa hàng ở Hội-An (1753-1759), họ không thu được kết quả gì cả.

3) Sở dĩ sự giao thiệp của xứ ta — cả Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ — với người Hòa-Lan, suốt hơn 150 năm không có ảnh-hưởng vĩ-nh-vĩn là vì :

a) Người Hòa-Lan không chú ý cho lắm đến sự thương-mại, cũng không định chiếm thuộc địa.

b) Chúa Nguyễn làm họ nản lòng (hễ tàu bị trôi giạt vào là cho cướp phá, bắt thủy thủ làm tù binh) và bắt họ phải kính phục vì cách ngoại giao cương-quyết như Công-Thượng-Vương gác bỏ những đề nghị của Duijcker năm 1635 và Couck-backer cùng Duijcker năm 1636) và binh lực của ta hùng cường (Liesvelt tiêu trận năm 1642 và Bacck năm 1643).

c) Chúa Trịnh muốn lợi-dụng họ để đánh chúa Nguyễn, đòi họ nhiều tàu chiến và viện binh (20 chiếc tàu và 50.000 quân) mà không hề cộng lực với họ khi đánh chúa Nguyễn, lại cũng không cấp tư lỵa cho họ nữa.

d) Còn một cơ chính làm cho người Hòa-Lan khó buôn bán ở xứ ta là họ bị người Bồ-Đào-Nha và nhất là người Trung-Hoa và người Nhật-Bản (ở Hội-An) cạnh tranh triệt để.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Tam Đa theo quan điểm vua Nghiêu.

Sách sử có chép chuyện người kia đem ba chữ đa chúc cho vua Nghiêu. Vua Nghiêu không nhận và trả lời : «Đa nam đa ưu ; đa thọ đa nhục ; đa phú đa oán, nhiều con trai thì nhiều điều lo ; càng sống lâu thì càng nhiều điều nhục ; càng giàu có thì càng nhiều điều oán.

BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TONG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.553 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng
Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Ý-NGHĨA, CỜ-TỤC,

GIAI-THOẠI VẼ

TẾT

TRUNG-THU

THÁI-VẤN-KIỂM



CHÚNG ta đang ở vào giữa mùa Thu, mặc dầu « miền Nam chỉ có hai mùa », họa chẳng chỉ có « Xuân sáng, Hạ trưa, Thu chiều, Đông tối ». Nhưng không phải vì lẽ ấy mà chúng ta quên hẳn những tiết lễ của mùa Thu, như Lễ Thất Tịch (đêm mồng 7 tháng 7), Lễ Vu-Lan-Bồn (rằm tháng 7) và nhất là Tết Trung-Thu (rằm tháng 8).

Trung - Thu Tiết

Tết Trung-Thu hay là Trung-thu tiết (chữ Tiết sinh ra chữ Tết) là một tiết-lễ có tính-cách mùa màng (fête saisonnière). Sở dĩ, chúng ta biết như vậy là vì trong chữ Thu (秋) có chữ Hòa (禾) là lúa, và chữ

Hỏa (火) là lửa, tức là khí nóng làm cho lúa chín, mà cũng chỉ màu vàng rực của lúa chín chẳng khác gì màu lửa.

Chính cũng chữ hòa này, nếu thêm vào chữ khẩu (口) là miệng, thì thành ra chữ hòa (和) có nghĩa là hòa-thuận, khi thiên hạ có đầy đủ lúa gạo mà ăn.

Theo Khang-Hy từ-diễn :

— Thu thuộc về *Kim* trong Ngũ - hành. Thuyết đó theo sách « Vân-Hội » và « Chính-Vận ».

— Thu nghĩa là *Bạch-tàng*, nghĩa là khí bạch mà thâm tàng. Thuyết đó theo sách « Nhĩ Nhã ».

— Thu là *tựu*, nghĩa là vạn vật thành tựu. Thuyết này theo sách « Thích-danh ».

TẾT TRUNG-THU

— Thu nghĩa là mùa *lúa chín*, theo sách «Thuyết văn». Thu giả bách cốc thành thực chi kỳ (mùa thu là thời kỳ trãm giống lúa đều chín).

— Theo «Kinh - Lễ» có nói: Tây phương giả thu (mùa thu thuộc về phương tây). Thu sàu giả: thu có nghĩa là sàu. Thu ưu bi trạng: Thu là cái giáng buồn bã.

Cho nên chữ sàu (愁) chiết tự ra gồm có chữ thu và chữ tâm, có nghĩa là cái lòng con người ta về mùa thu thường hay sàu tư buồn bã.

Luật Âm-Dương trong các Tiết-Lễ

Giữa mùa Xuân, tức là Xuân phân (Equinoxe de printemps), âm - dương và đêm ngày ngang nhau; nhưng bắt đầu từ đó khí Dương tăng lên cho đến giữa mùa Hạ, tức là Hạ Chí (Solstice d'été) thì khí Dương tiến đến mức cao nhất, cho nên ngày rất dài mà đêm rất ngắn.

Từ đó, khí Dương bắt đầu xuống và khí Âm bắt đầu lên ngang với khí Dương vào giữa mùa Thu, tức Thu - phân (Equinoxe d'automne), với đêm ngày ngang nhau. Sau đó, khí Âm tiến dần đến cực độ vào giữa mùa Đông, tức là Đông Chí (Solstice d'hiver) với đêm dài vô tận.

Sau Đông-Chí, khí Âm hạ xuống và khí Dương lại bắt đầu tiến lên để ngang với khí Âm vào giữa mùa Xuân, và cứ như thế, âm dương tranh tiến, vũ trụ tuần-hoàn, nhân-loại tiến-hóa không ngừng.

Tiết Trung - Thu năm nay cũng lọt vào tiết Thu - phân gồm có 15 ngày và bắt đầu từ mồng 3 cho đến 18 tháng 8 mới hết, nhưng ngày chính của Thu-phân là mồng 3 tháng 8. Đêm Trung-Thu, trời quang-đăng,

trăng tròn sáng, mọi người đều thích - thú, uống rượu làm thơ và thưởng nguyệt. Cũng có người ước nguyện được lên cung trăng như Đường-Minh-Hoàng thuở nọ.

Đường-Minh-Hoàng

du nguyệt-điện.

Minh - Hoàng là vua thứ 6 đời nhà Đường, trị vì từ năm 712 đến năm 756. Tên tục là Lý-Long-Cơ, khi còn nhỏ tên là A-Man, còn theo thứ tự trong gia - đình là Tam-Lang, vì ngài là con trai thứ 3 của hoàng-đế Duệ-Tôn. Khi lên ngôi, ngài lấy tên Huyền-Tôn-Minh Hoàng-Đế, gọi tắt là Minh - Hoàng. Ngài vừa là văn-sĩ, thi-sĩ, vừa là nhạc-sĩ, họa-sĩ. Một đêm rằm tháng 8, Đường-Minh-Hoàng vừa bước ra ngoài cung-điện, liền gặp một đạo-sĩ lại gần, tay chống cái gậy, ngỏ lời bàn với nhà vua lên chơi cung trăng. Nhà vua ưng thuận. Đạo-sĩ tên là La-Công-Viển, tay cầm cái gậy tung lên trời, gậy đó biến ngay thành một cái cầu rất lớn bằng bạc. Đạo-sĩ mời Minh-Hoàng bước lên cầu. Hai người phút chốc đã tới cung trăng và thấy một thế-giới khác hẳn cõi nhân-gian này. Không khí êm-đềm thơm-tho, tưởng chưa có nơi nào được như vậy. Chung-quanh có những tiên - nữ rất đẹp, lướt qua sau mấy hàng cây hoa trên bãi cỏ thơm, nhà vua và đạo-sĩ tới gần một lâu-đài to lớn, trên cửa ra vào có khắc mấy chữ vàng: « Quảng-hàn-cung ». Trong sân rộng lại có những thiếu nữ ăn vận thướt-tha đương nhảy múa theo điệu nhạc quyến rũ.

Tục truyền rằng trong chuyến đi cung trăng ngoài Đường-Minh-Hoàng và La-Công-Viển ra, còn có pháp-sư Thân-Thiên-Sư, chủ tề của Đạo Giáo; nhưng cũng có truyền

thuyết cho rằng chỉ có Đường-Minh-Hoàng và Diệp-Pháp-Hi.

Dù sao chăng nữa, sau khi du nguyệt diện, Đường-Minh-Hoàng trở về Hạ-giới, ngày đêm mơ tưởng âm nhạc và khiêu - vũ ở cung Trăng, bèn truyền lập ngay một ban vũ-nhạc và dạy cho họ những vũ-khúc mà Đường-Minh-Hoàng đã chiêm - ngưỡng tại Cung Quảng-Hàn.

Ban vũ nhạc ấy được đặt tên là « Lê-Viên tử-đệ », cho nên kếp hát bên Trung-Hoa ngày nay còn gọi là Lê-Viên. Họ chuyên dạy hai điệu múa là Nghệ-Thường và Vũ-Y.

Nghệ-Thường có nghĩa là cái xiêm hồng-nghê (rán, móng, cầu vòng). Quần của các vũ-nữ nhuộm đủ các thứ màu sắc của cầu vòng.

Vũ-Y có nghĩa là áo kết bằng lông chim.

Dương-Quý-Phi rất thích hai điệu múa hát này và chính Dương - Quý - Phi cũng thường múa hát điệu này cho Vua Đường-Minh - Hoàng xem.

LỄ CON RỒNG

Lễ Trung-Thu cũng là lễ con Rồng, một linh-vật đã chiếm một địa-vị độc-tôn trong các thú vật được người Á-Đông thờ phượng. Nơi này, nghề nông chiếm một địa-vị quan trọng, mà đã nói đến nghề nông thì phải có nước, phải có mưa. Chính con

Rồng tiêu biểu cho nước mưa. Nó có thể sống dưới nước và bay lên trời. Từ những đám mây đen nghịt, nó phun nước xuống ruộng vườn, làm cho cây cỏ xanh tươi. Theo thần-thoại Hoa - Việt, nó có đầu lạc-dà, sừng hoẵng, mắt lồi ra, tai trâu, mình rắn, vây cá, móng ó, chân cọp. Râu mép lông thòng hai khoé miệng và trong miệng nó có một trái châu sáng ánh. Trên đầu nó u lên một cục xương là biểu-hiệu của trí thông-minh tuyệt vời. Sau hết, nét đặc biệt của nó là cái mồng gồm 81 cái vây dựng đứng dài trên xương sống của nó. Con rồng nhả một thứ khói có thể biến thành lửa hay nước tùy ý. Nó sống trên trời, dưới nước hay trong đất đều được cả. Nó trường sinh bất tử, và không sinh con nhưng không vì thế mà có hại cho giống Rồng, vì lẽ số rồng càng ngày càng tăng do sự biến hóa của con Giao-Long, một loài rắn hoang đường nửa thần lẫn, nửa rắn, sau khi sống đủ mười thế-kỷ và khi chỗ sưng phù dưới cổ nó biến mất thì tự nhiên thành rồng.

Mặc dù có một thân hình quái gở, con Rồng không phải là hiện thân của ác-thần. Người Trung-Hoa và người Việt-Nam luôn luôn coi con rồng là tượng trưng của quyền thế và quý tộc. Chính vì thế mà nó được chọn, với tất cả cái kỳ lạ của nó, để làm biểu hiệu cho vua, con của Trời

Rồng không sinh con nhưng lại hay đẻ trứng, Theo ông Nguyễn Văn-Huyền viết

ĐÃ PHÁT HÀNH MAI SỐ 6 NGÀY 15-9-1960

TẾT TRUNG-THU

trong bài « La mi-automne » (Tết Trung-Thu) đăng trong tạp chí « Indochine » số 108 xuất bản ngày 24-9-1942, thì mỗi lần Rồng đẻ 10 trứng, nhưng chỉ một trứng đầu hóa Rồng thôi. Còn 9 trứng kia hóa ra 9 con vật thần-quái khác ; mỗi con có một khuynh hướng một chi-thú đặc biệt.

Một con gọi là *bị-hí*, hình giống con rùa lớn ; nó thích mang những con vật nặng nề. Con thứ hai gọi tên là *li-vân* và giống loài thú bốn chân, nó thích nhè. Con thứ ba gọi là *bồ-lao*, tính thích kêu. Nó là con vật bốn chân sống ở các bể, hình giống con cá mập. Nếu ai đánh nó, nó kêu rất to. Con thứ tư gọi là *Can-bệ*, nó có sức mạnh. Nó giữ việc canh gác rất khéo. Con thứ năm gọi là *Thao-thiết*, nó thích ăn uống. Con thứ sáu gọi là *công-hạ* hay *công-phúc*. Nó thích nước và thích uống. Con thứ bảy gọi là *Nhai-tí*, tính thích giết hại. Con thứ tám gọi là *Kim-nghe*, tính thích nuốt lửa và hà ra khói. Con thứ 9 gọi là *tiên-đồ*. Nó giống con ốc và thích kín miệng. Có người gọi tên là *tù-nguru* và cho nó là thích âm-nhạc. Người ta còn gọi tên nó là *trào-phong* và nói nó thích những ghềnh đá và hang sâu

RỒNG ĐÁNH NHAU = trời mưa như trút.

Duy chỉ có con đầu tiên là Rồng mới có mình Rồng và có nhiệm-vụ biến mây thành mưa. Tục truyền rằng khi các Rồng đánh nhau trên không-trung thì trời mưa như trút. Khi thôi đánh nhau thì hết mưa. Về đề tài này, người ta còn nói đời nhà Chu có Rồng đánh nhau. Ở thời đại đó, một ngày mùa hạ, người ta thấy ánh sáng trắng từ chân trời phương đông. Cũng lúc ấy, một con

Rồng trắng dài 10 trượng tiến về phía Tây-Bắc, vừa tiến vừa kêu và liếm nanh vuốt. Ở hướng Tây-Bắc cũng xuất hiện một con Rồng đen cỡi mây mà đi. Một cơn gió mạnh nổi lên ; tiếng sấm dậy khắp trời. Rồng càng xát bên nhau, mưa càng dữ, rồng xa nhau thì mưa lại nhẹ hột. Cuộc giao chiến kéo dài hàng mấy tiếng đồng hồ. Đến tối ngày, Rồng trắng biến lên trời mất, còn Rồng đen thì rơi xuống đất. Khi các Rồng xuất hiện thì trời cũng mưa tầm tã. Thế cho nên về đời cồ-sơ các vua chúa thường hay bắt đầu đầu cũng vẽ rồng đề trong nước luôn luôn có mưa. Đầu thế kỷ thứ 8, có một lần đại-hạn, nhà Vua sai một vị sư cầu nguyện cho trời mưa xuống. Nhà sư tâu rằng : Bệ hạ phải cho tôi một vật trên có vẽ hình rồng thì tôi mới có thể cầu mưa được ! Nhà Vua cho đi tìm vật ấy khắp nơi. Vài ngày sau người ta tìm được một cái gương soi, có cái cán chạm rồng. Nhà sư vui vẻ kêu to lên rằng « Đây là con Rồng thật ». Người ta để lên bàn thờ ; nhà sư vừa dứt lời cầu nguyện thì mưa rơi tầm tã.

RỒNG MÚA Ở THẾ-GIAN

Vì lẽ đó mà rồng được coi là ân - nhân của thế-gian ! Người ta vẽ hình Rồng hoạt-động như Rồng bay, Rồng múa, Rồng lượn, là có ý cầu mưa gió hòa-thuận.

Tiết xuân sang, người ta hay đem Rồng đi diễn trong các đám rước thần. Rồng phải ủng-hộ cho vụ chiêm được mùa. Nhưng Tết thực sự của Rồng là vào Trung - thu. Sau Tết này nó phải lo liệu cho mùa màng tháng 10. Đêm rằm tháng 8, Rồng đi diễn khắp phố phường, đám rước có cờ ngũ sắc, đèn trái cây, cá giấy và các thú vật bằng giấy, các biển sáng ghi chữ « Hoàng long

thịnh thế » hay « thiên-hạ thái-bình » Rồng đan bằng tre nứa, ngoài bọc giấy hay vải. Thân Rồng có vây nhọn, xanh lơ hay xanh xẫm, đ.ôi cong, đầu có râu mép và râu cằm rậm, mắt sáng ngời, linh động. bốn chân đu đưa có vuốt nhọn đáng sợ. Rồng giấy được đặt trên những cây gậy làm thế nào mà các người khiêng đi lại chạy nhảy có thể làm cho Rồng tự uốn được mình. Rồng múa trước một hòn ngọc theo nhịp chiêng trống. Khi rồng đi qua các nhà giàu thường đốt pháo mừng đề cầu phước.

Tục-lệ múa Sư-tử

Sau rồng có Sư-tử đi yểm-hộ. Sư-tử cũng đan bằng nan, nhưng chỉ có cái đầu thôi. Đầu Sư-tử do một người đội múa bằng 2 tay. Một người nữa cầm đầu tấm vải khéo dựa theo người đội đầu Sư-tử khi quay sang phải, khi cử - động sang trái, lúc đi vòng tròn. làm thế nào cho con vật có một thân hình linh-động.

Các nhà giàu thường treo từ mái nhà cách mặt đất độ 5, 6 thước, một phong bì đỏ trong có số tiền coi như phần thưởng dành cho người múa rồng và Sư-tử giỏi. Sư-tử thì bắt buộc phải trèo cây sào để tới phong bì tiền. Khi đến đầu cây sào. Sư-tử phải đùa dõn với mối trong khi đó Rồng múa chung quanh nó. Khi Sư-tử lấy được phần thưởng rồi, người ta đốt pháo đề reo mừng Sư-tử nhảy xuống đất rồi múa trước nhà chủ tỏ ý cảm ơn gia-chủ cùng chúc sự thịnh-vượng, đông con nhiều cháu.

Cũng có nơi, con sư-tử được thay thế bằng con lân (ly). Con lân cũng là một con vật hoang đường do người Việt-Nam và người Trung-Hoa tưởng tượng ra ; nó làm cho người ta nhớ tới con vật đồng chủng

của nó trong thần-thoại Âu-Châu, gọi là licorne hay là griffon.

Người ta còn gọi nó là con Kỳ-Lân (Kỳ là tên con đực, Lân là con cái). Các nhà nho đặt cho nó cái thông danh là con Ly.

Người ta tưởng tượng con Lân hình dáng như con sơn-dương (daim), đuôi trâu, vuốt ngựa ; và nếu là con đực thì trên trán có một sừng độc nhất bao bọc ở chót vót bằng một cục bứu. Con lân được coi như một gương mẫu hiền lành. Nó chỉ xuất hiện trong thời kỳ thịnh vượng mà thôi. Nó cũng là biểu-hiệu của sự giàu sang và hạnh phúc.

Tục truyền rằng khi Đức Khổng-Tử ra đời, nước Lỗ có bắt được một con lân, dưới thời vua Ai-Công thứ 14, tức là năm Canh-Thân đời Vua Chu-Kinh-Vương thứ 49 (481 trước Tây-Lịch)

Tại sao có tục lệ múa sư-tử

Về đời Đường bên Tàu có một bà lão, không có con cái gì, họ hàng thân lại rất xa cách. Bà sống ở một khu rừng hẻo lánh, làm nghề may vá quần áo rồi đem về chợ tỉnh bán.

Một hôm, bà đến nhận may áo quần tại một làng rất xa, khi trở về gặp trời tối ; trông sang hai bên đường thình thoảng thấy có nhiều nhà đèn thấp sáng trưng, cỗ bàn bánh trái bày la liệt, ăn uống vui vẻ tới khuya. Bà ngạc nhiên hỏi người trong các nhà thì họ đáp rằng : tối nay là đêm rằm tháng tám, cho nên có tục lệ ăn uống đề chơi trăng.

Bà lão muốn bắt chước, bèn mua bánh trái hoa quả linh đình, định mang về nhà ăn uống và thưởng trăng. Trên đường về

nhà, bà phải đi qua một khu rừng vắng. Khoảng rừng này lâu nay có một con sư-tử đã thành yêu tinh. Bà chợt gặp nó giữa đường. Sư-tử muốn xông đến để ăn thịt bà. Bà lão cả sợ, Bà nghĩ đến công mua bánh trái rồi mà chẳng được chơi rằm. Bà bèn quỳ xuống khóc lóc van với Sư-tử rằng : Cho bà về bày lễ thương trăng xong rồi sẽ đến hiến thân cho Sư-tử. Nghe lời van vi, Sư-tử cảm động quay đi để cho bà lão về yên lành vô sự.

Khi ăn uống xong, trăng tàn, bà lão nghĩ đến giờ tận số, khóc lóc thảm thiết, loài vật và đồ vật trong nhà cũng động lòng thương. Đột nhiên có một con rết ở dưới gầm giường bò lên như ra hiệu nói với bà lão đừng sợ, để rết lo cứu khỏi chết ; còn cái cối xay đặt gần bên cũng tự nhiên quay út.

Thấy sự lạ lùng, bà lo sợ, nhưng tưởng có thần thánh ra hiệu phù hộ cho bà thoát khỏi chết vì sư-tử, nên bà mới yên lòng lên giường nằm ngủ.

Đến khuya đúng lời hẹn, Sư-tử lần mò nhẹ nhàng đến giường bà lão, định đưa 2 chân trước lên choàng thân hình bà lão, đem ra ăn thịt thì con rết bò tới đốt vào đuôi con ác thú. Sư-tử đau buốt quá, lật mình ngã lăn xuống đất, chẳng may chạm phải cái cối xay để gần đó vỡ đầu chết tươi.

Thấy ác thú chết rồi, bà lão mừng rỡ đi báo cho dân chúng biết. Dân-chúng đua nhau đến xem, đèn đuốc sáng trưng ; rồi họ đem con vật vào nạp vua để lấy thưởng.

Nghe rõ con ác thú đã từng giết hại lương dân, mà chưa trông thấy bao giờ, nên sau khi được thấy vua liền hạ lệnh cho dân đem theo gươm trường giáo mác, thắp đèn đuốc, khiêng sư-tử đi khắp châu thành phố cho dân gian và quan quân xem chơi.

Vì lẽ đó, nên đến ngày rằm tháng tám, bên Tàu lại có tục rước sư-tử giả để nhớ lại ngày bắt được sư-tử. Nước ta cũng bắt chước theo phong-hóa của Tàu và cứ đến rằm tháng tám lại thi nhau mua bánh trái, trà, mứt đem về cúng, rồi ăn uống xem trăng lên và múa sư-tử, múa lân, đốt đèn khắp nơi.

Cuộc múa rồng và sư-tử lại nhắc nhở cho ta sự chiến-đấu giữa mặt trăng và kỳ-lân mà người ta lầm lẫn với sư-tử. Tương truyền rằng trong khi xoay chuyển mặt trời, mặt trăng bị kỳ-lân đánh. Khi cả hai đều bị nuốt thì quả đất ở trong bóng tối, đó là hiện tượng của nhật-thực và nguyệt-thực. Lúc bấy giờ loài người phải lo giải-phóng mặt trời và mặt trăng bằng cách đánh trống và bắn mũi tên lên.

Nước ta và nước Trung-Hoa không muốn có những hiện tượng ấy, vì hậu quả không hay cho nên mới đặt ra tục-lệ múa rồng và kỳ-lân (hoặc sư-tử) để cầu phước hoặc để thỉnh cầu những quái vật đừng nuốt mất nhật-tinh và nguyệt-tinh rất cần cho đời sống nhân-loại.

Chiêm nghiệm mặt trăng

Ngoài những truyện hoang đường về rồng, kỳ-lân, sư-tử, các nước Á-Đông lại có quan-niệm riêng về mặt trăng. Cồ-học Đông-Phương cho trăng thuộc về thủy (nước) trong năm yếu-tố (ngũ hành) là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Dân-trí cho rằng trăng thuộc về thủy, mà thủy dĩ-nhiên là ích lợi cho nghề nông. Vì lẽ đó người ta coi trăng là biểu-hiệu sự thịnh-mãn, may lành.

Tối rằm tháng tám, khi trời mát mẻ, nhà nhà đều xum họp ngoài sân để chơi trăng. Người biết thiên-văn thường đề ý quan sát sự tiến-triển của trăng. Tùy theo màu sắc

và hình-tượng của vệ-tinh ấy, người ta đoán được những điềm có quan-hệ đến sự thịnh suy bĩ thái của quốc-gia. Nếu trăng sáng tỏ là điềm tốt được mùa ; nếu trăng vàng thì tằm sản-xuất được nhiều tơ lụa. Ngoài ra, theo sách cổ-thư, khi trăng có màu lục, hoặc màu xanh, đó là điềm cơ-hàn. Trái lại, nếu trăng đổi thành màu cam, toàn-quốc sẽ được hưởng cảnh thái-bình thịnh-trị. Nếu đêm ấy, trên trăng có một hình chớp nón thì tất cả mọi người đều được hưởng cảnh vui vẻ ; nhưng khi trăng có nhiều chân đó là điềm quốc-vương đắm vào vòng sắc dục thái quá, có điều bất minh sai lầm. Khi nước sắp có loạn hay dưới hạ-giới có chiến-tranh, thì mặt trăng có những nanh vuốt sắc nhọn.

Con Cóc là cậu ông Trời

Tập quán xem trăng đêm Trung-thu đã tạo ra trong óc tưởng-tượng nhân-dân cả một thế-giới kỳ-dị.

Truyện con Cóc trên cung Quảng cũng là một truyện hoang-đường nữa. Cóc đóng một vai trò khá quan-trọng là vì : Con Cóc là cậu ông Trời

Hễ ai đánh nó thì Trời đánh cho,

Nó giống ếch-ương, tiếng kêu nó báo hiệu trời mưa. Mọi người đều thấy nó trên cung trăng và ta gọi là Thiềm-thừ. Mặt trăng cũng có một tên gọi là thi vị khác nữa là Thiềm-cung (Cung con Cóc).

Cóc này thường sống lâu 4 nghìn năm. Ngày xưa nó sống ở dưới hạ-giới, ở ven bờ bể, tính hay ăn thịt các hành khách qua lại gần nó. Muốn cho nó có thiện tính, Ngọc-Hoàng Thượng-Đế đem lên trời để nó gác cung Quảng-Hàn.

Nhiều truyện hoang-đường khác lại bảo con Thiềm-thừ chỉ có 3 chân, 2 chân đằng trước, một chân đằng sau ; trước kia Cóc sống ở dưới hạ-giới đội lốt một người đàn bà. Đó là vợ của chàng thiện-xạ Hậu-Nghệ, một trong những anh hùng thần thoại. Thời-đại bấy giờ có mười nhật-tinh buynh-đệ tuần tự xuất hiện để phát ánh sáng và nhiệt-khí cho thế-gian. Có một ngày, cả 10 nhật-tinh xuất hiện cùng một khi, khí-hậu nóng quá, quả đất gần cháy. Hậu-Nghệ tức giận bắn rơi mất 9 mặt trời. Sau này anh ta được bà Tây-Vương-Mẫu ban cho liều thuốc trường-sinh bất-tử. Khi anh đi vắng, vợ ở nhà ăn cắp thuốc uống trộm. Chị ta đang uống dở thì Hậu-Nghệ ở đâu về bắt gặp, vợ sợ hãi bỏ trốn. Nhờ có thuốc đã uống, chị ta bay lên trời được, nhưng vì chị ta uống chưa hết cả liều thuốc nên đi đến nửa đường đành dừng lại, và phải dừng lại ở cung trăng, mà hóa thành con Cóc có 3 chân.

Theo thần-thoại Trung-Hoa, thiềm-thừ là một con cóc linh diệu, thọ rất lâu, là vì chốn cung trăng là nơi lưu trú của các vị thần tiên bất tử. Chỉ ngại có một điều là nơi cung trăng lạnh lắm (Quảng-Hàn), đó là một sự kiện mà các thi sĩ của ta ngày xưa đã biết trước cả các nhà khoa-học, vì lẽ cung trăng là một vệ-tinh đã chết từ lâu.

Nhà thơ Phan-Mạnh-Danh (mất năm 1942) đã than rằng :

« Quảng-Hàn lạnh lẽo bao la lắm !
Giấc ấy êm không, hơi chị Hằng ? »

Rất may là bên cạnh chị Hằng, còn có con thỏ ngọc mà các văn-nhân thi-sĩ đã bất-tử-hóa :

Trái bao thỏ lặn ác tà...
(Nguyễn-Du)

TẾT TRUNG-THU

đề tả cái chuỗi ngày đêm dài dằng dặc đã trôi qua trên trời cũng như dưới trần thế.

Nguyên xưa kia, trong một khu rừng nọ, có ba con thỏ : một con nâu, một con vàng và một con trắng, đã dày công tu luyện và suốt đời chỉ làm việc thiện. Đức hạnh cao dày đã động đến lòng Trời. Trời bèn sai một vị thiên-thần xuống khu rừng nói trên, giả làm một bộ hành đói rét vì lạc đường lỡ bước.

Thỏ nâu và thỏ vàng, sẵn có lương thực, bèn đem ra biếu hết tất cả cho người bộ hành. Còn con thỏ trắng, vì đã bố thí tất cả, không biết lấy gì mà cho, chỉ còn một bó củi, bèn tự ý thiêu mình, đề dâng thịt thơm cho ông khách chưa hề quen biết.

Vị Thiên-thần cảm động liền bay về trời đề tâu trình sứ-mạng thì đã thấy Ngọc-Hoàng Thượng-Đế vuốt ve con thỏ trắng mà bảo rằng : Thỏ trắng đã tu hành đắc đạo, nay ta đã gọi về đây đề cho tận hưởng an nhàn nơi Cung Trăng thanh - bình và tinh-khiết. Và từ đó, Thỏ ngọc ở lại Cung Trăng.

Theo truyền thuyết, con thỏ chỉ nhìn trăng mà thọ thai. Nó càng nhìn mặt trăng sáng bao nhiêu, thì việc sinh sản càng tăng lên bấy nhiêu.

* * *

Ngoài con Cóc, con Thỏ, Ông Tơ bà Nguyệt mà sự tích ai ai cũng đều biết, trên Cung Trăng còn có cây đa thẳng Cuội.

Sự tích cây đa thẳng Cuội

Trong văn-chương truyền-khán của ta, có một bài hát trẻ em rất thông dụng có liên hệ đến « Cây Đa » « Thằng Cuội »

*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
Cho trâu ăn lúa gọi cha ời ời !
Cha còn cắt cỏ trên trời,
Mẹ còn cỡi ngựa đi mời quan viên.
Ông thì cầm bút cầm nghiên,
Ông thì cầm tiền đi chuộc lá đa.*

Nhà văn Văn-Thôn kể lại rằng : « Một hôm, Cuội vào rừng chặt củi bán, bỗng gặp bốn hồ con, đang run rẩy bò ra phía bên ngoài một cửa hang đá. Nhân tay cầm rìu, Cuội lần lượt đập chết cả bốn, thì vừa nghe tiếng gầm từ đằng xa đưa lại, làm rung động cả một góc rừng : hồ mẹ đi vắng đã lần về. Đoán chắc như vậy, Cuội cầm đầu chạy đến bên bờ suối, rồi lanh lẹ leo lên một ngọn cây cao chót vót, nằm ép mình sau những cụm lá um tùm... Đã tạm yên thân, Cuội lặng lẽ cúi xuống nhìn, thấy hồ mẹ tỏ vẻ giận dữ, đau thương, vừa buông ra những tiếng gầm gừ ghê sợ, rồi bỗng im bặt và đi về gần dòng nước. Cuội lại một phen thất kinh ! Nhưng, hồ mẹ chỉ đến dưới một gốc cây, giống như cây Đa nhỏ, rồi nhảy lên mấy bận, mỗi bận đớp một ít lá về các phía tây, nam, bắc sau, lại ngậm lá mang về cửa hang, nhai đi nhai lại, mớm cho các con... Chỉ trong chốc lát, đàn hồ con đã sống lại, tinh táo như thường. Thế là cả năm mẹ con dặt dít nhau, thiên cư đi nơi khác... »

« Cuội tụt xuống, hăm hở đánh hẳn cả cái cây hồi sinh kia, rồi đem về trồng ở sau nhà, và từ đó, đã làm thuốc cứu người. Một ngày kia, Cuội đã dùng lá, cải từ hoàn sinh một thiếu nữ, con một phú ông. Đề cảm tạ, phú ông đã gả người con gái đó cho Cuội, lại cấp thêm nhiều của hồi môn.

« Cuội rất quý cây hồi sinh, và luôn luôn dặn vợ : « Kiêng kỵ nhất là làm rung động

phía đông thân cây, vì chạm tới phía đông, cây giông lên trời ! ». Một buổi chiều, vợ tò mò, thử bứt mấy cành ở phía đông xem sao, thì ôi thôi, cây tự nhiên long gốc, bật rễ, lừng lững bay thẳng lên không trung. Cuội đi rừng về, thấy cây đã ở mức quá đầu người sinh ra hốt hoảng, chỉ kịp lấy rìu mắc vào rễ, để cố ghìm lại : nhưng cây vẫn lên cao, mỗi lúc một nhanh, mà Cuội nhất định không buông tay. Chẳng bao lâu, cả người và cây đã bay tới cung trăng, để dừng lại, mà còn mãi tới ngày nay...

« Hình đen đen ở mặt trăng, giống như bóng cây đa, đã xui trí tưởng tượng con người đặt ra truyện kể trên. Còn câu hát nhắc nhở đến cha, mẹ Cuội thì chỉ là mấy vần liên tiếp của dân quê, tha thiết với cảnh gia đình, làng xóm... »

Trong cổ tích Chiêm-Thành, cũng có chuyện thằng Cuội, mà tôi xin kể lại như sau « Một người đàn bà đi dạo trong rừng giết một ồ rắn con, rồi ngồi đợi rắn mẹ về xem nó làm thế nào. Rắn mẹ về thấy con chết mới bỏ đi tìm cây « phun jrai » tức là cây đa của ta (*ficus Bengalensis* L) Cây này ở Ấn Độ người ta nấu thành nước để băng bó các vết thương), Rắn mẹ nhai mấy lá phun vào mấy rắn con, tức khắc rắn con hồi sinh. Thấy như vậy, người đàn bà mới bẻ một nhánh lá jrai, đem về trồng ở sau nhà. Một ngày kia trước khi đi, người đàn bà dặn con cái không được hái trên cây đa, vì nếu phạm lỗi ấy, cây sẽ biến mất. Bầy con muốn thử xem có thật không, mới rủ nhau hái. Khi bà mẹ trở về thì thấy cây đa bỗng nhiên bay lừng lững lên trời. Bà mới nhảy núp về thì thấy cây vẫn bay mang theo bà ấy và một con chó đen. Bấy giờ người ta có thể trông thấy bà ấy ở trên cung

trăng » Người Chàm còn tôn thờ và gọi là Paja Yan (Bà chúa Linh thiêng). Khi nào mặt trời đi ngang trước mặt bà thì bà ta quỳ lạy và do đó sinh ra nguyệt thực »

(Xem *Nouvelles Recherches sur les Chams* của Antoine Cabaton, do Ernest Leroux, Paris, 1901).

Tục hát trống quân

Cũng vì còn quyến luyến trần gian, tha thiết với gia đình làng xóm, nên dân ta mới quan niệm Tết Trung-Thu là một cơ hội thuận tiện nhất để biểu lộ tâm tình. Cho nên Trung-Thu chìm đắm trong ánh trăng ngà cũng là một cái Tết Nhân-Duyên, một dịp tốt để cho trai gái có thể hiểu biết và thông cảm với nhau, cho đôi bên tìm bạn tri âm cầm sắt.

Họ ngồi thành 2 dãy, bên trai bên gái, chuyện trò vui vẻ, ngắm cảnh thưởng trăng. rồi lần lượt hát đối. Cô cậu nào hát dở hoặc là đối không xong, thì bị loại ra ngoài. Lối chơi thanh nhã này kéo dài cho đến khi trăng tàn, cho đến lúc nào hầu hết trai gái đều bị loại, chỉ còn một cặp hát qua đối lại thông suốt, rất ăn ý với nhau, để được lãnh phần thưởng xứng đáng, chưa kể việc đi đến một cuộc hôn nhân giữa đôi trai tài gái sắc.

Ở những nơi thôn dã, còn có tục lệ hát trống quân. Theo học-giả Phan-Kế-Bính (1875-1921), viết trong *Việt-Nam Phong Tục* (*Đông-Dương Tạp-Chí* số 26, trang 24-25, năm 1945, tục hát trống quân phát xuất từ đời Nguyễn-Huệ. Khi ông đem quân ra Bắc, quân sĩ lăm kẻ nhớ nhà. Có đánh trống cầm quân làm nhịp nên gọi là trống quân.

Nhưng ông Nordemann thì cho rằng « trống quân » có nghĩa là « giầy trống

quân » (Chrestomathie annamite, Hanoi, 1898, trang 283). Ông ta tả cái đàn bầu có một dây (độc huyền cầm) thường dùng để hòa nhịp lối hát nói trên. Vì rằng những người hát, đàn ông đàn bà chia ra làm hai phe đối đáp nhau, nên ông ta cho rằng tiếng « quân » có nghĩa là « bọn, phường », chứ không có nghĩa là « quân lính ».

Ông Georges Cordier viết trong quyển « Essai sur la Littérature annamite » (— La Chanson, Hanoi 1910, trang 10 và tiếp theo) rằng ông không tán đồng ý kiến của ông Nordemann và ông cho rằng : « Hát trống quân hay là hát có kèn trống (mà nhiều người cho là tiếng của quân đội), là vì có cái đàn mà người ta đánh và để lấy nhịp ». Ông cũng có nói đến cái đàn bầu mà ông Nordemann đã tả. Rồi ông nêu ý kiến « trống quân » có lẽ là « *tống quân* » cải biến. *Tống quân* có nghĩa là « *tiễn một nhân vật* » ra đến nơi nào và trước khi chia tay, bạn bè mỗi người lần lượt hát một bài có đàn bầu hòa nhịp theo.

Ông Maurice Durand cho rằng thuyết minh đó không thể dung hòa được với nguyên lai của hát trống quân, vì lối hát này dành riêng cho đám thanh-niên và thiếu-nữ. Ông tán đồng ý kiến của Phan-Kế-Bính và cho rằng Trống-quân « Kỳ thủy là một cái trống để ra trận, sau này vì không có trống trận nên người ta mới dùng dây đàn bầu để bắt chước tiếng trống. Vì thế nên « *dây đàn Bầu* » người ta vẫn gọi là « *dây trống quân* ».

Ông Durand thêm rằng nếu lý thuyết của Phan-Kế-Bính đứng vững được thì hát trống quân không phải mới phát xuất từ đời Nguyễn-Huệ mà có lẽ đã có từ đời thượng

cổ (Xem « Dân Việt-Nam số 1, Mai 1948, trang 33, 34).

Cá chép hóa long

Đêm Trung-Thu nào cũng có rước đèn, múa long, lân sư-tử. Đèn đủ cả hình thức : đèn vuông, đèn xếp, đèn kéo quân và nhất là đèn cá chép.

Theo Phan-Kế-Bính, tục rước đèn có đời nhà Tống, vì tục truyền rằng : Vua Nhân-Tông (1023-1063) có con cá chép thành yêu-tinh, cứ đêm trăng hiện lên làm con gái đi hại người. Bấy giờ Ông Bao-Công, tức Bao-Chung, tức Bao-Long-Đồ (mất năm 1062), mới sức cho dân gian làm đèn con cá giống như hình nó mà đem rong chơi ngoài đường, treo ở trước nhà, để nó nhìn thấy đồng loại mà không phá hại nữa.

Cho nên, những đêm Trung-Thu, vô số lồng đèn cá chép được trưng bày la liệt. Nó còn nhắc lại sự tích những con cá chép (lý-ngư) vượt Long-môn hoặc Vũ-môn (1) để biến hóa thành rồng. Câu truyện nửa thực nửa hư, nhưng nó ngụ ý rằng bước đường khoa-hoạn công danh của các nho-sĩ tương tự như vậy ; muốn hiện-đạt phải trải qua các kỳ thi cử khó khăn. Cửa nhà vua hay cửa Rồng đều mở rộng cho hết thầy mọi người. Con đường khoa-hoạn ấy sẽ đưa họ lên địa-vị cao nhất của quốc-gia và đó là tham vọng của hầu hết thanh-niên Á-Đông xưa nay. Vì lẽ đó, trong dịp Tết Trung-Thu, người ta cũng làm những Ông Tiến-sĩ giấy, để tượng trưng ước vọng của giới trí-thức đang « *dồi mài kinh sử* » để chờ kịp khoa.

Sở dĩ có tục lệ làm đèn cá chép trong dịp Tết Trung-Thu, là để nhắc lại một

điền-tích và hiện-tượng kỳ lạ ở bên Trung-Hoa cũng như bên Việt-Nam ta.

Theo « Tam-tần-Ký », nơi Hà-Tân có địa điểm tên là Long-Môn (Trung-Hoa), cách Trường-An 900 dặm, có những con cá lớn ở ngoài sông biển, đến nhóm họp nơi cửa có đến vài nghìn con, cố gắng nhảy lên thớt đá. Con nào lên được thì hóa rồng, con nào không lên được thì gục đầu phơi má, nên gọi là « bặc tai long môn » (cửa Long phơi má).

Theo sách « Thủy Kinh chú », con cá gáy tháng 3 nhảy qua cửa Long-Môn thì hóa rồng, con nào nhảy không qua thì gục đầu lui về.

Theo sách « Quảng-sự-loại » cá gáy nhảy qua Long-Môn ắt có trận sấm sét đốt đuôi nó thì mới hóa rồng (Vũ môn tam cấp lãng ; bình địa nhất thanh lôi).

Bên Việt-Nam ta, cũng có Suối vũ-môn (Vũ-môn-tuyền) ở về ngọn thứ 2 núi Khai-Trướng, thuộc huyện Hương-Khê, Tỉnh Hà-Tĩnh. Nơi đây nước chảy thành 3 đợt, có tới vài trăm dặm, trông như tấm lụa giải. Mỗi năm cứ ngày mồng 8 tháng 4, thì tự nhiên mây móc dày đặc, tục truyền đây là chỗ hóa long. Cứ đến ngày ấy là ngày Phật-dẫn-sinh, các thuyền chày kiêng cữ, không có đặt lưới nò ở vùng hạ lưu. Nơi đây cũng có tên là Vụ thấp thủy có nghĩa là chỗ « nước sa mù ẩm ướt ». (Theo Đại-

Nam Nhất Thống Chí — quyền Hà-Tĩnh),

Cũng theo bộ sách này, quyền Biên-Hòa, ở phía Nam châu Đại-Phổ, thôn Bình-Hoành, huyện Phước-Chánh, có đền thờ Lễ-Công, Nguyễn-Hữu-Cảnh (Kính), tức Tráng-Hoàn-Hầu. Nguyên xưa Ông phụng mạng kinh-lược đất Nông-Nại (Đồng-Nai), mở đất được ngàn dặm chiêu mộ dân-cư, đặt thành thôn ấp, dân địa phương nhớ ơn lập đền thờ phụng, ở trước mặt đền ngó xuống sông Phước-Giang, lấy vung đá làm thủy thành, dưới vung đá có con cá gáy to lớn dị thường, dóc dài 6, 7 thước, mỗi khi canh khuya đêm vắng thường đến trước đền bơi nhảy, khi lặn khi nổi, khi vượt qua thác đá, khi nhảy qua cơn sóng lớn, như đề thỏa chí vẫy vùng.

Con cá chép của Tết Trung-Thu, dù là hình của con cá Long-Môn, của con cá Vũ-Môn hoặc là con cá Phước-Chính, thay đều tượng trưng tinh-thần tranh-đấu và ý chí quật cường của dân-tộc Á-Đông nói chung và Việt-Nam nói riêng, luôn luôn tìm cách vượt qua mọi sự khó khăn để tiến đến một tương lai huy hoàng.

Hoàng-Mai-Thôn, Gia-Định,

Trung-Thu Canh-Tý 1960

THÁI-VĂN-KIỂM

(1) Long-Môn là địa-danh, thuộc Hà-Tân tỉnh Sơn-Tây, nguyên xưa kia vua Vũ trị thủy có đảo nơi này, nên sau mới đổi tên là Vũ-Môn.

Viên cát nên hòn

Cuộc đoàn kết dân-tộc đối với các xứ bán khai, thường vẫn là việc khó khăn. Người Trung-Hoa có câu: « đoàn sa thành khối », viên cát nên hòn, đề chỉ sự trạng đó. Trình-độ dân bán khai, giống như cát vụn, béc một nắm mà nặn cho nên hòn không phải chuyện dễ.

Spring



Thuốc thơm điển đại :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỶ

**GIÁ
BÌNH DÂN**

10%

TÔI DẠY CON TÔI CÁCH NÀO ?

II. - TẬP CHO TRẺ SỬ-DỤNG MƯỜI NGÓN TAY TỨC LÀ MỞ MANG TRÍ ỨC CỦA CHÚNG.

THIÊN-GIANG thuật

(Xem tiếp số trước)

Cách đây hai mươi năm, tôi bắt đầu dạy con tôi, quyết tâm làm cho nó thành một người vững chắc và đủ sức giúp ích cho đời. Tôi cũng thấy rằng phụ - huynh chúng ta quá tin nơi trường học. Mà sự giáo-dục con cái phải được khởi sự ngay khi ở nhà, trước tuổi đi học thật sớm và phải được tiếp tục suốt trong thời học tập.

Nay thằng Giang của tôi được hai mươi ba tuổi, cao 1m75, ham thể thao sách vở và được bạn bè yêu chuộng. Nó vừa tốt nghiệp năm ngoái và sẵn sàng vào đời với địa vị kỹ-sư.

Theo ý chúng tôi thì nguyên tắc căn bản của giáo-dục là làm cho con đủ sức trông cậy lấy mình và điều kiện đầu tiên là phải biết dùng mười ngón tay. Bởi vậy khi thằng Giang lên

ba tuổi tôi dạy nó làm việc bằng tay. Tôi nằm cạnh nó giúp nó xây cất với những khối gỗ. Nó muốn lựa chọn vật liệu nào cũng được, nhưng tôi buộc phải làm tường thật thẳng, góc cạnh thật ngay, và mái nhà vuông vắn. Tôi chú ý tập hai bàn tay nó làm việc kỹ lưỡng.

Lên ba tuổi rưỡi, Giang đã quen với dụng cụ. Tôi chủ trương nó phải vừa tập tay vừa luyện trí. Khi làm bằng tay, ta phải tập trung ý tứ, phải lý luận và đánh giá nguyên nhân và hậu quả. Ta luyện tinh thần chính xác và dẻo dai.

Phải cho dẫu một ông khóa ? Tôi gọi Giang giúp đỡ tôi. Ban đầu nó chỉ trao dụng cụ cho tôi. Nhưng không bao lâu tôi có thể bảo nó :

TÔI DẠY CON TÔI CÁCH NÀO ?

— Con tháo ông khóa này ra. Mà làm sao để tháo đây ?

Tôi cố làm theo lời nó chỉ và cho nó thấy rằng lời đó không đúng. Chúng tôi xem xét lại và tìm một lối khác. Sau cùng, về mặt của Giang tươi lên. Chính nó đã làm được.

Làm công việc khác như chùi ống nước, sửa máy may, hoặc gắn lại món đồ chơi, tôi cũng theo cách đó cả. Phải dùng thứ dụng cụ nào. Phải làm cách nào ? Khi tay của Giang đủ sức, tôi khuyến khích nó làm. Đến năm tuổi nó đã sửa chữa được mọi việc vụn vặt trong nhà. Tỉ dụ như tôi bảo :

— Cái nút thùng giặt đứt dây rồi.

Giang đi tìm dụng cụ và trong chốc lát cho hay :

— Đã sửa rồi.

Dạy trẻ con làm việc bằng tay để sau này nó sinh nhai bằng trí óc, có nhiều bạn cho là chướng. Nhưng tôi vẫn giữ, không chịu bỏ ý đó. Nếu Giang đạt được địa vị ngày nay là tại nó biết thực hành những điều học ở trường. Nhiều bạn học của nó thông minh hơn, nhưng về sau gặp khó khăn nhiều hơn. Nhờ làm việc bằng tay mà trí tuệ nó mở mang hơn.

Trong lúc lớn lên, có khi nó hỏi tôi : « Cái này chuyển động làm sao được ba ? » Tôi thường hay dùng câu hỏi của nó để đáp lời nó. « Con xem thử nó chuyển động cách nào ? » Và nó vui thích khi tôi nói thêm « Tháo ra mà xem ». Tôi giúp nó tháo nhiều bộ

máy. Tôi cũng nhân đó mà học thêm nữa.

Ngày nay, không có vật gì trong nhà hoặc bộ phận nào trong xe mà Giang không sửa được, vì nó nghĩ ngợi về cách sửa, ghi chép sự chuyển động các bộ phận mà nó tháo ra và tìm hiểu sự liên quan. Hơn nữa, nó tập được trí tò mò, tìm hiểu sự vật xa lạ chung quanh nữa.

Mới vừa tập nói bập bẹ nó đã dùng đèn máy đánh chữ. Hằng tuần đã đánh những hàng vô nghĩa. Rồi một ngày nọ tôi thấy được một tờ giấy có chữ « nóng ». Khi tìm một chữ có nghĩa để đánh, nó nhớ lại chữ ghi trên vòi nước buồng tắm và đã sản xuất được tác phẩm văn chương đầu tiên đó. Đánh máy chữ giúp nó học âm tả.

Mẹ nó và tôi không bao giờ chịu để nó trả lời một cách không nhất quyết. Có điều chi phải giải quyết, chúng tôi hỏi nó trước. Nếu trong ba chúng tôi không ai trả lời được dứt khoát, chúng tôi tra sách hoặc hỏi các nhà chuyên môn. Có khi tôi đưa nó tới một ga, ra để nhờ thợ máy giải thích một vấn đề kỹ thuật xe hơi mà tôi không hiểu nổi.

Từ ngày thẳng Giang còn thơ ấu, tôi cố làm cách nào cho khi gặp một lý thuyết hay một nguyên tắc thì trong đầu nó hiện ra một hình ảnh cụ thể. Ngày mà nó hỏi tôi tại sao tàu thủy bằng thép lại không chìm xuống nước, tôi cố giảng cho nó, nhưng nó vẫn không thấy lý do. Vài ngày sau, thừa lúc nó thả tàu chơi trong bồn tắm, tôi dùng cái đĩa bằng thủy tinh để giảng

giải thì cái chận giấy chìm và cái đĩa bằng thủy tinh rõ ràng nặng hơn thì lại nổi. Thăng Giang hiểu được nguyên tắc ngay. Về sau tôi nghe nó giảng một cách minh bạch nguyên tắc Archimède cho một người lớn, mà người này không hiểu gì ráo.

Khi nó đem về nhà cuốn sách địa lý đầu tiên, tôi mua cho nó một quả địa cầu. Chúng tôi cùng theo dõi trên địa cầu cuộc du hành của Christophe Colomb (Kha-luân-bồ). Chúng phân định các xứ ghi trong chuyện phiêu lưu. Không bao lâu Giang rủ bạn vào phòng để cùng nhau du hành vòng quanh trái đất. Khi phô trương cái kiến thức mới thâu nhập đó, nó phát triển chí thông minh của nó một cách dễ dàng, và đồng thời mở trí thông minh cho bè bạn.

Tôi chuẩn bị hoàn thành kiến thức tổng quát về vũ trụ bằng cách cho nó thấy những điều cực nhỏ. Sự đổi chiều, tự nó phát triển trí khôn của trẻ con. Tôi bèn mua một kính hiển vi cũ. Giang kiếm sâu bọ, lá cây, bông hoa và mảnh đá vụn ; ngày hôm đó vũ trụ hiện dưới mắt chúng tôi qua mặt kính.

Bạn sẽ bảo tôi : « Bao nhiêu đó làm mất bao nhiêu thời giờ và nhần nại ? » Thời giờ thì không, nhần nại hẳn là có. Phụ-huynh nào cũng vậy, có một con hay bốn con còn phải phí nhiều thời giờ hơn để giải đáp những câu hỏi chúng đặt ra, để rèn luyện tính nết và để chỉ cách tiêu khiển cho chúng. Thời giờ đó, chúng tôi chỉ cố gắng dùng một cách xây dựng. Chúng

tôi biến câu hỏi của Giang thành ra trò chơi và những cuộc phiêu lưu thúc đẩy Giang và bạn hữu vào những lời đi lý thú. Nghị lực của trẻ con có thể đưa chúng thành tựu được nhiều việc, với điều kiện là cha mẹ thỉnh thoảng phải can thiệp giúp đỡ, đánh vào chiếc vòng để nó giữ tron chạy mãi.

Lại nữa, dạy thăng Giang, chúng tôi mở thêm kiến thức cho mình. Để giải thích điều nó hỏi cả gia-đình phải tìm học thêm cái mới. Chúng tôi cũng nhận thấy chúng tôi nhần nại phải chỗ. Bởi vì, tập dượt một đứa trẻ tốt tính chúng ta khỏi xài phí nhiều nghị lực để sửa chữa lỗi lầm cho nó sau này.

Giang là đứa trẻ bình thường và nó cũng có thời giờ để chơi và làm quây quã như bao nhiêu đứa trẻ con khác. Nhưng chúng tôi không muốn tuổi thơ ầu của nó bị phí phạm cho tuổi thành niên, và vì lẽ đó chúng tôi hướng sở thích của nó về những hoạt động vừa chơi vừa học tập.

Chúng tôi đặc biệt tự hào đã coi con như người lớn. Nhìn cái thái-độ kiêu hãnh của nó khi nó đem quả cầu và kính hiển vi đưa cho bạn bè xem, chúng tôi hiểu rằng trẻ con thích được một phẩm cách mà người lớn chúng ta xúc phạm một cách quá dễ dàng khi chúng ta tặng nó những đồ chơi không giá trị và không ý nghĩa. Từ ngày đó chúng tôi quyết định tặng Giang những đồ chơi cỡ lớn, nếu chúng tôi đủ sức sắm được. Khi nó xin chúng tôi một hộp dụng cụ, chúng

TÔI DẠY CON TÔI CÁCH NÀO ?

tôi cho nó thứ thiết và chúng tôi nhận thấy tiền tiêu không mất, vì nó tập giữ gìn dụng-cụ.

Ngày lễ giáng-sinh kẻ đó, vét các đáy tủ, tôi tặng nó được một bản in rập tay cỡ khá lớn và vài bộ chữ in. Nhìn món quà đó mắt nó sáng lên. Tôi thấy ngay rằng nó kiếm tiền được với thứ dụng-cụ đó và tôi đề-nghị với nó mở một cửa hàng. Tại sao không in những đồ vật vạnh cho hàng xóm ? Vật liệu còn thiếu, tôi bỏ tiền ra mua thêm và chúng tôi hợp tác với nhau. Tôi lại và nhất là chiều thứ bảy tôi giúp nó làm việc

Tùy theo phương tiện sẵn có, chúng tôi dùng các cuộc du ngoạn để hoàn thành sự giáo-dục của con, bằng cách liên-lạc các cuộc du-lịch đó với lịch-sử học ở lớp, và để huấn luyện cho nó tinh-thần thực tễ, chúng tôi giao nó giữ chìa khóa khách sạn, soạn va-li, cho tiền nước phu khuân vác, mua giấy xe lửa và gửi hành lý.

Khi nó xa chúng tôi để vào học trường mỹ-nghệ, tôi lại đem hết tiền để giành ra đánh đổi một cuộc thí-nghiệm: giao cho nó trọn một số tiền cần dùng trong một năm. Tôi bảo nó :

— Con không được viện một cơ nào để hỏi thêm nữa, nếu còn dư thì con giữ lấy. Mỗi tháng con gửi cho cha bản lược kê tiền tiêu phí.

Tôi không phải cho thêm nó một đồng nào nữa, mặc dầu trong năm đầu nó phải tóm vén khó nhọc để mua một máy khâu thanh. Thái lại cuối năm thứ tư nó đề dành được một món tiền lớn. Giao cho quản lý lấy tiền bạc cũng là giúp vào sự giáo-dục của nó ; nó hiểu thắm thía giá trị đồng tiền mà người lớn có kẻ không hiểu được.

Phần nhiều những kinh nghiệm mà trong lúc dạy thẳng Giang chúng tôi nghĩ tới là một lỗi giáo dục mà chỉ có phụ-huynh mới lo được cho con cái mình. Hẳn là còn nhiều lỗi khác hợp với con trẻ khác. Điều cần thiết là phải hiểu rằng sự giáo-dục trẻ con phải được thực hiện từ từ, khởi đầu từ khi nó bắt đầu biết đi, biết nói, và phải có lợi dụng những trò chơi, những câu hỏi và khuynh hướng tự nhiên của nó. Bạn hãy ban cho con bạn cái ân huệ là coi trọng sự thông-minh của nó ; sự phản ứng của nó sẽ làm cho bạn vui sướng.

(Thuật theo Sélection tháng 2 năm 1960)

THIÊN-GIANG

(trong Hội Bạⁿ Trẻ em Việt-Nam)

Đàn không dây

Độc huyền cầm, là đàn một dây, tương đũa là đàn ít dây nhất. Không ngờ lại còn có thứ « *vô huyền cầm* » là đàn không dây. Đó là đàn của Đào-Tiền, ân-sĩ đời Tấn, nhà trử nguyên một thứ đàn không dây, thường đánh đàn không để tỏ ra mình khác với hạng người phàm-tục.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87. Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158. Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BẢO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

Thành-tích

năm mươi năm khoa-học

(1900-1950)

(Xin xem B.K. từ số 81)

KHOA-HỌC NHÂN-VĂN

VỚI tên chung « khoa - học Nhân-Văn » (Sciences Humaines), ta đề ý đến tất cả những ngành khoa - học hiện nay tương đối vẫn chưa có tính cách hoàn toàn xác thực hoàn toàn « khoa-học ». Tên đó bao trùm những khoa như Tâm-lý-học (psychologie), Xã-hội-học (Sociologie), Nhân-chủng-học (Ethnologie) Nhân-chủng-chí học (Ethnographie), Nhân-loại học (Anthropologie), Kinh-tê học (Économie politique), Nhân-sinh địa - dư học (Géographie humaine), Sử - học (Histoire), v.v...

« Tâm-Lý học khoa - học » (Psychologie Scientifique)

Tâm-lý học khoa-học có mục - đích luận-giải thái-độ và hành-động (comportement) của con người và của các trạng-thái tâm-hồn trong trường-hợp mà các lý thuyết đề cập đến có thể được đem ra chứng minh bằng những thí-nghiệm cụ-thể và chắc chắn. Hiểu theo lẽ đó, ngành tâm - lý khoa - học thật ra đã bắt đầu từ cuối thế-kỷ thứ 19 và đã thu được nhiều kết - quả trong vòng 50 năm trước đây. Những kết - quả đó phần nhiều cũng là do những phòng thí-nghiệm về sinh-lý-học thu lượm được. Những nhà khảo-cứu nổi tiếng về tâm-lý như Ebbinghaus (1902), Hicks, Car (1912), Hunter, (1920) Peterson, (1920), Van Tilborg (1936) đã nghĩ ra được nhiều

THÀNH-TÍCH NĂM MƯƠI NĂM KHOA-HỌC

phương-pháp mới và nhiều dụng cụ-đề nghiên-cứu tâm-hồn và cách xử sự của loài vật và của người. Exner đã tìm cách đo thời - gian lâu chóng của các hiện - tượng tâm-lý (phénomène psychique) và đã lập ra ngành « psychochronométrie » (Timh - thần thời-gian trắc - định học).

Ngành đó nay cũng đã thành ra một bộ-môn quan-trọng của Tâm-lý học. Ebbinghaus và Pieron đã nghiên-cứu về sự quên và đã tìm ra được một công thức để diễn đạt định luật của sự quên. Ngay từ năm 1904, R. Simon đã đề cập đến lý thuyết những ký-ức và ấn-tượng (théorie des engrammes). Ông Simon tin rằng óc con người có khả-năng ghi nhớ và tích giữ những hình ảnh. Tuy thế vào thời đó, chưa có thí-nghiệm nào chứng minh được giả-thuyết này cả, và đến giờ thì các máy móc thuộc loại « tự động khí » (cyber-nétique) phần nhiều đều có sẵn những « trí nhớ » (mémoires) rất tinh xảo.

Khảo về tình cảm, người ta cũng chưa đi đến chỗ hiểu biết rõ ràng cơ- chế của tình cảm. Theo lý thuyết của Wundt năm 1896 thì tình cảm có thể tóm tắt vào ba loại: 1) Thích hay không thích — 2) Kích-thích hay yên tĩnh, — 3) Chú-ý hay khước-từ. Các nhà tâm-lý học gọi lý thuyết đó là « lý thuyết ba chiều » (Théorie des trois dimensions). Năm 1902, Titchener đã phê bình lý thuyết này một cách gắt gao.

Trái lại, về sự nghiên-cứu cách diễn đạt các mối cảm động (émotions) người

ta đã thu được nhiều điều mới lạ. Landis (1924) và Luria đã tìm cách phát-sinh các mối cảm động ở trong phòng thí-nghiệm và khám phá ra rằng cảm-động đóng một vai quan trọng trong sự động-viên cơ-thể để phản-ứng lại với hoàn cảnh. Năm 1906, Veraguth tìm ra được « phản ứng « tinh-thần điện-lưu tinh » (Réflexe psycho-galvanique). Năm 1909, Storing đề cập đến tỷ-số $\frac{I}{E}$ giữa hai thời gian của sự hít vào và thở ra. Năm 1914, Benussi áp dụng tỷ-số đó để khám xét xem một người có nói dối hay không? Cách đó ít lâu Marston cũng dùng phương pháp đó, cùng với phương pháp đó huyết - áp (pression sanguine). Các nhà tâm-lý học đều nhận thấy rằng khi người ta bị cảm-động, hoặc khi một tội-nhân định ý nói dối thì hơi thở và huyết-áp mất hết bình-tĩnh, và đều bị biến đổi...

Vấn đề « liên tưởng » (association des idées) cũng đã được nghiên cứu đến bằng cách dùng những kiểm-tra (tests) để thăm dò. Ngay từ năm 1905, Weirtheimer đã biết đem áp dụng phương pháp ấy để quyết đoán xem một người có tội hay không? Năm 1910, Kent và Rosanoff còn làm cho phương pháp đó thêm phần tinh vi. Koffka năm 1912 đã nghiên cứu về sự liên tưởng hoàn toàn tự do của những ý-tưởng...

Ngành « thẩm-mỹ học thí-nghiệm » (Esthétique expérimentale) cũng còn

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

ở trong thời kỳ ấu-trĩ. Woodworth và Bruner năm 1904, nhiên cứu tính ưa thích các màu sắc tùy theo từng người. Lalo năm 1908 và Birkhoff năm 1933 khảo về khiêu thẩm-mỹ các hình thể giản-dị và cầu kỳ (esthétique des formes simples et compliquées)... Năm 1907, Urbantschitch cho ta biết rằng giữa sự tưởng-tượng (imagination) ảo giác hallucination có nhiều quan-hệ trực-tiếp và mật-thiết.

Ngành « Tinh-thần vật-lý học » (psycho physique) được lập ra để nghiên cứu về cảm-giác (sensations). Katz năm 1925, cho ta biết ít nhiều về sự tri-giác (perception) những vật gồ-gề và những vật phẳng lý: Blakeslee và Salmon năm 1935 khám-phá ra rằng mỗi người trong chúng ta có một cảm-độ (sensibilité) khác nhau về vị giác (goût). Cùng một chất Phényl-thiocarbamide đem ra cho nếm, mà mỗi người có một vị-cảm-độ (sensibilité gustative) không giống nhau chút nào. Thêm vào đó, cảm độ của mỗi người còn có thể cha truyền con nối, không hiểu vì lẽ gì (theo tài liệu của Snyder). Về vấn đề thính-giác, Halverson năm 1924 tin rằng người ta có thể nghe một tiếng động mà đoán ra vật phát ra tiếng động, to hay nhỏ. Nhưng thị-giác (la vue) mới là giác-quan được nhiều nhà khảo cứu để ý đến nhất. Cảm giác về màu sắc đã được đem ra thí nghiệm trong nhiều trường hợp. Kohler năm 1917 học về cảm-giác màu

sắc của loài gà, — Burkamp, năm 1923, học về loài cá, và Locke năm 1935, về loài khỉ Rhésus.

Có một số nhà tâm-lý học chuyên chú về sự tạo - tác các ý - tưởng (Concepts) như Fischer năm 1916 và Hull năm 1920, khiêu phát - minh (invention) cũng đã được đem ra để nghiên cứu. Về vấn đề này, Rossman năm 1931 đã điều-tra các nhà kỹ thuật, Platt và Baker năm 1931, điều tra các nhà hoá-học, — Patrick năm 1935 phỏng vấn kỹ càng các nhà thơ trữ-tình, — Hadamard năm 1942 điều tra các nhà toán-học, tựu chung đều muốn dò xét xem khiêu phát-minh có tùy theo các nhà kỹ sư, hoá học, thi-sĩ mà biến đổi hay không ?...

Bác-Sĩ Moniz có thể coi như là người đã sáng tạo ra bộ-môn « Tâm-Lý ngoại-khoa học » (psychochirurgie). Theo lý thuyết của môn này thì trong óc con người có nhiều điểm rất nhỏ bé có liên quan với nhiều cơ-năng tinh thần (facultés mentales) và chỉ phôi đời sống tình cảm của người ta. Vì vậy nếu ta mổ óc và khéo biết tác-động vào những điểm ấy, ta có thể, hoặc thay đổi tính tình con người, hoặc chữa được nhiều bệnh tinh thần. Có nhiều thủ-thuật để sửa đổi lại óc con người như « Bạch-chất thiết-tiệt thuật » (Lobotomie) hay « Bì-chất thiết-trừ pháp » (Topectomie) v.v... Ngoài ra, ngành nội - tiết - tuyến học

🕒 **NÊN ĐỌC VÀ CỎ-ĐỘNG CHO TẠP - CHÍ MAI** 🕒

(endocrinologie) cũng giúp nhiều cho tâm lý học, và ngay đến khoa tâm-hoá học (psychochimie) tuy mới ở thời kỳ phôi thai mà cũng đem lại ít nhiều điều mới lạ, tí như dùng thuốc amphetamine có thể làm tăng thêm minh mẫn cho sự lý-luận...

Nhiều nhà tâm lý học đề cập đến sự dùng các bảng kiểm-tra (tests) để đo lường bả-m-tính tinh thần (aptitudes mentales) của từng người chúng ta một. Số kiểm tra càng ngày càng nhiều. Có nhiều loại kiểm - tra nổi tiếng như những loại của Porteus, của Nadine Kohs ; loại kiểm-tra đứng đầu nhất là loại Matrix, được dùng trong quân đội Anh. Ngoài ra, lại còn nhiều bảng kiểm-tra mục-đích là muốn đi đến chỗ dò biết được cả phẩm-cách con người (personnalité) như kiểm-tra Multiphasic dùng trong quân đội Mỹ. Dĩ nhiên trong các loại kiểm-tra đem ra dùng, có nhiều loại rất khoa-học và trái lại có nhiều hạng cũng rất là viên vông nhắm nhĩ. Thí dụ : kiểm-tra Thematic của Marray có một cơ sở vững vàng, còn như kiểm-tra Rohrschach (1910-1921) dựa vào sự đoán xét con người theo hình những vết mực, thì thật là mơ hồ, vu vơ.

Cũng vì thế mà các nhà tâm-lý học bên Nga, ngại dùng các bảng kiểm-

tra và phần đông, đều không muốn dùng các phương-pháp đó gọi chung là « Tinh-thần công học » (psychotechniques). Trong lãnh vực này ta cũng phải nói qua đến thuyết « sinh-vật định hình » (biotypologie) của Shannon, chia người ta ra làm nhiều loại nhất định, giữa những loại đó, có những loại người trung - gian ». Thuyết ấy, rút lại, cũng chẳng đi đến đâu và cũng bị bỏ rơi như thuyết của Rossolimo năm 1909, định dùng những đồ-biểu (graphique) để tượng trưng phẩm-cách của một người...

Trong ngành tâm-lý-học, người ta nghiệm thấy có 2 trào-lưu lớn đã cải-tô lại cơ - sở của khoa này. Đây là phong-trào « Tinh - thần phân - tích » (psychanalyse) đến nay đã thành hẳn một môn phái cực thịnh—sau nữa là trào-lưu « hành - động tâm-lý-học » (Behaviourisme). Hai trào - lưu đã đem lại một nguồn sống mới cho nền tâm-lý học hiện đại, và tuy hai phái lắm lúc công kích nhau kịch-liệt, tựu chung vẫn đưa tâm-lý học đến những lãnh-vực mới lạ và nhiều hứng-thú.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Ký sau : « Tinh - thần phân - tích học » Psychanalyse.

« Xã » và « tấc »

Người xưa dựng nước rất quý trọng nhân dân. Dân cần có đất ở, nên lập nền « Xã » để tế thần Hậu-thờ; dân cần có lúa ăn, nên lập nền « Tấc » để tế Thần-nông. Mất nước thì mất cả « xã » lẫn « tấc », nên người ta thường dùng tiếng mất xã-tấc, để chỉ sự mất quốc-gia.

THỒN THỨC

Quên mây vẩn và quên luồng gió trái
Chờ phút đây êm ái dịu lo âu
Dầu đau thương tràn ngập các tinh-cầu
Bởi ham sống vẫn tin ngày giải thoát.

Bên hoa ngũ trước vườn trăng thoảng mát
Thả hồn mơ đợi uống chút hương đêm
Bóng lung lay, bông lý rụng trên thềm
Bao hy-vọng xanh tươi vừa héo hắt...

Đương luyến tiếc, ánh sao hôm bùng mắt
Khoảng cao vời như biển lặng chiều thu
Trời đã quang, tiềm-thức vẫn âm u
Dò ần-ý muốn gì đây chẳng rõ ?

Thôi hãy biết trăng sao còn rạng tỏ
Hẹn ngày mai thiên-lý lại gây hương
Nỗi ưu-tư tan giãn với màng sương
Lòng tự nhủ, để mèn nghe, thồn thức.

Đ.T.

NHÂN XEM TRƯỜNG-CA

« CON ĐƯỜNG CÁI QUAN » CỦA PHẠM-DUY

◎ TRẦN-VĂN-KHÊ

KHÍ tôi nhận được bản in của trường ca « Con đường cái quan », tôi đọc một mạch và hát đi hát lại những bài mà tôi đã được nghe Phạm-Duy hát khi trường ca này còn trong « thời-kỳ » thai-nghén ».

Tôi nhớ lại, vào lúc đầu năm 1955, thuê Phạm-Duy sang học nhạc tại Ba-Lê, mỗi chiều thứ ba, Phạm-Duy đến tìm tôi để cùng đi dự-thính buổi diễn-thuyết của Giáo-sư Chailley (Sai-ê) về môn nghiên-cứu nhạc. Thường, thì Phạm-Duy đến sớm, và nói chuyện âm-nhạc với tôi. Phạm-Duy hát những điệu dân-ca mà anh đã nghe hoặc đã ghi từ lâu, hay những bài nhạc mà anh dự định sáng tác. Câu chuyện rất lý thú, nên tôi thường để máy ghi-âm giữ lại mấy điệu mà Phạm-Duy hát cho tôi nghe. Đến nay, tôi vẫn giữ cuốn « băng » ấy. Vặn nghe lại, tôi rất sung-sướng mà thấy rằng người lữ-khách trong trường-ca, từ

năm 1955 « đi từ ải Nam-Quan » mới gặp cô lái đò miền Trung-du, mà ngày nay đã tới mũi Cà-mau ; tôi sung-sướng khi thấy bạn thực-hiện một ý định, khi biết rằng nhạc-phẩm vừa ra đời có một giá-trị về văn-nghệ. Nhưng cũng có nhiều điểm tôi không đồng ý với tác giả. Tôi định viết thư riêng cho Phạm-Duy, kể một người bạn thân, anh Ngu-Í, ngỏ ý muốn tôi viết bài « phê-bình » trường-ca « Con đường cái quan ». Phê-bình là một chuyện rất khó. Xưa nay tôi không thích phê-bình. Trong đời, không ai toàn-thiện, toàn mỹ. Và trong một sáng tác nào, cũng có một vài điểm mà theo ý riêng của mình, hoặc theo một nguyên-tắc thẩm-mỹ mình áp-dụng, không làm mình thỏa-mãn lắm. Nhiều khi mình lại không biết rõ thâm-ý hay dụng-ý của tác-giả mà lại phê-bình một tác-phẩm ngang qua sự nhận-thức của mình, tôi sợ không làm tròn phận-sự đối với tác-giả và cả với độc-giả.

Những người chuyên môn về khoa phê-bình, đọc qua một tác-phẩm thấy liền và thấy rõ những ưu-điểm hay khuyết-điểm. Tôi tự biết mình thường hay thấy ưu-điểm rồi quên khuyết-điểm chủ quan hơn khách quan, nên không thích phê-bình, nhất là phê-bình một người bạn ; liệu tôi có giữ được hoàn-toàn một thái-độ vô tư chăng ?

Nhưng, lần nữa mãi, muốn viết thư riêng cho Phạm-Duy mà bận bao nhiêu việc, nên cứ ngày qua ngày, chưa thực-hiện được ý định. Tôi phải nhận viết bài về nhạc phẩm « Con đường cái quan », để có dịp sắp đặt lại những ý-kiến của tôi về nhạc phẩm ấy, không phải để « phê-bình », mà để nói chuyện với Phạm-Duy và các bạn đọc về vài « nhận xét » của tôi sau khi đọc và hát nhiều lần thiên trường-ca ấy.

*
* *

Trường-ca « Con đường cái quan » là một nhạc phẩm có giá trị về phần ý cũng như về phần nhạc.

Ai cũng muốn được như « Người lữ-khách, đi trên đường xuyên Việt, đi từ Ai Nam-Quan đến mũi Cà-Mau » (...) đi để « nối liền được lòng người và đất nước ». Ai cũng mong rằng con đường ấy không có ranh-giới để đồng-bào trong một nước có thể nắm tay nhau mà xây đắp một ngày mai tươi sáng.

Người ở « miền xuôi » hay « miền núi », ở giữa « ruộng nghèo » hay « ven bờ bể sâu », người ở « Đồng-Đang nhớ nàng Tô-Thị » hay là « về Cà-Mau, chiến đấu với rừng tràm, với lũ muỗi đặc dày như đám mây », đều thấy « bản khoán

thương ai đầu nguồn ». Ở đầu nguồn, có tổ-tiên chúng ta, những người đã lập lên nước Việt, đã khai-phá, những vùng hoang-vu. Nhân vật chánh là một lữ-khách, một người Việt trong dân chúng. Có nhắc đến một trăm người con của vua Lạc-Long quân và bà Âu-Cơ là chỉ nhớ đến cội nguồn. Có nhắc đến công-chúa Huyền-Trân là để nhắc đến sự hy-sinh của một thân gái như « cây quế giữa rừng » đem hương sắc mình đổi lấy Châu-Ô, Châu-Ri, mở mang thêm bờ cõi. Những nhân-vật anh gặp trên đường cái quan là cô cất cỗ, cô lái đò, một bà mẹ, và cô gái miền Nam — mà sau này trở nên người vợ của lữ-khách —, cùng dân chúng miền Thượng-du, miền Trung và miền Nam, toàn là những người trong dân gian. Theo mấy lời nói đầu của tác-giả, thì người lữ-khách « đi trong lịch-sử và lòng dân ». Về lịch-sử, chúng tôi thấy rằng trừ 100 người con của bà Âu-Cơ, Huyền-Trân công-chúa, vua Lê, chúa Nguyễn, không có những « trạm đường » khác, nơi mà lữ-khách có thể dừng chân trên con đường « nối liền đất nước » như con sông Gianh ngày xưa chẳng hạn. Nhưng trong một loạt bài hát nhỏ để làm một bài trường-ca không thể nói hết những giai-đoạn lịch-sử đáng kể. Ý chánh của tác-giả là « nối lại nhịp cầu », « nối lại lòng dân ». Tác-giả đã khéo gọi những phong-cảnh của ba miền.

Từ Nam-Quan, vùng biên-ải quan san, có núi, có đèo, có nhịp cầu tả-tối », lữ-khách đi đến Thăng-Long, Hà-Nội, đến thủ-đô rồi vô xứ Huế có tiếng chuông Thiên-Mụ, có dòng nước lờ đờ của Sông Hương, đi dọc theo miền duyên hải, « leo qua cồn cát » « vượt đèo Hải-vân » để đi vô đến « cánh sông Đồng-Nai »

NHÂN XEM TRƯỜNG CA...

đến miền Nam tận mũi Cà-mau để « đốt ngọn lửa vui ». Miền Bắc, có nhiều di tích lịch sử như Ai Chi-Lăng, như Tháp Rùa. Miền Trung thơ mộng với ngọn trúc là-đà, nhưng « ruộng còn nghèo » chẳng được phì nhiêu như giải « đất phù sa » miền Nam với bao nhiêu cây ngon trái ngọt, xóm dừa vườn chuối. Với « bầu vú sữa tròn, và mảnh trái thơm giòn, vú hương sấu riêng ngọt ngon ». Qua mỗi vùng, người lữ khách lại nghe giọng nói địa phương. Cô gái miền Bắc gọi người đi đường bằng câu :

Hỡi anh đi đường cái quan

Dừng chân đứng lại cho em đây than đôi lời.

trong khi cô gái miền Nam gọi :

Bớ anh đi đường vắng đường xa

Dừng chừn đứng lại nghe em ca đôi lời.

Đến miền Trung, nghe dân vùng ấy gọi :

Ai đi trên đường là dạm đường

Đi mô mà vôi-vã, cùng hò khoan tôi mời...

Lời ca lại rất đẹp. Từ trước đến giờ, tôi chỉ thấy Mai-Văn-Bộ, Lê-Thương và Phạm-Duy là đặt lời đẹp nhất — từ năm 1950 đến giờ tôi không theo sát phong trào nhạc mới nên có thể có nhiều người khác đặt lời đẹp mà tôi chưa biết — Có điều tôi chắc là trong hầu hết những bài hát của Phạm-Duy, lời và nhạc chẳng những hay, mà lại có tánh cách giản dị, mộc mạc và nên thơ của những bài ca-dao. Những câu lục-bát, lục-bát biến thể, hay những câu lục-bát có thêm tiếng đệm được phổ-nhạc một cách tài tình — Như trong bài « *Này người ơi !* »

*(Này) người ơi ! ghé bến (ý) sang sông
Lên đường đi tới, bõ công (em) chèo thuyền.*

*(Mừng) người đi tìm thấy tình duyên
Con đường đất nước nối liền lòng dân.*

hay là trong bài « *Tôi xa quê nghèo ruộng nghèo* »

Anh đi chân cứng đá mòn,

Đi chưa thấy mỏi (mà) lòng còn say sưa.

hoặc trong bài « *Ai vô xứ Huế thì vô* »

(Nhưng) con ôi, con ngủ ngủ sâu

*(Chứ) Nối lại nhịp cầu (chứ) đã có (o ô) (ư)
người (à) đi*

Trong bài « *Nước non ngàn dặm ra đi* », lời lại đặt theo thơ mới 4 chữ, nhưng rất nhẹ nhàng, thích hợp với giọng đàn Nam lưu luyện :

Nhưng ánh Tháp vàng

Cây quế giữa rừng

Chỉ một mùa tang

Lá hương (là) sắc tan !

Tàn cả tình yêu !

Vì hận còn gieo

Đất nước cháy theo

Với ngọn lửa thiên !

Vì Phạm-Duy cẩn-thận trong chi-tiết lúc đặt lời, nên mỗi khi chúng tôi gặp những chữ hoặc quá mới, hoặc dùng không sát nghĩa là chúng tôi thấy buồn buồn như thấy mấy vết nhỏ trong một hạt kim-cương.

Có những chỗ sơ ý nhỏ nhỏ như trong bài « *Nhờ gió đưa về* », lúc người lữ-khách vào miền Nam, ngôn-ngữ địa-phương đã thấy rõ trong mấy chữ « *Bớ anh, và*

dùng *chun*, thế mà tác-giả lại viết « mảnh trái thơm *ròn* », thay vì *giòn*. Nếu là tại người sắp chữ thì tác-giả nên chữa lại trong khi tái bản vì chữ *ròn* làm phần nào mất màu sắc đặc biệt miền Nam. Cũng như chữ « *kéuh* » và *Cà-máu* thay vì *kính* và *Cà-mau* trong bài Cửu - Long giang và *giã ơn, gửi ơn* thay vì *trả ơn* và *gởi ơn* trong bài « *giã ơn cái cối cái chày* », *chày* chớ không phải *chày*. Tác-giả lại dùng những chữ, đối với tôi, rất lạ như « *khởi chừng* ».. trong câu « *Năm mươi người trảy theo sông tới khởi chừng* ». Thú thật, tôi không hiểu « *khởi chừng* » là thế nào và những tự-điển tiếng Việt và Hán-Việt cũng không soi rõ nghĩa của hai chữ *khởi* *chừng* cho tôi.

Cũng như cây « *nhà sàn lả - lơi* », làm tôi tự hỏi *lả lơi* cách nào? *Lả - lơi* dùng để chỉ những dáng điệu không đứng đắn. (Xem trong âu-yếm có chiều *lả-lơi*) Nghe lại cuốn băng thâu thanh bài. « *Người về miền xuôi* » năm 1955, tôi nghe tác-giả hát câu « *Nhà sàn tả-tơi* » có nghĩa hơn.

Trong bài « *Nhờ gió đưa về* » có mấy câu :

Có mái tóc *xuề xòa* v. v... Đôi môi xinh hàm răng *xít xa*; « *xuề xòa* » có nghĩa là không khó tính, thế nào cũng được: Anh ấy tính người « *xuề xòa* ». Mái tóc thì chỉ có thể « *xòa* » hay là « *xoã* » mà không thể « *xuề xòa* ». Chữ *xít xa* nghe giống « *xuyết xoa* » mà *xuyết xoa* trong Nam nói là *bít hà*— Có lẽ tác giả muốn nói đến hàm răng « *khít khao* » chăng?

Trong bài « *Giã ơn cái cối cái chày* » lại có câu: « *Chùa chiều nay rung chuông trên*

luống cày, chữ rung có nghĩa là lay, là lắc, là làm cho chuyển động. Nhưng rung chuông lại gợi hình ảnh một người cầm cái chuông nhỏ như loại chuông mấy người bán « *cà rem* », « *bông cỏ* » mà lắc, hoặc chuông có lớn lắm cũng bằng loại chuông rung trước khi mở màn sân khấu. Trong chùa thì chú tiểu « *dộng chuông* ». Hay là nếu tác giả viết tiếng chuông « *ngân* » trên luống cày, chúng tôi hiểu hơn.

Mấy điểm nhỏ tôi vừa nêu ra, không làm giảm giá-trị của trường-ca « *Con đường cái quan* ». Có thể Phạm-Duy, không để ý đến chi tiết ấy, nhưng tôi nêu ra gọi là để thảo luận với tác giả để khi tái bản trường ca « *Con đường cái quan* » không còn những chữ có thể làm lạ tai thính giả.

Về phần nhạc, ai cũng nhìn nhận rằng Phạm-Duy đã chịu ảnh hưởng dân-ca rất nhiều, nên trong khi sáng tác hay phỏng tác, Phạm-Duy boặc còn giữ lại, hoặc làm đẹp thêm, nhạc khúc duyên-sáng của dân-ca. Tác-giả không những khéo dùng những dân ca đặc biệt mỗi vùng như điệu hát ví, hát ru, hát lượn của miền Bắc trong mấy bài « *Anh đi trên đường cái quan* », « *Đồng-Đang có phố Kỳ-Lừa* », và « *Người về miền xuôi* », điệu hát lý, hát ru, hò giã gạo, hò trên sông của miền Trung trong các bài « *Ai đi trong gió sương* », « *Ai vô xứ Huế thì vô* », « *Ai đi trên dặm đường trường* », « *Gió đưa cành trúc la đà* », những điệu hò lơ và ru em của miền Nam trong bài « *Đèn cao Châu-Độc gió độc Gò-công* » và « *giã ơn cái cối cái chày* ».

Có khi Phạm-Duy giữ nguyên nhạc khúc ca như bài « *Đồng-Đang có phố Kỳ-Lừa* » « *Ai đi trong gió trong sương* »

Có khi tác giả làm cho điệu dân-ca phong phú hơn mà không mất dân-tộc tính. Như « *Ai đi trên dặm đường trường* » (Hò già gạo.) Có khi tác-giả phỏng theo một điệu dân ca mà sáng tác một đoạn ca khác như bài « *Đền cao Châu-Độc gió độc Gò-Công* » phỏng theo điệu Hò lơ.

Ngoài ra tác-giả còn phỏng theo hơi Nam trong thể ca Huế mà sáng tác bài « *Nước non ngàn dặm ra đi* ». Nhạc-khúc và lời đã đẹp, lại ăn với nhau không kém những bài Nam-Ai, Nam Bằng trong cổ nhạc.

Có hơi Nam của nhạc Huế, có hơi oán của nhạc miền Nam, và trong bài « *giã ơn cái cối cái chày* » có hơi oán trong câu hát ru em.

Đối với một nhạc-sĩ biết nghề và có biệt-tài như Phạm-Duy mà khen câu nhạc đúng luật cân phương, khen cách chuyển cung chuyển điệu khéo là thừa.

Tôi chỉ nhấn mạnh chỗ tác-giả khéo sắp đặt các đoạn-ca để cho sau một bài có tiết-tấu rõ-rệt, có một bài hát ngân-ngã theo nhịp tự-do. Từ đoạn-ca này đến đoạn-ca khác, từ cung nọ đến cung kia, ta không thấy sự hời-hợt, chấp-vá.

Nhiều nhạc-khúc, viết theo hệ-thống tứ-âm (système tétratonique mi, la, si, ré) như bài « *Ai vô xir Huế thì vô* » chẳng hạn trong hai bài, phỏng theo điệu Hò già gạo. Mấy câu « *Đường máu xương đã lắm oan thương* », « *Đổi sắc hương lấy cõi giang-sơn* » viết theo hệ-thống tam-âm (tritonique, la, ré, mi) và hai câu « *Đèo núi cao nghe gió vi vu, Thổi phách son bay tới kinh-đô* », cũng trong hệ-thống tam-âm mà trên một

bực khác : mi la si. Trong bài « *Nước non ngàn dặm ra đi* », Phạm-Duy dùng hơi Nam rất rõ-rệt. Từ hệ-thống ngũ âm (pentatonique) rê, mi, xôn, la, si, (hò, xư, xang, xê, cồng) của đoạn đầu, nhạc-sĩ chuyển sang hệ-thống ngũ-âm khác đô, rê, mi, xôn, la (phan, hò, xư, xang, xê), trong đoạn « *nhưng ánh tháp vàng* »... đến « *tàn cả tình yêu* » — để trở lại hệ thống đầu trong đoạn cuối. Thỉnh thoảng có nhiều câu thuộc về hệ-thống tứ âm (ré, xôn, la, đô) như câu « *chỉ một mùa tang...* » đến « *ngọn lửa thiếu* ».

Khi nhạc khúc từ một hệ thống ngũ âm này chuyển sang một hệ thống ngũ âm khác hay là sang một hệ thống tứ âm, tam âm, để trở về hệ thống đầu tiên, những nhà nghiên cứu nhạc bên Âu-Châu gọi nhạc pháp ấy là métabole mà chúng tôi tạm dịch là « chuyển-hệ ». Chuyển - hệ là một đặc-điểm của các lối nhạc ở Á - châu hay là các lối nhạc trong hệ-thống ngũ-âm như dân-ca Hung-gia-lợi chẳng hạn. Trong nhạc Việt, chuyển hệ là một đặc-điểm của hơi Nam, của nhiều bài hát Chèo và Châu-Vân. Phạm-Duy đã dùng cách « chuyển-hệ » ấy mà viết nhạc và nhờ thế mà bài « *Nước non ngàn dặm ra đi* » có rất nhiều dân-tộc-tính. Chúng tôi rất vui mừng khi thấy một nhạc-sĩ linh hội được cổ-nhạc, học cổ nhạc đến « tiêu-hoá » được các bí quyết để sáng tác một lối nhạc mới nhưng nền tảng và đặc-điểm của cổ-nhạc vẫn còn.

Vì trường ca « *Cơn đường cái quan* » là một nhạc phẩm có giá-trị, nên chúng tôi thấy có ba điểm cần thảo-luận với tác giả.

10/ Về cách chép nhạc.

Nhạc sĩ dùng nhiều điệu dân ca Việt, nhiều hệ thống tam âm, tứ âm hay ngũ-âm,

thì không thể coi những bài đoản ca ấy là những bài nhạc thuộc về loại « nhạc thể » (musique tonale) và cũng vì thế mà không nên để dấu thăng (dièse) hay dấu giảm (bémol) sau khóa xôn. Để các dấu ấy có thể làm cho nhạc-sĩ bị ba lỗi :

A — Những dấu thăng hay giảm ghi tại « hoá biểu » (armature, theo quyển Danh-từ âm nhạc của Tống-Ngọc-Hạp) nhiều khi không ích lợi gì cả : Như trong bài « *Đồng-Đang có phố Kỳ-Lừa* », tại hoá biểu có 3 dấu thăng, mà chỉ một dấu có công dụng là dấu đô thăng còn dấu *fa* thăng, trong khúc điệu thành *fa* thường nên nhạc-sĩ hai lần phải để dấu hoàn (bécarre) còn *dấu thăng* trên nốt *xôn* không ích lợi gì cả, vì trong toàn bài không có một nốt *xôn* nào.

Trong bài « *Này người ơi* » cũng thế ; không có một nốt *xôn* nào cả thì dấu thăng để ngay nốt *xôn* ở hoá biểu không có công dụng của nó.

Trong bài « *Ai vô xứ Huế thì vô* », nhạc khúc không theo điệu hát ru ở Huế — Điệu này thuộc về hệ-thống tứ-âm (tétratonique). Thành ra hai dấu thăng ghi ở hoá biểu ngay hai nốt *fa* và *đô* không ích lợi gì cả. Trong toàn bài không có một nốt *fa* và một nốt *đô* nào.

Trong bài « *Nước non ngàn dặm ra đi* » và *Gió đưa cành trúc là-đa* không có nốt *fa* thành, bài « *Tôi xa quê nghèo, ruộng nghèo* » và « *Ai đi trên dặm đường trường* » không có một nốt *fa* thăng và một nốt *đô* thăng bài « *Đèn cao Châu-Đốc* » không có một dấu si giảm (si b)

Theo lẽ thì nhạc-sĩ Phạm-Duy phải để hoá biểu tron không có dấu chi cả. Rồi

trong bài mỗi khi cần là thêm các dấu biến vào.

Thí-dụ như trong bài « *Đồng-Đang có phố Kỳ-Lừa* » trước mỗi nốt *đô*, nhạc-sĩ để một dấu thăng.

b) Để tất cả dấu thăng tại hóa biểu, không những không ích gì lại có hại : Vì thấy hai dấu thăng tại hóa biểu trong bài « *Ai đi trên dặm đường trường* » chẳng hạn, người ta nghĩ ngay đến « nguyên thể » hay là « tông » rê trưởng (Ton de ré majeur) Như thế, nhạc - khúc của bài có dân-tộc-tính và đặc biệt là nhờ ở chỗ thuộc « lối nhạc thiên về điệu » mất đi.

c) Hại nhất là vì thấy hai dấu thăng như thể người phụ - họa nghĩ ngay đến hợp - âm rê trưởng : rê, *fa* thăng, *la*, và hợp - âm *la*, *đô* thăng, *mi*, *xôn*. Thành ra trong phần phụ - họa sẽ có hai nốt lạ là *fa* thăng và *đô* thăng. Nhạc khúc bài « *Ai đi trên dặm đường trường* » nhờ không có hai nốt *fa* thăng và *đô* thăng mà có nhiều dân - tộc tính. Phần phụ họa được thêm hai nốt ấy vào nhạc-khúc sẽ không còn chất nhạc Việt nữa.

Theo chúng tôi, thì nhạc sĩ không nên để các dấu thăng, giáng ở hóa-biểu và trong phần phụ họa nên dùng cách « rải » (arpège) như chữ *Á* của đàn tranh. Trong bài « *Ai đi trên dặm đường trường* », có thể dùng những hợp âm rải « *la*, *rê*, *mi*, *la* », hay là « *rê*, *mi*, *xôn*, *la* » v.v... Bác sĩ Mitsukuri một nhạc-sĩ Nhật-bản có gửi cho tôi một bản nghiên-cứu về cách phụ-họa những bài hát Nhật. Theo ông, thì nếu dùng hợp thanh hoàn toàn (accord parfait) dân-tộc-tính của nhạc Nhật-Bản mất đi và ông cho nhiều thí-dụ trong đó những

« hợp - âm không có quāng ba » (tierce) chẳng những có thể, mà còn nên dùng để phụ họa những bài hát Nhật-Bản. Chúng tôi rất đồng ý với nhạc-sĩ Mitsukuri về cách phụ-họa như thế.

2^o/ *Điểm thứ nhì là việc ghi những chữ nhấn rung trong những bài dân ca và hơi Nam.*

Trong bài « Nước non ngàn dặm ra đi » Phạm-Duy dùng hơi Nam mà sáng tác một nhạc khúc rất đẹp. Trên các dấu *la* nhạc sĩ ghi thêm dấu \leq tức là « nhấn rung trong cổ nhạc ». Nhưng nhạc-sĩ lại để dấu *són* thường. Theo hệ thống cổ nhạc thì nốt *xôn* ở ngay chữ *xang* mà trong hơi Nam, đàn chữ *xang* phải nhấn mạnh và rung. Một trong những đặc điểm của hơi Nam là chữ *xang* giọng hơi cao hơn chữ *xang* của giọng Bắc. Người đàn phải « nhấn rung » chữ *xang* mới ra hơi Nam, thành ra ngay nốt *xôn* tác giả cũng nên để dấu \leq cũng trong tinh thần đó mà nốt *la* trong bài « Đồng-Đang có phố Kỳ-Lừa cần có dấu \leq Và trong « Đi đâu cho thiệp theo cùng » chính nốt *ré* là ngay chữ *xang* và vì vậy mà dấu tác giả để trên đầu các nốt *ré* rất hợp.

3^o/ *Điểm thứ ba là về hai bài hành khúc Cửu-Long-Giang và « già ơn cái cối cái chày ».*

Tôi nghĩ có lẽ Phạm-Duy cho rằng miền Nam chịu ảnh hưởng Âu-Châu rất nặng, hay là khi đến miền Nam người lữ-khách đi từ thời xưa đến đời nay, đến mà Việt nhạc bị ảnh hưởng Âu nhạc rất nhiều, nên hai bài hành khúc, không còn dân tộc tính của nhạc Việt nữa.

Đoạn đầu bài « Cửu-Long-Giang » nặc mùi nhạc Âu vì những nốt *ré* và *xôn* thẳng nhạc khúc của câu « người về Tiền-Giang đi về xa xăm » và câu « người về Hậu-Giang xây tổ uyên ương » không có tí gì của Việt nhạc cả.

Và nhạc khúc của mấy câu « về Hà tiên ta tiên chửa ra khơi » thì lại đượm mùi nhạc cao bồi Mỹ.

Bài nhờ gửi đưa về thì đoạn đầu phảng phất điệu hành khúc Nga từ cách chuyển cung đàn nhạc hưởng chung của khúc-diệu. Đến đoạn cuối cùng — mà theo lẽ tác giả

Đồ dầu trên lửa

Horace, thi-sĩ la-tinh, có câu: « *Oleum adde camino,* » Versez de l'huile sur le feu, *Đồ dầu trên lửa.* Câu đó trở thành tục-ngữ, có nhiều thể khác nhau, mà tựu trung đều có nghĩa như trên cả: *oleum in incendium, oleum in igne, ignis oles.* Ngôn-ngữ Trung-Hoa cũng có câu: « *Hỏa thượng thiêm du,* », *Lửa cháy đồ thêm dầu,* nghĩa đúng như câu thơ của thi-sĩ Horace.

TRẦN-VĂN-KHÊ

nên để hai dấu thăng tại hóa biểu vì toàn thể đoạn ấy ở trong cung rê trưởng (ré majeur) :

[Chỉ có trong phách chót, chữ *xôn* có dấu thăng để chuyển sang cung *la* (hoặc *la* trưởng hay *la* thiếu *la mineur* của đoạn đầu)]
- nhạc khúc lại nặc mùi nhạc Âu.

Tôi chẳng rõ dụng ý của Phạm-Duy là thế nào. Riêng tôi phần thứ ba : đoạn vào miền Nam kém xa hai phần đầu và người nhạc-sĩ khéo dùng dân-ca cổ-nhạc đã nhường chỗ cho người nhạc-sĩ chịu ảnh hưởng Âu-nhạc và sáng-tác Việt-nhạc với những nhạc-khúc ngoại-lai.

Dẫu cho Phạm-Duy có dụng ý nêu lên ảnh hưởng của Âm nhạc trong Việt nhạc, hay có ý định thay đổi màu sắc của bài trường ca, riêng đối với chúng tôi, những câu nhạc

nửa Âu nửa Á, nửa Mỹ, nửa Việt làm tôi tiếc người nhạc-sĩ sáng tác hai phần đầu, người nhạc sĩ đã đem dân ca lên một mức khá cao để rồi « phụ bạc dân ca » trong phần chót của nhạc phẩm.

Dù sao, với ý chánh của bài dân ca là sự nối liền nước Việt, với cách kết cấu để cho người ca sỹ có thể trình bày riêng những đoạn ca hay là cả nhạc cảnh với sắc phục của ba miền với giọng nam, giọng nữ, đơn ca hợp ca, trường-ca « Con đường cái quan » là một nhạc phẩm có giá-trị, mặc dầu có 3, 4 bài đoạn ca làm chúng tôi thất vọng. Nhưng hơn mười lăm bài khác ngọt ngào, duyên dáng đầy dân tộc tính cũng đủ cho chúng tôi quên những cái « tí vết » ấy mà có mấy lời khen tặng tác-giả.

TRẦN-VĂN-KHÊ

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUAT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rượu Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— Các tiệm tạp-hóa

— Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

Hủy diệt

Ân tình chưa kín một lòng tay
Hận đã dâng lên mấy lớp dày
Những tưởng non cao tràn nhật nguyệt
Nào hay chợ xép bán râu mày
« Chặt đầu bỏ níp » người buồn nhĩ
« Móc mắt treo thành » ta chết ngay
Hủy-diệt chẳng riêng về thể xác
Ác-Hoa thường nở giữa vơi đầy

Hà Nội 1953

Đường sống

Năm xưa hồn dựng đá Trường-Sơn,
Đề đến năm nay chếp túi hờn :
« Mặc quách tuyết tan vào ý lạnh »,
« Cho thành băng đóng giữa tình đơn. »
Tiếng chuông Hưng Phế còn văng vẳng.
Giấc mộng Vinh Hoa hết chập chờn.
Chợt đến xóm nghèo nghe trẻ khóc :
Biết lòng trời đất, nhẹ nguồn cơn.

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

BÁCH KHOA XÚC

CHÌM XUỐNG

Nguyên-tác : BA-KIM



Dịch-giả : NGHIÊU-NHỰT

« Đừng chống với hung-dữ ».

Đây là lời của ông thường hay dùng để khuyên-nhủ tôi. Cố-nhiên ông ấy có tên có họ. Vả lại nói ra tên họ ông, nhiều người cũng được biết. Nhưng theo tôi nghĩ viết một chữ « ông » là đủ rồi. Hơn nữa, tôi không tôn-trọng danh-lưu, tại sao lại cần cho người ta biết tên họ ông chứ ?

« Một mình anh không thừa-nhận, thế có ích gì đâu ? Việc phải đến thế nào rồi cũng đến. Nhựt-Bổn lấy mấy Đông-Bắc cũng là tại như thế. Chúng ta chỉ còn lợi dụng thời-gian cách khôn-khéo để làm chút việc của mình thôi ».

Ông ta thường ngồi trên chiếc ghế xô-pha, ung-dung vuốt râu mép, chậm-rãi khuyên tôi như thế.

Ông bảo « việc của mình », kỳ-thật là việc gì ? Ông không hề nói rõ cho tôi biết. Tôi hỏi ông, ông cũng chỉ trả lời cách úp-mở. Nhưng có một lần ông đã tỏ rằng những gì hiện giờ ông đang làm tức

là « việc của mình ». Chỉ có một lần đó thôi, thế về sau ông lại khiêm-tốn bảo rằng ông không có nói câu ấy.

Tôi là một thanh - niên ngu - xuẩn ! Dù cho tôi không tự nhận đi nữa, ông ta ít nhất cũng đã thấy tôi như thế. Bởi ông đã có đôi ba lần than tiếc với tôi rằng : Ông có một người học trò họ Nhan — có thể sánh với Nhan - Hồi của Khổng-Tử — tiếc vì rất còn trẻ tuổi mà đã chết đi. Về sau không còn một người nào có thể hoàn-toàn lãnh - thụ học vấn của ông. Còn có một trò nữa là Phương-Vân-Tiên, hiện đang chuẩn bị để thi học bổng sang nước Anh. Nhưng trò này dù sao cũng còn sai-lệch một ít. Đến thẳng tôi à, tôi thật là sai biệt rất xa !

Tuy là nói vậy, chớ ông đối với tôi rất tử-tế. Ông vin vào mấy thứ « đại đạo-lý » hời xửa thường dùng để khuyên tôi. Ông nói chuyện cùng tôi rất nhiều, thành - thật bảo cho tôi biết bao nhiêu sự-tình.

CHÌM XUÔNG

Bạn hữu của ông không thể kể là ít, nhưng không mấy người đến nhà ông. Tôi e rằng chỉ có một mình tôi kể là năng tới lui hơn hết. Cũng thường có một ít thanh niên đến nhà ông để thọ-giáo, nhưng họ tới một lần rồi về sau là không thấy đến nữa. Tôi không hiểu vì duyên-cớ nào như thế. Tôi cũng đã nhiều lần suy-nghĩ : Tôi cũng là thanh-niên, tại sao tôi lại thường hay đến nhà ông ? Kỳ-thật trong đó chắc chắn có một nguyên-nhân : Cũng có thể là tại ông tử-tế với tôi, cũng có thể là tại tôi rất háo-kỳ.

Ông có một người vợ đẹp, nhỏ tuổi hơn ông nhiều. Đây là người vợ cưới lần thứ hai. Vả chuyện này cũng không có gì là lạ, nhiều ông giáo-sư học-giả có địa-vị vẫn có vợ trẻ-măng. Tình-trạng của ông cũng giống như mấy ông kia : Mỗi tình giữa ông và bà vợ không thể kể là tốt, cũng không thể kể là xấu. Tôi không hề thấy họ rầy-rà nhau, nhưng tôi vẫn cảm thấy giữa vợ chồng họ thiếu một mối tình nồng nàn chân-thật. Đôi bên rất khách sáo, nhưng cũng rất lợt-lạt. Tuy-nhiên buổi đầu ông đeo-đuổi cô học trò của ông, cũng đã trải qua một thời-kỳ điên-rồ. Nhưng hiện nay tất cả đều yên-lặng rồi. Ông được làm chồng của cô một cách suông-sẻ, về mặt pháp-luật cũng không thiếu-sót chỗ nào. Ông vẫn như trước kia là một học-giả, một giáo-sư rất có địa-vị.

Bà giáo thích khiêu-vũ. Ông có một độ cũng thường đi nhảy. Nhưng hiện giờ ông ít hay tới cái nhà hàng khiêu-vũ thuộc nhóm người Trung-Hoa cao-sang kia. Bà giáo vẫn như trước thường-thường đi lại chỗ ấy. Khi nào ông không đi cùng bà, thì cũng có người bạn khác cặp theo bà. Ấy

là một vị giáo-sư lịch-sử có danh tiếng, một du-học-sinh nước Mỹ do chánh-phủ cấp học-bổng. Nói rõ ra cũng còn là học-trò của ông, đã từng nghe ông giảng-bài được nửa năm.

— Đừng chống với hung-dữ ! Những gì tồn-tại đều có lý-do của nó. Mãn-Châu quốc cũng là thế đó. Vì vậy mới nói rằng sự hung-dữ có khi cũng là cần, qua khỏi hồi ấy nó sẽ tự tiêu-tan. Anh muốn chống với hung-dữ, chỉ là lãng-phí thời-giờ anh thôi. Anh đáng lẽ nên làm chút việc thiết thực. Già mồm la ó phản-kháng, hoàn-toàn vô-ích. Vả đây không phải bổn-phận của anh. Bọn thanh-niên các anh nông nổi lắm, thiệt là hết biết làm sao !

Mặc dù so ra tôi tốt nhìn thật, cũng không thể đừng tức-giận. Tôi bèn không kiêng-nể hỏi trở lại ông :

— Thế ông đã làm việc gì thiết thực đâu ? Ông không thể gọi là lãng-phí thời-giờ ?

Ông ta vẫn giữ được lòng bình tĩnh. Ông không chút phiền giận, lại trả lời tôi một cách nửa đắc-ý nửa mỉa mai :

— Tôi ? tôi làm nhiều việc lắm cơ ! Tôi vẫn đang đọc sách. Cả ngày lẫn đêm tôi đọc sách suy-nghĩ tìm tòi đấy ! So với các anh, vẫn gắng công hơn !

Tôi tin mấy lời của ông nói. Ông đã có một cái nhà tợ vương-phủ, vả lại có được một căn phòng sách rất hoa-lệ rất thích-nghi. Tự nhiên ông có thể chui ở trong đó cả ngày lẫn đêm ! Những sách ông tàng-trữ quả thật không ít, chất từ tử kiến này đến tử kiến nọ, chưng bày tại phòng khách to rộng và thư-trai cũng rộng

lớn. Hơn nữa, mỗi quyển sách đều đóng bìa rất tinh-xảo mỹ-thuật. Trong đó sách chữ Anh không ít, sách chữ Hán lại càng nhiều.

— Tôi khuyên anh hãy đọc sách nhiều. Điều đó rất cần yếu. Một người đọc sách ít, không thể làm nên việc. Trung-quốc hiện giờ đang cần những người vùi đầu đọc sách. Nước nhà không thể nào dùng bọn la-ó đã-đảo kia, bọn thanh-niên đã-đảo ấy ! Tôi đã đọc sách nhiều thế này, vẫn còn cảm thấy chưa đủ. Bọn thanh-niên các anh không chịu đọc sách, làm sao hành - động ? Muốn lấy lại Đông - Bắc, cũng trông-cậy sự đọc-sách.

Ông ta thuyết-giáo tôi như thế với vẻ kiêu-căng.

Một khi nói đến đọc sách, tôi chỉ đành ngậm miệng. Ông đã đọc sách quá nhiều thế ấy, còn tôi thì đọc không tới một phần mười số sách ông trư — thật ra sợ e không tới một phần trăm là khác ! Vừa nghe qua « Đại-đạo cứu-quốc » của ông bằng đọc sách, tôi bất-giác nhìn ông với mắt khâm-phục. Tôi rất lấy làm lạ sao cái thân mình ốm-teo ấy lại chứa đựng được nhiều sách như thế !

— Phải khoan - dung, phải biết tôn-trọng người khác. Không có sự hung-dữ tuyệt-đối. Ở Trung-quốc chúng ta, mọi hạng người đều đáng tôn-trọng, sự nỗ-lực của họ đều là có ích. Mỗi người nên thủ-phận, cặm đầu lo việc của mình. Bởi vậy anh phải rán chăm lo học-hành, không nên làm việc gì khác. Anh hãy chuẩn-bị để sau khi tốt-nghiệp, thi học-bổng sang Anh-Mỹ du-học chứ ?

Nghe ông khuyên bảo xong, tôi từ giã ra về. Bước vào trong nhà trọ, vừa mở

cánh cửa buồng mình, nhìn thấy căn buồng chật-hẹp ẩm-thấp, tôi sực nhớ đến câu « Bồi-khoản giặc Quyển-Phỉ cấp bổng cho học-sinh ! » (Tôi đã từng nghe một người Anh thốt ra câu này một cách khinh-miệt). Không hiểu tại sao tôi vẫn cảm thấy khó chịu. Ông ta lại cứ lấy học bổng ấy để làm lý-tưởng cho con người tôi ! Đối với mấy lời nói của ông, tôi lần lần sinh ra bất-phục. Tôi nhìn cái gác-sách nhỏ-bé của tôi, trên đó chỉ có hơn ba chục quyển sách cũ rách, và lại mấy cuốn còn là mượn thư-viện. Tôi làm sao so-sánh với ông được chứ ? Tôi nào có được thứ hoàn-cảnh ấy !

« Hoàn-cảnh có kể gì? khổ-học có thể chiến-thắng tất cả. Trong cung-điện học-vấn không hề phân-biệt giàu nghèo, ai cũng có thể bước vào đó ».

Câu nói của ông rõ bóng-bẩy. Bao nhiêu lời của ông thốt ra đều là bóng-bẩy. Ông ta không hề khi nào nghĩ thử coi nó cách sự thật gần hay xa. Mỗi lần ra khỏi ngưỡng cửa cao-rộng nhà ông, tôi liền có hơi ngờ-vực những lời nói của ông. Mỗi khi bước vào buồng-trọ mình, lòng tôn-kính của tôi đối với ông đã bị lung-lay ngay.

Có mấy lần thật tôi đã quyết định : « Đóng cửa để đọc sách thôi ! » Nhưng căn buồng-trọ của tôi đâu có được như thư-trai của ông. Tuy tôi đã nhảy thót ra bên ngoài thế-giới. Tôi xếp quyển sách để suy-nghĩ, tư-tưởng tôi lại càng đi xa. Và lại càng thêm to gan, tôi cơ-hồ muốn lật đổ hết thấy những đạo-lý của ông ta. Luôn cánh cửa cung-điện học-vấn, tôi cũng không muốn mó tay đẩy thử.

Nói thật một câu : Lòng tôn-kính của tôi đối với ông mỗi ngày cứ bớt dần. Đầu

lỗi mấy hôm — không đã hơn một tháng — tôi không đến đó nữa. Thế là ông ta gửi lại một bức thơ.

Bức thơ của ông cũng có một thể-cách riêng-biệt. Chẳng những về thể-cách, mà luôn cả câu văn tu-tướng đều giống như là chép ở trong sách xưa từ mấy trăm năm trước. Ông viết nhiều lời bóng-bẩy, không gì khác hơn là hỏi tôi sao đã lâu không đến nhà ông.

Vì háo-kỳ mà cũng vì một nguyên-nhân khác, tôi bèn lại nhà ông ta chiều hôm ấy. Người tớ coi nhà của ông ta lâu nay đối với tôi rất kính-nể, và không cần báo trước để tôi bước đại vào trong.

Trong sân rộng nở các thứ hoa cỏ, một giàn nho cắt lên ở chính giữa. Đã hơn một tháng không lại, cảnh-tượng cũng có hơn thay đổi. Tại một góc trong phòng khách, vợ ông đang cùng ông giáo-sư lịch-sử nói chuyện thân-mật. Bà trang-điểm đẹp lắm, chừng như ở ngoài mới trở về, hay đang sắp sửa ra phố.

Họ không hề để ý đến tôi, tôi vội thụt chân lại. Tôi không muốn làm rộn họ. Tôi biết ông giáo-sư lịch-sử ấy rất sùng-bái bà. Theo lời người ta nói, ông đã có làm mấy bài thơ Anh-văn để tặng bà. Đến đời có người bảo rằng giữa họ đã có quan-hệ nhau bằng mối tình « platonique ». Điều này cũng là có thể, mà cũng rất tự nhiên. Ông giáo-sư lịch-sử đẹp trai, nói chuyện lại khiến người ưa thích. Con người thế ấy cùng bà cặp nhau thật là xứng lứa. Sợ e cho ai làm chồng của bà cũng khó nổi thốt ra lời gì khác !

Tôi vội-vàng bước qua bên thư-trai. Ông ta ung-dung ngồi trên chiếc ghế xô-

pha nhỏ, trong tay cầm một quyển sách bìa gấm, đầu lắc-lia đọc nho nhỏ.

— Anh đến đây à !

Ông buông quyển sách mỉm cười chào hỏi tôi. Trông bộ tịch của ông, hình như ông rất cao-hứng được tôi đến thăm.

— Đã hơn một tháng không thấy nhau sự học của anh chắc-chắn tiến-triển rất nhiều. Lúc này chắc anh đã đọc sách không ít ?

Tôi tỏ thật với ông rằng trong vòng một tháng nay, tôi không hề đọc hết ba cuốn sách từ đầu đến cuối. Điều đó làm cho ông vô cùng ngạc-nhiên.

Thế thì anh đã làm những việc gì đâu ? Bọn thanh-niên các anh không biết quý tiếc thì giờ, lãng-phí thời-gian như thế, thật là đáng tiếc !

Hơn một tháng không thấy mặt, nay được thơ ông tôi mới đến thăm, chưa gì ông đã thốt với tôi câu nói như thế ư ! Tôi có hơi buồn trong lòng, liền tựa như mĩa mai hỏi trở lại ông :

— Còn ông thế nào ?

— Tôi à ? Vừa rồi tôi đã mua được một bộ « Minh-nhân tiểu-phẩm » rất hay.

Hình như không cảm thấy câu nói của tôi hơi thiếu cung-kính, ông ta rất sung sướng lấy quyển sách ấy lên, trở vào nói với tôi rằng :

— Đây là một bộ sách hiếm có. Văn-chương của người đời Minh viết hay lắm nhứt là về thái-độ sinh-hoạt của họ. Cuốn sách này anh không thể đừng đọc.

Ông nói xong liền trao quyển sách cho tôi.

Tôi tiếp lấy sách dở lật qua mấy trang. Ấy là nhật-ký của họ Viên nào đó, tôi cũng không để ý. Chỉ lác đầu rỏ-rúng, tôi trao trả sách lại ông ta, không nói một lời.

Ông trừng mắt ngó tôi một cái, rõ-ràng ông đã xem ra thái-độ của tôi. Ông không bằng lòng tôi, song ông có thể, thể... khoan dung, có thể nhẫn-nại. Ông ôn-hòa như cũ, mặc dù hơi trách-móc tôi :

— Thế nào ? Bọn thanh-niên các anh vẫn coi rẻ quyển sách không đáng đọc này ? Kỳ - thật người ta bì các anh mọi việc đều hơn mà ! Quyển sách hay thế này các anh không để gì có dịp được đọc. Nay tôi trao cho anh; anh lại không chịu mở mắt xem qua. Thái-độ ấy không đúng !

Lẽ tự-nhiên, thái-độ của tôi cùng người đời Minh vẫn sai biệt rất xa, tôi cũng biết vậy. Tôi không thể tha-thứ, không thể nhẫn-nại, tôi cũng tự-biết vậy.

Thấy tôi không trả lời, ông ngỡ rằng tôi đã tin-phục lý-lẽ của ông, lại càng cao hứng nói :

— Tôi còn mua được một cái bình hoa đời Tống, chắc chắn là lọ sứ Tống. Rất tiếc anh không hiểu được !

Lần này ông không còn đem cái bình hoa cho tôi xem. Vì ông biết rằng tôi không sao nhận thức được giá-trị của nó.

— Phận thanh-niên, phải gắng-công đấy ! Tổ-tiên chúng ta để lại rất nhiều đồ quý-báu. Phận làm con cháu mà không nhận-thức những của ấy, thật là việc xấu-hổ biết bao ! Vì vậy tôi khuyên anh nên cố-gắng luôn luôn. Bể học vốn vô bờ bến, Ngoài sự ra công

đọc sách, bổn-phận thanh-niên còn có việc gì nên làm đâu ?

Ông ta thuyết-giáo tôi như thế một cách rất rành-rẽ, rất tự-tin. Đồng-thời ông ta vuốt râu mép của ông một cách oai-nghiêm.

Trước kia có đôi lần đối với thứ lời nói ấy của ông, tôi cũng từng để ý lắng nghe. Nhưng về sau nghe qua, tôi vẫn cảm thấy như có gì hơi không thuận tai. Đặc biệt là hôm nay, tánh-tình tôi đã thay đổi, tôi không sao nhịn được nữa. Minh-triều là gì, Tống-triều ra sao, đã làm cho đầu óc tôi quay-cuồng. Tôi phát cáu, tại sao ông ta lại cứ làm phiền bực tôi như thế ? Tôi mới bắt đầu hiểu rõ cái nguyên-nhân mà đám thanh-niên kia đã tới nhà ông một lần là không trở lại.

— Thưa ông, ông phải biết rằng tôi năm nay mới hai mươi ba tuổi mà !

Tôi không thể nhịn nữa, gào lên như thế.

— Hai mươi ba tuổi thanh-xuân quý-báu vô-cùng.

Ông vẫn như trước ân-cần khuyên-nhủ tôi, hình như ông ta hoàn-toàn không thấu rõ tâm-trạng của người tôi.

— Vì thế tôi đâu có cần biết đến người đời Minh đã viết sách gì, đồ sứ Tống giá-trị ra sao ? Đó chỉ là công việc của hạng người các ông làm !

Lần này tôi đã trả lời một cách thiếu hẳn cung-kính.

Tức thì ông ta hiểu rõ ý tôi. Sắc mặt ông liền biến đổi, hết đỏ lại tái. Phía sau cặp mắt - kiến to gọng, tròng - mắt ông lờm ngó tôi một cách hung - dữ. Hơi thở hỗn - hển mồm ông lúc mở lúc

CHÌM XUỐNG

ngậm, rất giống có những lời muốn tuôn ra, nhưng không tuôn ra được.

Nhìn thấy nhà lý-luận khoan-dung tức-giận, tôi không khỏi cười thầm một cách sung-sướng. Ban đầu tôi tính lúc ấy nên bỏ ra về ngay, nhưng nay tôi vẫn muốn ở lại để dòm ngó tỉ-mỉ một cách tàn-nhẫn bộ mặt giận-dối của ông ta. Tôi biết rằng hình-dạng tức-giận của kẻ hay khuyên người nhân-nại không khác nào bản thảo-cảo của một tác-phẩm, người ta khó có dịp trông thấy.

— Anh đi đi!

Ông ta giằng co một hồi, rốt-cuộc đã được hả hơi, xua tay bảo tôi.

Tôi liền ngồi xuống ở ngay trước mặt ông, và không động-dậy thân mình. Đến đó tôi càng lảng-lặng nhìn tỉ-mỉ bộ mặt ông. Tôi gật đầu một cái, cái gật này thật là tàn-nhẫn!

Ông ta hai ba lần khoát tay, thấy không chút hiệu-nhiệm, thế cũng không lên tiếng nữa. Tay xuôi-xì buông xuống, luồng mát lần-lần đã đổi ra ôn-hoà. Trên mặt ông cũng từ vẻ căm-tức trở thành áo-nào.

— Khoan - dung cũng không phải là một sự dễ-dàng mà!

Tôi tự-nói cách mỉa-mai. Lúc này trông-mắt tôi cũng chưa buông lời ông ta.

— Không cần nói nữa! Bọn thanh-niên các anh tàn-nhẫn lắm, một chút chuyện nhỏ-mọn cũng không chịu buông-tha. Lần này kẻ anh thắng đấy. Nhưng rồi sau này anh sẽ có ngày tiếc-hối. Anh sẽ rõ những lời nói của tôi không sai.

Rõ-ràng ông đã tự nhận thất-bại. Tôi đã chiến thắng ông, tôi cảm thấy rất sung-sướng.

Tôi đâu còn lòng nào để nghe mấy câu nói của ông ta, tôi hoàn-toàn đang nghĩ đến việc khác. Lần này mới lòng tôn-kính của tôi đối với ông đã tiêu-tan hết rồi.

— Anh hãy nhớ mấy lời của tôi đây, sau này anh sẽ hiểu rõ. Tôi hồi còn thanh-niên cũng giống như anh vậy. Bây giờ tôi mới biết rằng trước kia đã sai-lầm. Rồi đây anh cũng sẽ ăn-năn, anh rẻ-rúng tấm lòng tử-tế của tôi!

Tự giằng-co lần cuối-cùng, ông ta còn nỗ-lực để hướng-dẫn tôi.

Tôi nhớ lại rồi. Người khác đã từng bảo cho tôi biết: Ông hồi trước quả-thật có viết văn, khuyên người ta đừng tin-tưởng những gì tồn-tại, khuyên người ta không nên im-lặng trước sự hung-dữ, khuyên người ta vứt những sách xưa vào cầu-xí, đem đồ-cổ bán cho ngoại-quốc... còn có biết bao nhiêu chủ-trương quá-kích nữa. Và lại hồi đó ông dùng toàn một lối văn riêng biệt để viết văn. Rõ-ràng người ta có thuật cho tôi nghe bao nhiêu việc ấy. Nhưng tôi không thể nào tin được, và cũng không để nó vào lòng. Bởi những việc ấy đối với nhứt-thiết của con người ông hiện nay sai-biệt xa quá. Lẽ dĩ-nhiên, thời-gian có thể làm cho con người thay đổi. Nhưng tôi không tin rằng trong khoảng mười mấy năm, một con người có thể thay đổi đến thành một kẻ hoàn-toàn tương-phản với mình. Thế hôm nay bao nhiêu việc kể trên cũng đã do ở lời nói của ông xác-nhận đấy. Tại sao chỉ bước rộng có một cái, mà đã nhảy vọt qua được như thế? Rõ-ràng là một thành-tích lạ-lùng, khiến người ta



không sao tin được. Bây giờ ông lại còn muốn tôi hoàn-thành thứ kỳ-tích ấy một lần nữa !

Tôi không khỏi hoài-nghi nhìn từng nét mặt của ông ta. Tôi muốn tìm ở trên khuôn mặt ấy một chút dấu-vết của con người

ông về thời-buổi thanh-niên. Một cái đầu hơi tròn trĩnh, một cặp mắt-kiến to gọng, một mồm râu mép trên. Ngoài vẻ đặc-ý mãn-túc, cái bộ mặt hình trứng-vịt ấy không biểu-lộ gì khác. Bao nhiêu có đủ tỏ cho tôi biết rằng : Những gì tồn-tại đều có lý-do của nó !

Về lần này tôi cảm thấy vóc mình tôi bỗng-nhiên giãn dài ra, so với ông tôi đã cao hơn rất nhiều. Từ phía trên tôi đưa luồng mắt xuống để soi xét ông ta. Tôi mới nghĩ rằng : Chính con người ông cũng không có lý-do để tồn-tại !

— Tại sao anh lại nhìn tôi như thế ? Anh đang phân-tách tôi à ?

Ông ta bỗng - nhiên để ý đến cặp mắt tôi, và từ luồng mắt này ông thấu rõ được tâm-lý tôi. Lăn-lăn ông đã lộ vẻ không yên.

Tôi gật đầu một cái, bộ - tịch có vẻ cương-ngạnh.

— Anh thật lạ-lùng ! tôi chưa hề thấy thanh-niên nào như anh...

Ông dường thốt lên cách mạo-hiêm.

— Anh thiếu lòng tôn-kính ! Anh không có tín-ngưỡng !

Ông lại nhấn mạnh nói tiếp :

— Cái gì anh cũng coi rẻ cả ! Cái gì anh cũng không thêm thừa-nhận !

Tôi không hiểu rõ ý ông lắm, nhưng tôi đã nhận thấy thái-độ của tôi đã gây nhiều phiền não cho ông. Vả lại khiến ông ta phát-giác một ít việc chưa hề thoáng qua đầu óc ông.

— Anh hoàn toàn không giống người Trung-Quốc, hoàn toàn không giống !

Ông ta lắc đầu nhè nhè, nói với dáng bực dọc.

Tôi dòm thấy lòng tự-đắc và mãn - túc của ông đã bị tôi xua đuổi mất. Tôi nhìn thấy ông ta đã chác lấy sự phiền muộn mà

thuở giờ ông chưa hề biểu lộ ở lời nói. Tôi cảm thấy rất hứng thú.

— Anh hoàn toàn không hiểu lịch - sử của người Trung - quốc. Anh hoàn - toàn không biết Tổ - tông chúng ta để lại cho chúng ta những đồ quý - báu. Tư - tưởng anh thật là kỳ - quái, rất kỳ - quái ! Anh không giống bọn chúng tôi chút nào.

Ông ta rần hết sức để nói. Hai tròng mắt chuyển động cách đau khổ phía sau mắt kiến to gọng. Sắc mặt ông nhờ nói hăng hái đã trở thành đỏ. Lúc bây giờ so với ngày thường, ông có vẻ hoạt-bát hơn. Nhưng tôi vẫn để ý đến một vầng bóng tối lăn-lăn chạy lên đầu mày ông ta. Quyển sách của họ Viên gì đó ngã rơi xuống đất cách ống nhỏ không xa, ông cũng không hề để ý tới.

— Thế thì ông có muốn biết qua tư-tưởng của tôi hiện giờ không ?

Lòng bạo dạn không dứt tăng - gia, tôi bèn hỏi ông một cách khiêu khích. Tôi tin rằng nếu ông biết được tư-tưởng của tôi trong lúc ấy, thì sự ngạc-nhiên và đau-đớn của ông sẽ nhiều hơn hiện giờ nữa.

— Không ! không !

Ông ta giật mình xua tay trả lời, đến đổi ông ngó tôi bằng cặp mắt van-lơn. Ông bật ngửa trên ghế xô-pha một cách tuyệt-vọng, lộ ra dáng mười phần gầy-ốm rũ-liệt.

« Con người này kể cũng còn chút lương-tâm » Nghĩ như thế, tôi bèn đứng lên, không muốn làm rầy ông ta nữa.

Tôi ra đến cửa ngõ gặp ngay vợ ông đang khoác tay ông giáo-sư lịch-sử, vừa nói vừa cười cùng nhau ra đi. Trước nhà có

đậu một chiếc xe-hơi, hai người đã bước vào trong, liền cho xe mở máy chạy.

Tôi đứng lại trước ngõ, bất-giác nghĩ ngợi đến ông ở trong phòng-sách. Tôi cũng rất lấy làm quái-lạ, hôm nay bỗng-nhiên đã có một câu chuyện với ông như thế.

Sau đó ít ngày, tôi cơ-hồ hoàn-toàn đã quên mất ông ta. Nhưng trên báo-chí có đăng tên ông và bà vợ. Ông ở một trường đại-học diễn-giảng về Shakespeare, nói Shakespeare vĩ-đại thế nào, và sau khi người Anh này qua đời thì không có người nào ra thừa kế sự vinh-quang ấy nữa. Qua hôm sau ông lại ở một trường đại-học khác giảng về giá-trị của tiểu văn-phẩm thuộc phái Công-an-cánh-lân.

Tin tức bà vợ của ông càng nhiều hơn một tí. Tỷ-như bà tấu dương-cầm ở một hội-chợ phước-thiện, hoặc quan-lớn mỗi lúc đại-yến ngoại-tân ở hoa-viên gì đó, có nhờ bà đảm-nhiệm việc chiêu-đãi. Hay là nhà văn-học trứ-danh nước ngoài nào đó đến du-lịch, bà đi theo ông ấy để chỉ-dẫn quan-sát bao nhiêu cổ-tích.

Do những tin-tức ấy, tôi liền nghĩ đến đời-sống giữa cặp vợ chồng này. Đây không thể đừng cho là chuyện rất có thú-vị. Nhưng kể đó tôi lại nghe như có hơi buồn-tẻ. Ông ta chẳng từng bảo rằng « Tất-cả những gì tồn-tại đều có lý-do của nó » ư? Tôi cần gì nghĩ đến việc không đâu của họ.

Cũng như trước kia, tôi đem những điều ông khuyên-nhủ vút vào cầu-xí! Cả ngày lẫn đêm tôi vẫn lãng-phí thời-gian, không chịu giữ bổn-phận, cứ đi làm mấy « việc không phải của mình » ấy.

Một buổi trưa nọ tôi thấy trên tờ báo Anh-văn, có đăng tin về sinh-viên đại-học được cấp bổng xuất-dương do số tiền bồi-thường giặc Quyền-phí. Tối hôm đó tôi đi ngang qua một nhà hát, tình-cờ lại gặp ông và bà vợ từ trên xe hơi bước xuống. Trước cửa nhà hát có treo một tấm quảng-cáo lớn trên đề « Truyện Hồng-Phát của Trịnh-Diểm-Thu » (1) Tôi biết rằng ông ta đi theo bà vợ xem hát.

Ông gọi tên tôi trước. Tôi chỉ còn đứng lại, và chào ông.

— Anh có biết Vân-Tiên bữa nay xuất-dương không? Vân-Tiên thường ngày rất gắng-công, nên mới được phần thưởng ấy. Rồi đây anh cũng nên đi thử thử xem.

Ông nói với tôi một cách ôn-hòa, rất sung-sướng. Bởi Vân-Tiên là học trò ruột của ông, sau khi tốt-nghiệp còn thường tới lui với ông. Tôi đã từng gặp Vân-Tiên tại nhà ông, rõ giống hệt ông về hạng người điển-hình.

Thấy ông hòa nhã nói chuyện với mình, tôi dường đã quên mất câu chuyện ngày nọ. Tôi cũng định giữ lễ-phép cùng ông đã-là một hồi: Tôi chào hỏi bà vợ ông. Tình-cờ trong lúc ấy, ông giáo-sư lịch-sử đã lại, cặp đũa bà vào trong nhà hát. Ông vẫn đứng lại trước cửa chờ câu trả lời của tôi.

1.— Hồng-Phát là danh-ký đời Tùy, vốn là nàng hầu của Tùy-tướng Dương-Tổ. Danh-tướng nhà Đường là Lý-Tĩnh trong lúc hàn-vi áo vải, đến thăm Dương-Tổ. Tổ bày tiệc mừng bạn. Trong đám mỹ-nữ hầu rượu, có một nàng rất đẹp, tay một cầm cây phát-trần đỏ — do đó nên có cái tên Hồng-Phát Lý-Tĩnh trông thấy phải lòng. Đêm ấy Lý-Tĩnh lên ra đi trên bước đường vô định. Nàng Hồng-Phát vì liên-tái liền bỏ trốn theo chàng. Thế đã thành câu gia-thoại giữa trai tài gái sắc. (Lời dịch giả.)

— Máy ngày rày anh đã đọc được những sách chi? Hay vẫn còn lãng - phí thời-gian như trước à?

Ông hỏi tôi một cách ôn-hòa như lúc nãy.

Tôi vừa muốn mở miệng, thì bỗng bị một thứ cảm-giác kỳ-lạ bám chặt người tôi. Tôi không phân biệt được đó là lòng thương-hại hay chán-ghét. Tôi hoàn - toàn mất hết năng-lực tự-chủ. Tôi trả lời ông một cách cộc-cằn :

— Ông có biết nhân-dân Trung - Quốc còn phải gánh-vác bồi-thường số nợ về giặc Quyền - phủ bao nhiêu năm nữa không? Máy hôm rày tôi đang nghiên - cứu vấn-đề này.

Mặt ông tức thì biến sắc. Ông hơi trù-trừ rồi liền xây mình bước vào trong, không đếm xỉa tôi nữa. Có lẽ câu nói của tôi đã động chạm ông rất nặng.

Tôi đứng trước cửa nhà hát cười ngạo lên mấy tiếng. Tôi nghĩ ông ta ở trong đó có lẽ đang nghiên-cứu coi được hưởng thụ những gì dưới danh-nghĩa văn-hóa Trung-Quốc. Nghe nói Trịnh-Diễm-Thu thủ vai chánh trong vở kịch một màn « Ông chồng thân yêu »

Sau câu chuyện, tôi cũng không đi kiếm ông ta. Tôi nghĩ bất quá một đôi khi nhớ lại chuyện ấy, ông vẫn cảm thấy thái-độ của tôi đối với ông có hơi tàn-nhân. Ông đối với tôi ít nhứt là không mang tí ác-ý nào.

Một hôm thơ ông lại gửi đến nữa. Bức thơ vẫn tất này khác với những thơ của ông từ trước, trong đó dường để lộ tình cảm của mình, vả lại đượm giọng hơi buồn bực đau đớn. Ông mong thỉnh thoảng tôi đến thăm ông, đừng cố-ý rời xa ông.

Tôi vút bức thơ ông vào sọt giấy, mặc kệ ông ta. Nhưng qua được mấy hôm, tôi tình cờ đi ngang qua trước cửa nhà ông, bèn ghé vào.

Bữa đó ông không có đi dạy. Ông mặc bộ đồ mát, ngồi bật ngựa trên ghế xô-pha nhỏ tại phòng sách. Trong tay ông cầm một quyển sách nhỏ chữ Anh, xem với dáng bơ thờ.

— Anh đến đây à, hay lắm !

Trên môi để lộ một nụ cười mệ-mệ, ông lật úp quyển sách lại để lên gác tay ghế xô-pha. Tôi liếc mắt liền trông thấy đó là tiểu-thuyết của Tchekhov dịch ra tiếng Anh. Ông thấy tôi để mắt đến quyển sách, bèn giải-thích rằng :

— Máy hôm rày tôi chỉ đọc tiểu-thuyết của Tchekhov. Hồi trước tôi có đọc qua mấy chương, cảm thấy không có ý-nghĩa gì. Bây giờ tôi lại rất thích nó. Đây thật là một tác-phẩm có giá-trị, anh cũng nên tìm đọc thử.

Tôi bắt rùn-mình một cái. Đó là mối cảm-giác thương-hại từ đáy lòng đưa lên. Tôi cũng từng đọc tiểu-thuyết của Tchekhov, ấy chỉ làm cho tôi rùn-rợn và chán-ghét. Tôi không chịu được thứ luận-điệu ấy, trong đó toàn là những người nghe theo vận-mạng sắp-đặt. Tôi đã có mua hai cuốn tác-phẩm của Tchekhov, thật ra tôi đã bỏ sách ấy vào lò lửa để làm củi chụm !

Tôi mới ngồi xuống, vừa muốn mở miệng, một thứ bực ghét không thể tả bỗng-nhiên bám chặt người tôi. Tôi không thể đừng mang chút ác-ý khiêu-chiến ông ta :

— Ông thích Tchekhov, có lẽ là tại ông giống mấy nhân-vật mà Tchekhov đã miêu-tả ?

Ông không tự biết, liền gật đầu một cái. Nhưng sau đó ông lại chợt tỉnh, lắc đầu rằng :

— Không, không !

Ông ngó tôi bằng cặp mắt lo xa, không khác nào tôi đã khám-phá chuyện gì bí-mật không vui của ông.

— Thế thì luôn cả ông cũng không chịu làm nhân-vật trong tiểu-thuyết của Tchekhov ư ?

Tôi cố-ý hỏi bức ông như thế.

— Anh nói câu ấy là có ý gì ?

Ông rần sức đè-nén lòng bức-bội, hỏi trở lại tôi.

— Cả ngày rúc trong gian phòng tiện-nghi thế này, sống nhàn-rỗi để nói chuyện về tổ-tông lưu lại đồ quý-báu thế nào, bàn về sự-tình mấy trăm năm trước ra sao tin-tưởng tất-cả những gì tồn-tại... Đó không phải là nhân-vật trong tiểu-thuyết của Tchekhov ư ?

Ông không trả lời, trên mặt ông đã lộ một luồng tê-liệt thống-khổ. Ông sập mí-mắt trông xuống đất, dường như đang cố-ý trốn tránh sự chú-ý của tôi. Một hồi lâu ông mới ngóc đầu lên ngó tôi bằng cặp mắt lơ-đờ tuyệt-vọng, miệng trầm-ngâm rằng :

— Anh cũng thế có lý, tôi đã tiêu rồi ! Bọn người chúng tôi đã tiêu rồi !

Thế là đã dẹp quách lọ-sứ Tống, dẹp quách Viện mồ nhứt-ký, dẹp quách Shakespeare, dẹp quách tiểu-văn-phẩm của phái

Công-an-cánh-lân, dẹp quách thái-độ sinh-hoạt của văn-nhân triều Minh, dẹp quách « Bồi-khoản Quyển-Phỉ » mà ông nhớ mãi không quên ! Đây là lần thứ nhứt rớt-cuộc ông nói thật, ông nhìn-nhận mình đã tiêu rồi. Một thứ cảm-giác trang-nghiêm lẫn hơi thương-xót bám chặt người tôi. Tôi mừng-tượng đứng trước một quan-tài vừa tản-liệm xong !

— Tôi không ngó thấy, không ngó thấy, ở trong phòng-sách này tôi không ngó thấy gì cả ! Hừ...

Ông gào than nho-nhỏ một cách thành-khẩn. Tiếng nói ông hết sức khó-nhọc, hình như đang giằng co với cái gì. Cũng có thể lúc bấy giờ trong óc ông đã hiện ra cái ảo-ảnh nào đó, vì cặp mắt ông có hơi khác thường. Ông uể-oải giơ tay mặt lên trở vào mấy tủ sách đẹp ấy, nói rằng :

— Cũng là tại chúng nó ! Tôi chỉ xem thấy có bấy nhiêu ! Tôi chỉ nói..., tôi chỉ xem thấy có quá-khứ. Chung quanh tôi đều là quá-khứ... đều là đồ chết, đều là lời nói của người chết. Tôi cũng còn lặp đi lặp lại...

Ông vẫn nói tới, giọng nói giống như khóc. Mà cũng ngoài sự tưởng-tượng của tôi. Tôi dòm thấy khoé mắt ông đổ rơi giọt lệ. Nước mắt đã bò trên má ông, ông cũng không lau. Đây là lần thứ nhứt tôi trông thấy ông khóc, lòng tôi đã rung động. Tôi bắt đầu cảm-xúc vì ông đau xót.

— Thế thì ông không thể sửa đổi hoàn-cảnh của ông sao ?

Tôi hỏi ông với vẻ đồng-tình. Tôi nghĩ rằng ông một khi đã biết được sai lầm của ông, tự-nhiên so ra cũng dễ-dàng sửa lại cho đúng.

— Sửa đổi hoàn-cảnh ? Anh nói bộ dễ lắm sao ?

Ông trả lời một cách đau-đớn.

— Tôi đã mọc gốc mọc rễ trong hoàn-cảnh này rồi ! Tôi đã tiêu mất rồi ! Anh bị tôi có phước đây. Tôi chỉ còn có thể sống sót trong cảnh tình này thôi. Ngày lại ngày tôi càng lún càng sâu, chìm xuống mất đi thôi ! Đã chìm xuống thì không thể nào...

Bỗng nhiên ông mím chặt môi, dường như một nỗi quá đau đớn chận nghẹt cổ ông. Ông bắt đầu thở hỗn hển cách yếu ớt, tròng mắt đờm vẻ tuyệt - vọng vô phương cứu chữa. Nước mắt không dứt chảy dài theo má, tràn vào mồm khi mở lúc ngậm, làm cho ông phải nuốt luôn.

Trong gian phòng là một luồng im lặng. Ngoài sân cũng không có một tiếng động, không có chút gió. Cảnh vật lặng im này thật đáng rùng - rợn rất giống mọi hoạt-động đều đình-chỉ. Thế-giới này đã rơi vào trạng-thái ngưng hẳn, ngày tận của nó đã sắp đến rồi.

Tôi ngồi ở ngay trước mặt ông, tiếng thở hỗn hển của ông dội thẳng vào lòng tôi. Không có tiếng động nào khác dạng ngăn trở ông ta. Dường như trên cõi trần này chỉ còn có hơi thở gấp bức của người ông, một con người tuyệt vọng với luồng thở hỗn hển vô ích. Thật đáng rùng rợn làm sao ! Không khí đã trở thành trầm trọng khác thường, mỗi phút càng đè ép xuống, bức gần bên. Tôi đã bắt đầu cảm thấy khó thở, luôn cả trái tim mình nhảy tôi cũng nghe biết được. Căn phòng này rõ giống một ngôi cổ mộ ! Tôi nghĩ ông ta hàng ngày chôn vùi tại đây, mãi nghe quả tim mình rung động, cứ đọc những tác-

phẩm của bọn hủ nho đã chết kia. Như thế đâu còn bảo tồn được luồng sinh-khí của con người ? Lúc bấy giờ tôi không còn chút nghi - ngờ đối với tương-lai của ông. Một tiếng mạng-lệnh cương-quyết dường vang lên trong đầu tôi : Ông đã tiêu rồi, tiêu mất không thể nào cứu-chữa !

Ông không nói nữa. Tôi cũng lặng-thình, tôi biết rằng lời nói lúc này là không có dụng vào đâu. Tôi rất muốn đi, nhưng tôi lại không động-đậy mình. Tôi khác nào đang chờ đợi một tai-họa sắp xảy ra.

Một hồi không bao lâu, không-khí bỗng-nhiên chấn-động lên. Tiếng máy xe hơi xì-xịch đánh tan sự im-lặng này. Chúng tôi ở trong phòng vẫn nghe được rõ-rệt chiếc xe chạy đến ngoài ngõ liền ngừng lại. Tôi biết rằng bà vợ ông đã trở về. Nhưng ông vẫn như trước tựa ngửa cách rũ-liệt trên ghế xô-pha, dường như không có nghe thấy vậy.

Thế rồi tiếng bước và tiếng nói chuyện của hai người vang lên bên tai tôi. Một lát vợ ông mặc bộ đồ tân-thời năm 1934, mặt mày hí-hởn vội vã bước vào. Theo phía sau bà, tức là ông giáo-sư lịch-sử danh-tiếng ấy.

Ông vừa thấy vợ bước vào, sắc mặt ông ta tức thì thay đổi, kẻ đó cử-chỉ cũng thay đổi hẳn. Ông đón tiếp bà với nụ cười niềm-nở. Bà vốn là một ngôi sao xã-giao, đối với chồng cũng dùng đến thủ-đoạn xã-giao. Chưa xong mấy câu nói, bà ta đã làm cho ông phục sát-rạt, vả lại còn nói nói cười cười. Tôi không hơi đâu mà nhìn xem tấn hài kịch này, bèn thừa dịp ấy từ-giã ra về.

NGHIÊU-NHỤT

Về tới trong nhà, tôi nghĩ đến ông tức thì như trông thấy cái bộ mặt ở trước mắt tôi chìm dần xuống, chìm xuống dưới... thế là chìm tuốt xuống dưới vực sâu không còn trông thấy nữa! Tôi chỉ nhớ đến một câu nói của ông: « Tôi đã tiêu rồi! ».

Tôi cũng không đến thăm ông nữa, vì con người ông đâu còn tồn-tại trong não-cân tôi. Và lại tôi tin rằng sau này ngoài tin-buồn báo ông chết, tôi không thể còn nghe thấy ở trên báo hoặc nơi nào khác về tin-tức của ông.

Nhưng việc làm cho tôi hết sức ngạc-nhiên, là cách mấy hôm sau trên báo lại đăng tin ông ở trường đại-học nào đó diễn-giảng về thái-độ sinh-hoạt của văn-nhân triều Minh. Qua được hai bữa sau tôi lại được biết ông đang cùng một nhà văn chuyên về Shakespeare, tổ-chức đoàn-thể gì đó để phiên-dịch tất cả những tác-phẩm của Shakespeare. Kể đó lại thấy ông ta viết bài nói về Trịnh-Diễm-Thụ với chủ-trương văn-chương gì đó. Hơn hai tháng sau, cuốn sách chú-thích của ông về văn-phẩm của Viên-mỗ lại thấy đăng quảng-cáo sắp xuất-bản ở trên các báo. Rồi lối nửa năm qua, tôi nghe người ta nói ông đã làm ủy-viên « ở không lãnh lương » thuộc bộ gì đó — bộ gì ấy có thể là bộ giáo-dục, chỉ tại tôi không có nghe rõ. Trông vào bao nhiêu việc kia, dường như ông ta nỗ-lực để trời lên, trời lên trên. Nhưng trên thực-tế, rõ-ràng là càng chìm xuống, chìm xuống mất rồi!

Còn tin-tức về người vợ của ông, các báo-chí cũng đăng được khá nhiều. Trong mấy tờ họa-báo thường-thường có in ảnh

của bà, phía dưới có thêm ít câu giải-thích. Một cái tin chót là bà đã ly-dị ông chồng, kết bạn với ông giáo-sư lịch-sử danh-tiếng ấy, cùng nhau sang du-lịch nước Mỹ. Năm ấy đang nhằm lúc các giáo sư lịch-sử trường đại-học được nghỉ, chàng đến Đại học Harvard để giảng về văn-học Trung-Quốc.

Tôi biết rằng câu chuyện này có thể làm cho ông ta rất đau khổ, nhưng tôi cũng mặc kệ ông. Từ lâu tôi đã kể như ông là một thế-giới khác.

Nhưng lại có một chuyện xảy ra làm cho tôi ngạc-nhiên. Sau khi vợ ông đã đi Mỹ chưa được mười tuần lễ, ông liền gửi lại một thiệp báo tin ông đã cùng nữ-sĩ nào đó đính hôn. Càng lạ lùng hơn nữa là hơn một tháng sau, các báo liền đăng tin ông chết. Sự đời sao lại biến đổi mau lẹ thế? Thật đột-ngột làm sao!

Trên báo-chí đăng khá nhiều bài văn thương-xót ông. Có vài tạp-chí lại cho ra số đặc-biệt về ông. Trông vào đồng văn-chương ấy, hình như những người nhận-thức ông đều là những kẻ lâu nay sùng bái ông. Họ đồng bảo rằng cái chết của ông là một thiệt-thòi lớn cho văn-học Trung-Quốc. Luôn mấy kẻ không biết ông, cũng vì ông mà viết tiểu sử giống như điện báo tang.

Đến thàng tôi, dù rằng tôi cũng thờ dài khi hay tin ông mất, nhưng tôi thật không hề cảm thấy có chút gì là thiệt thòi. Và lại tôi còn lấy làm mừng cho tôi: Tiếng nói của câu « Đừng chống với hung dữ » ấy đã tắt lịm theo ông vĩnh-viễn dưới lớp mồ!

NGHIÊU-NHỤT (dịch)

BÀI CA
TÌNH YÊU

HƯƠNG-QUY

Ôi đẹp làm sao tình yêu
Cuộc đời xiết bao vô-nghĩa
Thế-nhân khác gì cảm-thú
Nếu hồn không ngập thương yêu

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Cõi đời ê-chề đau khổ
Con người dễ-dàng gục-ngã
Nếu không mát ngọt tình-yêu

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Giữa đôi mảnh hồn thơ trẻ
Trao nhau ánh mắt nụ cười
Hiến nhau trọn niềm chung-thủy

Ôi đẹp làm sao tình yêu
Giữa đôi vợ chồng gắn-bó
Cùng nhau xây-dựng ngày mai
Hạnh-phúc tràn căn nhà nhỏ

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Của những người cha tận-tụy
Mãi lo cơm áo gia-đình
Đành giãm tràn bao phiền-lụy

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Những bà mẹ hiền lam-lủ
Nuôi con bằng máu tim mình
Trọn kiếp mơ gì sinh-thú ?

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Của đàn con thơ măng sữa
Đêm ngày thỏ-thẻ ba mẹ
Lớn lên trọn lòng hiếu-tử.

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Một nhà anh em máu-mủ
Sẵn lòng chị ngã em nâng
Chia xẻ buồn vui sướng khổ

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Những đôi bạn-bè chân-thật
Cảm-thông tâm-sự đầy vơi
Hơn tình anh-em ruột thịt

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Của người dân cùng Tổ-quốc
Sẵn-sàng gươm súng hiên-ngang
Điềm tô màu cờ dân-tộc

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Những kẻ không cùng máu-mủ
Cảm thông ngàn nỗi thương đau
Rộng mối từ-tâm giúp-đỡ

Ôi đẹp làm sao tình-yêu
Dù riêng gặp nhiều đau tủi
Cuộc đời sa-mạc hoang-liêu
Vẫn nguyện say-sưa ca ngợi :

Tình yêu là hương-hoa trái ngọt
Là nguồn thơ, là hy-vọng muôn lòng
Là ánh-sáng, hoà-bình, hạnh-phúc
Ôi tình-yêu lý-tưởng đẹp vô-cùng.

HƯƠNG-QUY



DỠ CHÀ

CHIỀU rồi, nói như một thi sĩ, hoàng hôn đang lên. Màu xám tới trước, bắt đầu dưới các gốc cây, dần dần dâng lên ôm lấy những mái nhà rồi tiếp tục, chầm rãi nhưng chắc chắn, chinh phục các tàn lá, sau cùng, đuổi được những tia sáng vàng vọt còn nuôi nằm trên đọt cây, chiếm thẳng hoàn toàn mặt đất.

Xong, nó bắt đầu xâm chiếm không trung, lên lần, lên lần, lên lần. Đến khi nó đột nhập được nền trời, biên đời các sắc mây mới này đây còn đang như cần xà-cừ, bây giờ chỉ là một màu xanh lơ, rồi xám, rồi xanh sẫm

như nước biển sâu thì mặt đất đã hoàn toàn bị màu đen chề ngự.

Trong những phút giao thời ấy, ở thôn quê, con người cảm thấy rất dễ chịu, thoải-mái, sung-sướng vì dầu muốn dầu không, họ cũng phải nghỉ-ngơi, nằm sải trên chõng tre nghe máu lưu trong mạch và dạ dày « thanh toán » một cách khoái trá bữa cơm thanh đạm khi chiều.

Hơn nữa, trong lúc này, dầu lửa hiem hơn vàng thì cái giờ nghỉ ngơi này đã thành gần như bắt buộc.

Trong khi đó, trong vườn, dưới ruộng, ở các tha-ma, hơn mấy loại côn

trùng đã dạo sơ vài điệu để lát nữa, vào gần độ nửa đêm, sẽ tổng hợp cùng đồng loại chúng mà hòa tấu dạ khúc đồng quê.

Làng Phước-thới, cũng như các vùng phụ cận, trong thời kỳ tàn cư chỉ còn lại một số ít bà già và trẻ con, cũng bắt đầu chìm trong tĩnh mịch.

Tháng hoặc xa xa, có một ngọn « đèn » mù-u đỏ hoe, khói lên đen đặc trong gian lá hẹp, thì từ phía buồng của gian nhà ấy, nghe tiếng đàn bà nhắc nhở luôn:

— Còn ít « ghim đèn » lắm đó nghe con! Coi chừng để dành khi xuống hầm núp. Biểu vớt thêm mù-u xắt phơi thì bây sớ « thẳng chổng » không dám vớt, mà lại ửng đợc sách khuya, sao đợc con!

Sau lời cảnh-cáo đó, bọn trẻ tắt đèn đi ngủ, thì toàn-thể làng mạc đắm trong im lặng như muốn nhập vào cõi hư-vô

Rải-rác dài theo lộ đất, vài thanh-niên có phận-sự canh gác, tới lui, đập muỗi luôn tay.

Trong cảnh - tượng âm-thầm vắng-vẻ ấy, có bóng một chiếc xuồng từ chồn xa bơi lại. Nó đã qua hai cánh đồng dài, một bãi tha-ma to dọc theo ven sông cái, và hiện tới đầu vàm rạch Ô-môn.

Ánh sáng lờ-mờ không cho ta phân biệt rõ mặt mũi vị xuồng trưởng, song cứ theo tác tượng ngồi trên lái xuồng, có thể chắc rằng đó không phải là trẻ con, nhưng cũng chưa là người lớn. Có lẽ một đứa con trai sắp qua tuổi dậy thì...

Hắn cho mũi xuồng hơi day vào bờ, nhắm ngay tới gốc sung trước mặt, định ghé lại nghỉ tay giây lát, lấy sức để vượt ngang vàm.

Mái giầm đang bỏ bồm - bồm đều-đều xuống nước, bỗng nhiên, khi lọt vào dưới tàn cây sung, bỏ nhắm vật gì nghe kêu một tiếng bộp. Vật ấy chao động, lắc qua lắc lại rồi chột, kinh-khùng làm sao! nó lật ngửa lại, đưa bốn chổng thẳng lên như bốn cây cột chèo trên một chiếc ghe mũi nhỏ.

Hắn kinh - hoàng, buột miệng kêu to: « Ôi trời đất! » làm vỡ tan cái im lặng chung quanh. Hắn vừa bỏ giầm trúng vào lưng một xác chết trôi hay một « thẳng chổng », theo tiếng gọi thông-thường khi ấy. Xuồng đã trôi qua nhưng hắn thấy lòng bối-hối, xót-xa, hồi hận trước sự vô ý của mình. Vì theo hoàn-cảnh, sự việc đương-thời thì phần nhiều những kẻ chết trôi như vậy là những chiến - sĩ hay những nông - dân hiền lành « cần cơm không bẻ ». Hắn bàng - hoàng tự hỏi tại sao, đã khá với đôi mắt đi đêm đã khá hành-thạo, hắn lại có thể phạm vào sơ-sốt đáng trách ấy, dù dưới gốc cây, bóng tối có dày hơn đi nữa?

Suốt từ rạch Bắc-vàng tới đây, không quá mười cây số đường sông, gặp như vậy gần chục lần rồi, làm nào hắn cũng trông thấy, kịp lời giầm cho xuồng êm ái trôi qua, không để nước chao động máy may, hay gây nên một gợn lăn tăn nào chạm vào các tử-thi.

Vừa suy nghĩ, hắn vừa ngoái lại nhìn trở vào đồng đen thui kinh - dị kia, vì nằm ngửa nên bị gió đẩy đưa,

chòng chành như một chiếc thuyền con không lái không buồm, sẽ trôi nổi dạt dờ, tấp bèn nọ bờ kia đợi ngày rời rã.

Dù cho bây giờ đã là vô tri, xấu xa, đời với cuộc sống nữa, nhưng trước kia, thuở còn ấu thơ, cái xác ấy cũng đã có thời là một nguồn sống, một mối thương yêu vô cùng của cha mẹ nó, kẻ đó, biết đâu, nó đã là rường cột của một mái nhà, trách - nhiệm về bao nhiêu cuộc đời và mới đây — ít ngày trước đây — hãy còn là một sinh vật súc-tích những ước vọng tày trời !

Vì vậy, hắn không thể nào tự tha thứ được cái cử chỉ hắn cho là hỗn xược vừa rồi. Hắn bấn dùng một lát rồi quay mình lại, bỏ giẫm móc mây cái thật dài. Chiếc xuồng lướt tới gần xác chết, mũi thồi bồng vào mũi, hắn gác giẫm lên mỏ lầy sợi dây luộc nhỏ cột ở lái xuồng, làm một cái thòng lọng khá to nhắm liệng cho tròng vào cánh tay giơ lên của xác chết, giựt siết lại, rồi một tay nắm đầu dây, tay kia cầm giẫm quơ nhẹ nước cho xuồng ghé vào gốc sung. Bỏ một chân lên rễ cây giơ ra giữ cho xuồng khỏi trôi, hai tay hắn lấn mỏ cột mỗi dây vào thân cây, miệng lẩm rầm như nói với người còn sống :

— Trời tối quá, không thấy rõ, xin anh đừng trách. Anh đợi đây đêm nay, mai em sẽ xin vận - động thêm người để lo tống táng anh.

Xong đâu đấy, hắn bằng lòng tạm coi như mình đã chuộc lỗi phần nào, xô xuồng bơi ra vàm.

*
* *

Vàm rạch thật không mấy rộng, tuy mỗi năm con nước đổ từ Nam-vang, Châu đốc xuống đập vào bờ trái làm lở đất khá nhiều. Nhưng ngay giữa vàm có một xoáy nước rất nguy-hiêm. Đêm tối xuống ghe lạ không quen lối bơi nhằm vào xoáy nước liền bị hút tọt như bột trong họng cối xay.

Nhưng chiếc xuồng này coi bộ quen lắm. Gắn giữa vàm, mũi xuồng hơi day xuôi vào lòng rạch đi tới vài mươi thước mới quay mũi trở ra chia sang bờ bên kia. Bơi một mạch nữa xuống tới doi Phước-thới. Từ trên bờ dưới gốc cây, có tiếng hỏi vọng xuống.

— Ai đó !

Dưới xuồng trả lời, bình tĩnh :

— Em đây, anh Tám Bì đó phải không ?

Nghe giọng quen, người trên bờ đi ra khỏi bóng cây, đứng trên doi đất hỏi tiếp :

— Phải rồi, sao em về đó ?

— Đã di chuyển, em ở lại ít ngày, mai quá giang xuồng đi theo.

— Giờ bơi đi đâu đây ?

— Giờ về dỡ đồng chà nhà chắt đàng kia. Mượn xuồng và lưới của chú Tư thợ rèn đây. Nước kém chắc khá cá mà, hả anh Tám ?

— Cá thì chắc rồi, nhưng để ý tàu tuần nghe.

— Biết ! hễ em nghe tiếng máy, cho xuồng vào lùm là êm !

Sau mấy câu hỏi vấn tắt đó, yên lặng trở lại. Chiếc xuồng tiếp tục con đường. Vài mươi phút sau, thêm một lần vắn đáp như vậy nữa, rồi xuồng

tới gần một đồng chà chôm chắt ở giữa nước cách bờ độ vài mươi thước. Vừa cột mũi xuống vào một gốc cây khá to cắm ở đầu đồng chà, hấn vừa suy nghĩ :

— Vừa vắn con nước, sướng thật ! Bây giờ hãy nghỉ một chút rồi lo bao lưới, nước giựt thì liệng chà ra, bắt cá, độ sao mai mọc là xong hết. Thả theo nước lớn xuôi tới chợ Ô-môn thì vừa sáng. Ai biết mình là ai ! Bán mào hết cho bạn hàng, êm ru ! Xong, mua cho ông già một bộ đồ vải ta. Ông có lành lặn, mình đi yên bụng hơn. Còn chút đỉnh bỏ theo lưng hồ có cần gì ! Đại đội hôm nay đã tới Rạch-giá, tối mai mình lên đường thì vừa.

Sực nhớ tới cái xác còn cột ở gốc sung, hấn thở dài tiếp :

— Mua một chiếc chiếu nửa chớ, suýt quên rồi ! Mai trở về nhờ thêm anh Bì là đủ sức. Mình còn được may mắn sống đây, nên chịu khó một chút...

Rồi hấn nằm dài trên sạp xuống, lót hai tay dưới gáy, ngửa mặt nhìn trời.

Lát sau, hấn chỗi dậy, mò mẫm vào đồng lưới đen ngòm trong xuống, kiểm lấy đầu mỗi cảm tay rồi buông mình xuống nước.

Từ bề im lặng, mặt sông Hậu-giang lờ mờ, mênh-mông... làng mạc lúc nầy chỉ còn lại một sò ít bà già và trẻ con cũng đã chìm hấn vào giấc mộng sâu dài...

Nhìn lại hai chiu xuôi ngược của dòng sông, thấy thực là hoàn toàn vắng vẻ, hấn yên bụng chú ý vào công việc.

Độ nửa giờ sau, bao lưới quanh đồng chà xong xuôi thì nước đã giựt khá nhiều. Hấn vào phía trong, sửa soạn quăng chà vô bờ, nước sát thì bắt cá.

Từ hướng trên của con sông tức là sau lưng hấn khi ấy có một chiếc tàu tuần loại ghe máy cỡ nhỏ, tắt đèn buồng máy đang thả theo nước ròng, trôi xuống. Thình thoảng từ dưới tàu, thoảng hiện một ánh đèn quét nhanh ngang bên bờ như tia chớp rồi tắt ngấm, chiếc tàu lại trôi rất êm ái. Nếu không do một linh tính tự nhiên bắt hấn quay đầu lại thì có lẽ hấn không hay biết gì hết. Khi chợt thấy, chiếc tàu chỉ còn cách đồng chà mươi thước, hấn không kịp làm gì khác hơn là ngồi thụp xuống trong khi nước đã ròng, chỉ lấp xấp trên mỏ ác hấn.

Muộn rồi. Một loé sáng quét trên đồng chà lẹ như cái nháy mắt rồi một loạt tiêu liên nổ nghe đòn đả trong đêm thanh.

*
**

Ngược với hoàng hôn từ dưới dâng lên, bình minh đang từ trên hạt xuống. Phương đông rựng hồng, nền trời hửng sáng, rồi những tia nắng đầu thoa lên các đọt cây, âu yếm như cái vuốt ve của người tình nhân.

Bây giờ là nhạc chim. Trong các bụi tre, những chim sâu, chim sẻ riu rít, tâu đồn dập nghe phần khởi như mộ điệu hành quân.

Cho đến thời kỳ chiến tranh tao loạn nầy, lão Tám Hiền mới gặp dịp

có được vài phút thông dong lời chèo ngắm cảnh. Nghề chài lưới, tản cư tới đâu sông cũng được, lại không bận bịu gì, lão khoẻ khoắn quá. Sự muộn mằn hiềm hoi mà bình thời lão vẫn buồn rầu cho là mình vô phước bây giờ trái lại thấy nhẹ nhõm, dễ chịu. Thằng Hi, đứa con ẻo uột độc nhất của lão mất mẹ từ thuở lên năm. Lão ở vậy nuôi con. Nào phải lão không muốn lấy vợ nhưng tình trạng kinh tế của lão là câu ca dao nầy :

*« Trồng trâu sợ lẫn với tiêu,
Muốn đi cưới vợ sợ nhiều miệng ăn. »*

Lão cặm cuội làm nuôi con và đặt vào đó bao nhiêu hy vọng. Nhưng khổ nỗi cả ngày lão phải lưu linh trên mặt sông và căn nhà cô đơn không có gì hấp dẫn thằng bé nên nó mặc sức rong, không ai kèm giữ.

Lão chỉ kịp thấy con hư vào lúc nó dậy thì. Nghèo rớt mồng tơi mà không biết chữ nhất, lại không có nghề, cũng không có sức khoẻ để quăng nỏ nê, cắm như cuộc đời mình đã tắt ! Nhưng bỗng ngay lúc đó, làn hơi cách mạng bùng lên, thăm qua các tầng lớp dân chúng, thay đổi hoàn cảnh tức thời như trước chiếc quạt thần của bà La-Sát.

Thanh thiếu niên, một sáng tinh dậy nhận thức nhiệm vụ của mình, nhất đán vươn theo dòng sông mới.

Con lão bỗng trở nên chịu khó, chăm chỉ, siêng năng. Nó bắt đầu học quốc ngữ, học ngày đêm, tháng sau thì đọc sách !

Rồi nó gia nhập một đội dân quân chống xâm-lãng với nhiệm-vụ liên lạc. Lão không dè cái thời-gian rong rỗi của nó trước kia bây giờ lại có ích. Nó thuộc lòng tất cả đường quanh ngõ tắt của cả một vùng to rộng bao quanh làng nó. Cộng với bộ óc quen xoay xở và cặp giò đã thao dượt điển kinh từ nhỏ, nó bỗng trở nên quan-trọng vì luôn luôn được việc.

Thình - thoảng rảnh rang, nó đặt trúm lươn, lợp cá kiếm chút đỉnh tiền mua bánh thuốc, cái khăn gời biểu cha. Lão nhận lấy một cách sung sướng lắm. Tuy chưa nuôi sông được lão song những cái lật vặt ấy thổi vào lòng lão mát rượi như một ngọn gió xuân.

Thề nên hôm nay, trên đường sông về làng, lão mới thấy cái đẹp của trời đất. Sớm mai nước đang lớn chảy ngược vô nhưng gió thổi xuôi ra, hai tay lão đưa mái chèo dật diu theo nhịp bước chân tới lui trên sạp chiếc ghe tam bản con, uyển chuyển như một người con gái.

Mọi năm, vào tháng nước kém nầy là mùa dỡ chà. Năm nay, toàn dân bận rộn vì việc lớn, bỏ qua việc nhỏ.

Mới ngoài năm mươi tuổi mà « nhan sắc » của lão Hiền đã bị nghề chài lưới phá hoại điêu tàn. Bây giờ tóc lão đỏ hoe, da đen sạm, 20 đầu ngón bị nước ăn trắng bích, má hóp vào, tay chân hay rung vì bệnh phong thấp, người lão trong xấu xí dị kỳ. Trong thời kỳ mà — ở thôn quê — mỗi người đàn ông Việt-nam là một miếng

mồi ngon cho lưới lê, họng súng của quân đội Lê-dương mà lão Hiền, hai lần gặp chúng, vẫn an toàn. Có lẽ chúng cho là trong một thể xác như thể không có tâm hồn óc não gì nữa nên không cần phải giết. Thật ra, óc não của lão có lệch lạc đi nhiều rồi, song tâm hồn của lão còn nguyên vẹn.

Lão đang sung sướng vì con nên, và hãnh-diện về những công trình của nó. Lão còn biết có tình lắm. Tuy chắc là được quân-đội viễn chinh chê bỏ, nhưng lão cũng không thích ở lại nhà để chịu cảnh cô đơn, bèn tom góp tất cả gia tài là một miếng chài, hai tay lưới và một ít quần áo bỏ tời bỏ trên chiếc ghe tam bản mũi trần là vật đã chịu nắng sương với lão gần mười lăm năm trời nay, lão theo bà con tản cư vào ngọn rạch Nọc cách làng chừng ba cây sô.

Giờ lão trở về dòm qua nhà cửa và nếu thuận tiện gặp nước dờ đồng chà mà cha con lão chắt từ thuở trời đất chưa nổi cơn gió bụi.

Đọc đường gặp nhiều « thẳng chổng » quá, lão hơi rợn! Lão lo rùi có một « ông » kẹt vào đồng chà của lão! Nhưng lão yên lòng ngay vì « ông » nào đã phình thì thường trôi xuôi ít khi bị vướng, nhất là hai bờ sông cái trơn tru không có cầu, cây gì cả. Xác nào kẹt lại đó tức là chết chưa quá ba ngày, chưa sinh! Nhưng không lẽ quân đội Pháp lại đem tội nhân ra tại đồng chà của lão mà xử-tử?

Tạt qua nhà, thấy chiếc nóp rách của con cuộn tròn nhét ở kẹt cột hấy

còn nguyên chỗ cũ, lão bùi ngùi! Từ nhỏ đến giờ, thẳng Hỷ chưa hề biết ngủ mừng!

Nếu hôm nay mà được khá cá thì thể nào lão cũng cô nài của ông chủ Chọi một cái mừng trâu. giặt giũ rồi nhờ bà Tỳ thâu hẹp lại.

Thấy nước sắp đứng rờng, lão lo chèo ghe ra chỗ đồng chà. Châu cha! thấy cá ăn mông mà ham. Lão lật đặt cắm lưới bao quanh mặc dầu nước chưa xuống lắm. Xong xuôi lão cho ghe vào núp nắng dưới gốc bằng lăng.

Nước xuống lần lần, lòi ngọn chà ròi nhánh chà, sắp lòi tới gốc chà. Lão cho ghe tới để sửa soạn quăng chà bắt cá. Bỗng lão Hiền phát lạnh người vì lờ mờ dưới đáy nước, một xác đàn ông nằm sắp kẹt trong những nhánh chà.

Do một hiện tượng sinh lý gì lão không thể hiểu, tất cả « thẳng chổng » đàn ông đều sắp và đàn bà thì ngửa. Lão nghĩ là tại người đàn ông thường có bộ phổi to.

Lão nhìn cái xác, bồi rồi mất mấy phút rồi quày ghe vào bờ định nhờ người phụ lực nhổ chà đẩy xác ra sông. Đi thẳng đến lò gạch chú Phình cách đó trăm thước nhưng không gặp người đàn ông nào, lão bèn trở lại.

Lạ lùng sao lão thấy cạnh đồng chà có một chiếc xuống chờ một đồng lưới đen đặng mũi, giữa lại có một chiếc chiều to trái banh ra trên ván lót. Cạnh đó, hai người đàn ông đang hấp tấp nhổ lưới của lão. Lão vừa toan

cất tiếng hỏi thì nhận ra Tám Bì. Lão gất:

— Máy làm gì kỳ vậy, Bì?

Ngó trật lên bờ thấy lão Hiền, Tám Bì bỗng có vẻ hoảng hốt, nhỏ gập rút hơn trong khi miệng hấn cứ câm như hèn.

Lão rất đỗi ngạc nhiên, bèn buông mình xuống ghe, gay chèo. Thấy lão gay chèo, Tám Bì bèn thôi không nhỏ lưới nữa, mà đề lưới xuống bước choàng ngang lội vào trong đồng chà bươn-bả tới lòn tay xuống tứ thi bề xốc lên. Nhưng lão Hiền vốn là tay sòng trên mặt nước, chỉ quạt ba mái chèo là lão đã cặp ghe sát bên xuống. Tuy vậy lão cũng không hề vội vã, đứng trên lái ghe bình tĩnh hỏi:

— Làm gì nhỏ lưới vậy? Bộ máy phá tao hả, Bì? Xác ai đó, quen với máy hả?

Khi ấy, nước cao ngang bụng Tám Bì. Hấn ôm sập tứ thi, khum mình xuống cô ý để cho thấp dưới mặt nước chừng vài tấc, nhìn trôn lão Hiền mấy giây rồi bỗng òa lên khóc. Người bạn kia thì dừng tay, đứng lặng nhìn ra sông.

Lão Hiền nhìn Tám Bì rồi nhìn người kia, đôi mắt đấy về ngạc nhiên xa lạ. Bỗng Bì nín khóc, cất giọng ó ẻ kể lể:

— Thằng em nó còn trẻ tuổi, khờ lắm!... mới ra nông nổi vậy...

Lão Hiền có nghe nhưng không chú - ý quay lại khum xuống thoi mây hơi vào chỗ sạp lão đứng khi nãy, rồi gác chèo lên ghe, ngồi bệt xuống hai tay bó gối, thản nhiên nhìn.

Tám Bì nín khóc, ôm hông xác chết lên khỏi mặt nước, nặng nề rút từ chân một lún dưới bùn lên, chậm chạp bước tới bên xuống rồi không nhờ ai, rón sức nâng tứ thi lên đặt ngửa trên xuống.

Thoáng nhìn xác chết tóc rũ rượi che khuất trán, da xám ngắt, tay chân co queo, lão Hiền chặc lưỡi: « Tội nghiệp, con nhà ai... »

Nhưng chưa nói hết câu, lão bỗng trợn mắt to, quát lên hỏi xác chết:

— Úa, Hì con đó hả?

Rồi lão đứng dậy, lão đảo chạy tới đưa hai tay ra như định bồng con. Chli được mấy bước, lão té âm xuống sạp. làm chiếc ghe chao mây cái thật mạnh.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ - DO

Tám Bì leo lên xuống, quần chiếu cho xác tử thi rồi vừa cột dây 2 đầu vừa nói với người bạn :

— Anh Ba làm ơn chờ giùm bác Tám vào xóm cứu cấp, và nếu anh không bận gì, đưa luôn giùm bác về ngọn rạch Nọc, nơi đó có bà con của bác... Để phần tôi lo tổng táng em Hi và trả xuống lưới này cho chú Tư thợ rèn ở Bắc-vàng.

Anh kia leo lên ghe, lật ngựa lão Hiền ra nắm tay chân và phàn nàn nạn :

— Nếu khuya hôm qua, anh nghe tôi, trở lại mò xác ngay sau khi gỡ lưới thì đâu có chuyện này !

— Thì khi ấy, chiếc tàu đó lui tới khúc sông này mấy lượt chỉ cốt chờ

có vậy thôi ! Gần sáng nó chạy luôn thì nước đã lớn đầy. Với lại có ai nghĩ rằng ông già ông về đúng vào hôm nay !

— Cái nhà nầy sống về nghề chài lưới mà. Hai cha con đều rành rẽ các con nước ! Canh đúng lắm. Con nước nầy thì có thể bắt được nửa ghe cá !

Rồi anh ném mắt xuống đàn cá đang ăn mòng ngư trong đống chà, nói tiếp :

— Được mớ cá nầy thì hai cha con có thể lành lặn cả năm ! Thôi, Anh Tám nhẩy xuống nhờ mấy khoản lưới còn lại, ôm bờ lên ghe dùm, tôi gay chèo đây. Bác Tám đã tỉnh, cựa mình rồi.

VĂN-TRANG

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON



IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Chúng tôi đã nhận được :

Cô đơn ; Lối về xóm nhỏ ; Kinh hoàng (Thanh-Hoài) — Em là kiếp gái (Lệ - Thùy - Trang) — Gửi gắm ; Sóng lòng ; Lặng lẽ (Nguyễn-Minh-Quan) — Thảm cảnh ngoài bề khơi hay cái chết bi đát của 108 người Trung-Hoa thờ tại đền Chiêu - Ứng ở Huế (Bữu - Kế) — Xứ mẹ ; Kỷ-niệm ; Tuổi thơ (Thanh-Lộc) — Tên cá trong Ngũ-Việt (Nguyễn-Bạt-Tụy) — Lững-lờ ; Chúng tôi (Nguyễn) — Cảm ơn bác đồ tề ; Y Proon (Hà-Vô-Hoài) — Cái mặt nhọt (Minh-

Hoàng) — Hy-vọng ; Cánh bướm (Ngân-Thao) — Tiếng buồn ; Tiêu đài nguyên (Mai-Trúc-Diêu).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Hà-Thế-Vân, Đà-Nẵng. — Đã chuyển giao thư ông cho ông Đ.H.

Một bạn miền Trung. — Mời bạn ghé tòa-soạn nhận tập thơ « H. N. » chép tay. Xin bạn thứ lỗi cho sự chậm trễ này. N.N.I

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- « Hóa-học » lớp đệ Tam A, B của ông Lê-Minh-Châu và Phan-Hữu-Niệm do nhà Thế-Sự xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang, giá 40\$00.
- « Phương - pháp conjugaison » dùng trong các kỳ thi Trung-học đệ-nhất-cấp và Tú-tài (Sinh-ngữ II) của ông Trần - Thừa - Dụ, do nhà Yên-Sơn xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang, giá 20\$00.
- « Truyện ba người lính nhảy dù lâm nạn » của ông Nguyễn-Mạnh-Côn do nhà Nguyễn-Đình-Vượng xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 293 trang, giá 40\$00.
- « Bài tập và tính thi Hình - học không-gian » lớp đệ Nhị A, B của ông Nguyễn-Văn-Thái, do nhà Nguyễn-Đình-Vượng xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 245 trang, giá 85\$00.
- « Số-học và Đại-số-học » lớp đệ Lục của ông Nguyễn-Biên, do nhà Hoa-

Niên xuất - bản và do tác - giả gửi tặng. Sách soạn theo chương-trình hiện-hành và dày 79 trang, giá 23\$00

- « Vân-Muội » (tái bản) của ông Vũ-Hoàng-Chương, do nhà Nguyễn-Đình-Vượng xuất-bản và gửi tặng. Vân-Muội gồm ba kịch thơ : Vân-Muội, Trương-Chi và Hồng-Điệp Thi-sĩ Đình - Hùng minh - họa và trình-bày. Sách dày 120 trang, giá 32\$00.
- « Le problème de l'hévéaculture au Viet-Nam » do hội Văn-Hóa Bình-Dân xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 171 trang, giá 100\$00.
- « Causeries sur le développement des ressources naturelles au Viet-Nam » số 8, gồm : các bài thuyết-trình trong các buổi nói chuyện về « Khuyếch-trương tài - nguyên thiên - nhiên Việt-Nam » do Bộ Canh-Nông tổ-chức. Do nhà Khuyến-Nông xuất-bản và gửi tặng.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-giả và ân cần giới thiệu với độc-giả thân mến.

Ở Việt-Nam đã có tờ báo nào đáng gọi là

Nhật Báo Đứng Đắn ?

Đó là câu hỏi của một số lớn các bạn đọc khó tính.

Nhưng nếu quý bạn ấy chịu khó tìm đọc tất cả các báo hàng ngày so sánh thì sẽ thấy :

*NGOÀI NHỮNG TIN TỨC MỚI LẠ,
NHANH CHÔNG, XÁC THỰC VÀ VÔ TƯ*

NHẬT BÁO NGÔN-LUẬN

Còn có những bài thơ êm dịu, những thiên tiểu thuyết hấp dẫn, những chuyện ngắn chọn lọc, những bài sưu tầm công phu. . .

Do một nhóm nhà văn nhà báo Yêu Nghề Góp Sức Xây Dựng Nhật Báo NGÔN-LUẬN.

HÀNG NGÀY CỐ GẮNG

LÀM VỪA LÒNG QUÝ BẠN

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

DAI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

* Bán nguyệt san **SÔNG**

Xuất bản ngày 1 và 15 mỗi tháng

* Tiếng nói chung của những người chống Cộng
với sự đóng góp của trên 40 nhà văn tranh đấu.

Chủ nhân : NGÔ-TRỌNG-HIỆU

Chủ bút : LƯU-HÙNG

Thư ký tòa soạn : DUY-SINH

Họa đàn : VI-Ỹ

60 trang giá : 7 \$

NÊN HÚT THUỐC LÀ 



請吸
金字烟

Cigarettes **JOB** Superines

COFAT

CHOLON

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được cuốn :

— « *Curiosités toponymiques et folkloriques du Sud Vietnam* », của Ó. Thái-Vân-Kiểm soạn và gửi tặng. Sách biên khảo bằng Pháp-văn. Tác-giả giới thiệu những phong cảnh cùng di tích lịch-sử Việt-Nam, một cuốn sách rất có ích cho các bạn thích tìm hiểu lịch-sử địa dư V.N.

Xin trân trọng cảm ơn tác-giả và ân cần giới thiệu cùng các bạn đọc.

B. K.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN SỐ 53

NỘI-DUNG PHONG-PHÚ

Đầy 176 trang, giá 12\$

VOYAGEZ PAR QUADRI-MOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE THANH-TON - SAIGON

TÉL. 22 102
SGN. 34

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Hút Thuốc Thơm

Mỹ nhất hôm



Sang Tinh Chấn

Sản -

- Tề -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15 \$





LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn
Điện thoại : 25.529

In tại nhà in VAN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$